

VIRGINIA WOOLF

TỦ SÁCH
LINH HOA

*Căn
phòng
riêng*

Trịnh Y Thư dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRÍ THỨC

Căn Phòng Riêng

Virginia Woolf

Nguyên tác: A Room of One's Own

Người dịch: Trịnh Y Thư

Công ty phát hành: Phương Nam

Nhà xuất bản: NXB Tri Thức

Kích thước: 12 x 20cm

Số trang: 192 trang

Ngày xuất bản: 03-2009

∞ ∞ ∞ ∞ ∞

Thực hiện ebook: tamchec & thanhhaitq

Ngày hoàn thành: 06-07-2016

Nguồn: <http://tve-4u.org>



(25/1/1882 - 28/3/1941)

Lời giới thiệu

“Một phụ nữ muốn viết văn cần phải có tiền và một căn phòng của riêng mình.”

Căn phòng riêng - cuốn tiểu luận của Virginia Woolf, xuất bản lần đầu tiên vào năm 1929 - đã được khai triển từ luận điểm trên. Một luận điểm mang màu sắc duy vật và đầy khiêu khích. Thẳng thắn, sắc sảo, với một chất hài hước kín đáo, đó là giọng điệu chủ đạo của *Căn phòng riêng*.

Cuốn sách mỏng này được hình thành từ loạt bài thuyết trình của Virginia Woolf tại hai trường Newham College và Girton College, hai trường cao đẳng dành cho phụ nữ tại Đại học Cambridge, xoay quanh chủ đề “Phụ nữ và tiểu thuyết” năm 1928. Vào cái thời phụ nữ muốn vào thư viện của trường đại học cần phải có thư giới thiệu hoặc người có uy tín đi kèm, những luận điểm của Virginia Woolf thực sự có tính chất công phá lớn. Cuốn sách không chỉ mô tả tình thế của các nhà văn nữ ở thời kỳ mà người phụ nữ phải chấp nhận nhiều sự bất bình đẳng xã hội, cũng không đơn thuần làm nhiệm vụ phê bình, đánh giá lại vị trí của các tiểu thuyết gia nữ - những đại diện thường bị xem là bộ phận thứ yếu cấu thành nên diện mạo của nền văn học Anh. Nó đặt ra một câu hỏi then chốt: Liệu các nhà văn nữ có thể sáng tạo nên những tác phẩm tầm vóc như của Shakespeare không? Đó không đơn giản là một câu hỏi có tính chất giả định; nó là một đề nghị thử nhìn nhận lại vai trò, vị trí và năng lực của phụ nữ trong việc sáng tạo nên những giá trị văn hóa của nhân loại. Để làm được điều đó, cần phải thoát khỏi những định kiến vẫn được xem là đương nhiên, tự nhiên đối với người phụ nữ.

Căn phòng riêng, bởi tính chất đặt vấn đề quan trọng của nó, đã được xem như là cuốn sách đầu tiên đặt nền móng cho trường phái

phê bình nữ quyền luận trong văn học. Rộng hơn, nó được xem là một trong những cuốn sách khơi nguồn cho phong trào nữ quyền, vốn khởi phát từ phương Tây và ngày càng có sức lan tỏa rộng rãi, trở thành một *khúc ngoặt* văn hóa - *khúc ngoặt nữ quyền* (teminist turn), có thể nói như vậy - để dùng một thuật ngữ chỉ sự thay đổi động hình nhận thức của con người trong tiến trình tư tưởng. Được manh nha từ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX tại Anh và Mỹ, nữ quyền luận dấy lên thành trào lưu gây được ảnh hưởng và tác động mạnh mẽ bắt đầu từ thập niên 60 thế kỷ trước. Nó đấu tranh cho quyền tự do, bình đẳng của người phụ nữ, đòi hỏi mở ra một không gian xã hội rộng lớn hơn để người phụ nữ được can dự, định nghĩa lại về người phụ nữ, giải cấu trúc những biểu tượng định kiến về phụ nữ vốn thống trị nhận thức xã hội... Có thể thấy những chủ đề quan trọng đó của nữ quyền luận đều đã được Virginia Woolf gọi mở trong cuốn sách này.

Virginia Woolf được xem là một trong số những “tượng đài” kỳ vĩ của văn học hiện đại chủ nghĩa, bên cạnh tên tuổi của những James Joyce, Marcel Proust, Franz Kafka, William Faulkner... Bằng sự độc đáo và niềm đam mê sáng tạo vô bờ bến, bản thân cuộc đời và sự nghiệp của Virginia Woolf đã trả lời cho câu hỏi về năng lực của người phụ nữ mà cuốn sách *Căn phòng riêng* đã nêu ra. Nó cho thấy một Virginia Woolf không chỉ táo bạo trong tư tưởng mà còn hết sức phóng khoáng, tự do trong bút pháp khi làm mờ đi ranh giới giữa tiểu luận và hư cấu, triết lý và tự sự. Đây là cuốn sách đầu tiên của Virginia Woolf được dịch sang tiếng Việt, có ý nghĩa như một chỉ dẫn để từ đó độc giả có thâm nhập vào thế giới nghệ thuật phức tạp và nhiều bí ẩn của bà trong các kiệt tác *Về phía ngọn hải đăng* (To the Lighthouse), *Bà Dalloway* (Mrs Dalloway), *Những con sóng* (The Waves), *Orlando*, *Căn phòng của Jacob* (Jacob's Room) mà hy vọng một ngày không xa cũng sẽ được giới thiệu với độc giả Việt Nam.

TRẦN NGỌC HIẾU

Mục lục

[Chương một](#)

[Chương hai](#)

[Chương ba](#)

[Chương bốn](#)

[Chương năm](#)

[Chương sáu](#)

[Niên biểu tóm tắt về cuộc đời và tác phẩm của Virginia Woolf](#)

Chương một

Nhưng các bạn có thể vặn hỏi lại tôi: “chúng tôi yêu cầu bà nói chuyện về phụ nữ và văn học - chuyện đó dính dáng gì đến căn phòng riêng tây nào ở đây?” Tôi sẽ cố giải thích điều này cho các bạn rõ. Khi các bạn yêu cầu tôi phát biểu về phụ nữ và văn học, tôi ra ngồi bên bờ sông và bắt đầu suy nghiệm ý nghĩa những từ ngữ đó. Chúng có thể chỉ giản dị là một vài chú giải về Fanny Bumey^[1]; thêm vài điều nữa về Jane Austen^[2]; một đoạn tường mộ chị em nhà Brontë^[3] và bức phác họa khu giáo đường Haworth nằm dưới tuyết; đôi ba điều minh triết nếu có thể về Mitford^[4]- một ám chỉ đây ngưỡng mộ đến George Eliot^[5]; đoạn nữa nhắc đến Gaskell^[6] và ta có thể tự bảo thế là hoàn tất. Nhưng nếu nhìn kĩ hơn, những từ ngữ đó xem ra chẳng giản đơn như vậy. Nhan đề phụ nữ và văn học có thể có nghĩa là - và có thể chính các bạn muốn nó có ý nghĩa như thế - phụ nữ và cái gì là phụ nữ; hoặc phụ nữ và những sáng tác văn học do họ viết; hoặc phụ nữ và những sáng tác văn học viết về họ; hoặc, bằng cách nào đó, cả ba ý nghĩa trên pha trộn lẫn nhau và các bạn muốn tôi trình bày đề tài từ góc độ đó. Nhưng ngay khi tôi thử tìm hiểu vấn đề bằng con đường này, có vẻ là con đường thú vị nhất, tôi đã nhanh chóng nhận thấy nó vướng phải trở ngại khá nghiêm trọng. Tôi sẽ chẳng bao giờ đi đến kết luận. Tôi sẽ không thỏa mãn được yêu cầu, theo chỗ tôi hiểu, làm tròn bốn phận trước nhất của người thuyết giảng - đó là đem đến cho các bạn, sau giờ học, khối vàng ròng chân lí để tóm lược những gì trên trang vở của các bạn và đặt nó vĩnh viễn trên bệ lò sưởi. Tất cả những gì tôi có thể làm là gửi đến các bạn quan điểm của riêng mình dựa trên một điểm nhỏ - đó là nếu viết văn, người đàn bà phải có tiền và một căn phòng riêng; và như thế, các bạn sẽ thấy, vấn đề lớn nơi bản chất chân thực của người đàn bà và của văn học là không có đáp án. Tôi đã không chu

toàn bốn phận tìm ra kết luận cho hai tra vấn đó - phụ nữ và sáng tác văn học, với tôi, vẫn là bế tắc. Nhưng để bổ khuyết vào thiếu sót này, tôi sẽ cố hết sức làm những gì tôi có thể để trình bày cho các bạn thấy do đâu tôi có ý nghĩ người đàn bà muốn viết văn phải có tiền và căn phòng riêng. Trước mặt các bạn, tôi sẽ triển khai triết để, với vốn liếng khả năng của mình, hành trình tư tưởng mà từ đó ý nghĩ này kết tinh trong tôi. Có lẽ, nếu tôi phơi trần những ý tưởng, những định kiến đằng sau lời phát biểu, các bạn sẽ thấy chúng phần nào chi phối lên người phụ nữ và lên sáng tác văn học. Dù sao chẳng nữa, khi vấn đề gây nhiều tranh cãi - và bất kì câu hỏi nào về phái tính đều thế - người ta chẳng thể nào hi vọng nói được hết sự thật. Người ta chỉ có thể trình bày quan điểm mà mình nắm giữ định hình như thế nào. Người ta chỉ có thể tạo cơ hội cho thính giả đi đến kết luận riêng của mình trong lúc tường tận quan sát những hạn chế, định kiến, phong cách đặc trưng của người nói chuyện. Sáng tác văn học ở đây như dung chứa sự thật nhiều hơn là dữ kiện. Do đó, tôi xin đưa ra đề nghị, trong lúc sử dụng tất cả sự tự do và phóng túng của kẻ viết tiểu thuyết, tôi sẽ kể các bạn nghe câu chuyện xảy ra hai ngày trước khi tôi đặt chân đến đây - cùng mình bởi sức nặng của đề tài các bạn đặt lên vai tôi - tôi suy nghiệm và ứng xử với nó như thế nào trong cuộc sống thường nhật. Tôi không cần nói rằng những gì tôi sắp miêu tả đều không hề hiện hữu; Oxbridge^[Z] là một giả tưởng; Fernham cũng thế; "tôi" chỉ là định danh ước lệ dùng cho kẻ nào đó không có thật. Từ đôi môi tôi sẽ tuôn ra những lời ngoa ngôn, nhưng có thể cũng có sự thật đâu đó lẫn vào; chính các bạn phải là người biết tìm kiếm đâu là sự thật và tự quyết định có gì đáng lưu giữ lại không. Không làm được như thế, dĩ nhiên các bạn sẽ ném toàn bộ câu chuyện vào sọt rác và cho nó đi vào quên lãng.

Tôi ngồi đây (gọi tôi là Mary Be ton, Mary Seton, Mary Carmichael hay bất kì cái tên nào cũng được - nó chẳng phải là vấn đề hệ trọng) bên bờ sông cách đây một hai tuần gì đó, trong tiết trời tháng Mười êm ả, nhưng đầu óc lại rối mù. Cái sợi dây tròng cổ mà

tôi nhắc đến, phụ nữ và sáng tác văn học, sự cần thiết phải đi đến kết luận cho đề tài gây không biết bao nhiêu định kiến và đam mê, ghì đầu tôi xuống chạm mặt đất. Bên phải, bên trái nơi tôi ngồi, mấy bụi cây chói vàng, thẫm đỏ, rực sắc màu, hình như cũng đang cháy với nhiệt lượng của lửa. Bờ sông bên kia, những cây liễu rũ đang khóc than, tóc ngang bờ vai buông lửng. Mặt sông phản chiếu bóng hình góc trời xanh, cây cầu bắc ngang, vòm cây cháy đỏ, và sau khi anh sinh viên chèo con thuyền lướt qua vũng bóng hình lung linh đó, nó đóng lại như thể chẳng hề có ai đi qua. Tại đây, người ta có thể ngồi hàng giờ đầu óc lan man những ý tưởng không đâu. Ý tưởng - gọi nó bằng cái tên cao cấp hơn là nó xứng đáng được nhận - bổng sa xuống mặt nước. Nó đong đưa, phút này qua phút khác, lúc chỗ này lúc chỗ kia, lúc giữa vũng sắc hình lung linh phản chiếu, lúc nơi đám cỏ dại, lúc té nước hắt tung lên, lúc chìm ngấm, cho đến khi - các bạn biết kết quả của sự giằng co như thế sẽ ra sao rồi - một khối ý tưởng đột nhiên bùng vỡ: và rồi hãy thận trọng kéo nó lại, khê khàng trái nó ra? Hỡi ôi! Nằm trên thảm cỏ, ý tưởng này của tôi trông nhỏ bé, tầm thường xiết bao; một loại cá mà ngư dân thiện nghệ vớt trả xuống nước để nó có thể lớn lên và ngày nào đó bỏ công nấu thành món ăn. Lúc này, tôi sẽ không quấy rầy các bạn với ý tưởng đó làm gì, mặc dù nếu cẩn thận nhìn kỹ, các bạn sẽ tự mình tìm thấy nó giữa những điều tôi sắp nói ra đây.

Tuy bé nhỏ tầm thường nhưng nó vẫn ẩn chứa bản chất kì bí của riêng mình - giữ lại trong đầu, ngay tức khắc nó trở nên vô cùng kích động, và trọng đại nữa; trong khi nó vụt tới vụt lui, chớp chỗ này lóe chỗ kia, không biết bao nhiêu ý nghĩ cứ thế tuôn tràn náo động khiến tôi chẳng thể ngồi yên. Thế là, tôi thấy mình băng đi thật nhanh qua bãi cỏ. Bỗng nhiên, có bóng người đàn ông xuất hiện chặn đứng trước mặt tôi. Thoạt tiên, tôi chưa nhận ra cử chỉ khoát tay của con người kì dị mặc áo khoác đuôi tôm và sơ mi lịch sự dành cho các bữa tiệc ấy là nhắm vào mình. Gương mặt ông ta lộ vẻ hoảng hốt và tức giận ghê gớm. Bản năng chứ không phải lí lẽ đã giúp tôi

hiếu ra; ông ta là giám thị trong trường; còn tôi là đàn bà. Đây là thảm cỏ xanh, đằng kia là lối đi. Chỉ có các giảng sư và học giả mới được phép giẫm chân lên thảm cỏ; còn lối đi trải sỏi là dành cho tôi. Những ý tưởng đó chạy vụt qua trí óc tôi. Ngay khi tôi đổi hướng bước về phía lối đi, hai cánh tay ông giám thị cũng thư thả buông xuống, sắc mặt trở lại bình thường, và mặc dù đi bộ trên cỏ êm ái hơn đá sỏi, tôi thấy chẳng việc gì phải làm to chuyện. Lời kiện cáo duy nhất tôi có thể đem ra chống đối các vị giảng sư và học giả của trường đại học là để bảo vệ thảm cỏ của họ, một chuyện không thay đổi suốt ba trăm năm nay, họ đã khiến con cá nhỏ của tôi lặn mất tăm.

Giờ đây, tôi không thể nào nhớ nổi ý tưởng gì đã khiến tôi cả gan vi phạm điều cấm kị trong khuôn viên trường như thế. Lòng bình an như đám mây hạ thế từ thiên đàng, bởi nếu có lòng bình an ở nơi nào đó thì chắc nó phải ngự trị nơi khoảng sân tứ giác của Oxbridge một buổi sáng tháng Mười đẹp trời. Tán bộ xuyên qua những học viện, những dinh thự cổ xưa, cái xù xì của thực tại dường như bay biến; thân thể như được bao phủ bởi cái tử kính kì diệu không âm thanh nào xuyên qua nổi, và tâm trí không bị nhiễu loạn bởi bất kì sự tác động nào của thực tại (ngoại trừ người ta lại vi phạm giẫm chân lên bãi cỏ), tự do an định với bất kì suy nghiệm nào hài hòa với thời khắc lúc đó. Tình cờ, vài mảnh vụn trong trí nhớ về vài bài tiểu luận cũ nào đó viết về chuyến trở lại thăm Oxbridge trong kì nghỉ hè dài hạn khiến tôi chạnh nhớ đến Charles Lamb^[8] - Saint Charles, Thackery^[9] nói, đặt lá thư của Lamb lên trán. Thật thế, trong số những người đã mất (ý nghĩ nào đến với tôi, tôi sẽ chia sẻ với các bạn), Lamb là một trong những người đồng điệu nhất; người mà người ta có thể hỏi, “Hãy cho tôi biết cách nào ông viết được những tiểu luận đó?” Bởi tôi cho là tiểu luận của ông còn vượt trội hơn cả của Max Beerbohm^[10] với tất cả sự toàn bích, nhờ cái chớp nhoáng hoang dại của tưởng tượng, nhờ thiên tài như ánh chớp hiển lộ ngay giữa các tác phẩm, để lại tì vết và sự bất toàn, nhưng lại lấp lánh

chất thơ. Thế rồi, cách đây chừng trăm năm, Lamb đã về Oxbridge. Chắc hẳn ông có viết một tiểu luận - tôi quên mất nhan đề bài viết - về bản thảo một bài thơ của Milton^[11] mà ông tận mắt trông thấy ngay tại nơi đây. Có lẽ đó là bài *Lycidas*^[12], và Lamb viết ông đã bị sốc như thế nào khi nghĩ có thể nào mỗi từ trong bài thơ, bất kì từ nào, có khả năng là một từ khác hay không. Ý tưởng Milton biến hóa từ ngữ trong bài thơ, với ông, giống như hành động phạm thượng. Điều này khiến tôi nhớ tôi cũng hay giải khuây với bài *Lycidas* bằng cách đoán từ nào có thể bị Milton sửa đổi và tại sao. Rồi tôi nhớ thêm điều nữa là chính bản thảo bài thơ đó, bản Lamb tận mắt nhìn thấy, nằm cách đây chỉ vài trăm thước, người ta có thể đi theo bước chân của Lamb bằng ngang khoảng sân tứ giác để vào cái thư viện danh tiếng nơi tàng trữ bảo vật quý giá đó. Hơn nữa, tôi cũng nhớ thêm, trong lúc tôi chuẩn bị thực hiện kế hoạch này, cũng chính tại thư viện này lưu trữ bản thảo tác phẩm *Esmond*^[13] của Thackeray. Giới phê bình thường nói *Esmond* là tiểu thuyết toàn bích nhất của Thackeray. Nhưng sự mô phỏng văn phong, bắt chước văn phong thế kỷ XVIII, chính là trở ngại của tác phẩm, tôi nhớ như vậy; ngoại trừ trường hợp văn phong thế kỷ XVIII là tự nhiên với Thackeray - một dữ kiện người ta có thể minh chứng bằng cách xem xét bản thảo và tận mắt nhìn thấy những sửa chữa đó giúp ích cho văn phong hay ý nghĩa. Nhưng rồi người ta lại phải quy định cái gì là văn phong, cái gì là ý nghĩa, một câu hỏi mà - nhưng tôi đã đến sát cửa thư viện rồi. Chắc tôi có mở cửa, bởi ngay lập tức xuất hiện, như một thiên thần bảo hộ chặn đường với cái áo choàng đen phất phới chứ không phải đôi cánh trắng, người đàn ông lịch sự, mái tóc bạc trắng từ tốn cất giọng trầm trầm bảo tôi, trong lúc vẫy tôi lại, là phụ nữ chỉ được phép đặt chân vào thư viện khi nào có giảng sư đại học đi kèm hoặc trong tay có thư giới thiệu.

Việc bị một người đàn bà nguyên rủa là chuyện hoàn toàn không đáng quan tâm đối với một thư viện danh tiếng. Đường bệ và trầm tĩnh, với tất cả những bảo vật quý giá nằm yên ổn an toàn trong

ngực áo, nó tự mãn ngủ yên, và với riêng tôi, nó sẽ ngủ như thế đến muôn đời. Sẽ không bao giờ tôi đánh thức dậy tiếng vọng đó, sẽ không bao giờ tôi đòi hỏi từ nó sự tiếp đãi ân cần lịch sự, tôi thề như vậy trong lúc giận dữ bước xuống bậc cấp tòa nhà. Còn cả tiếng đồng hồ nữa mới đến giờ ăn trưa, và ta phải làm gì bây giờ? Tản bộ trên đồng cỏ? Ra ngồi bên bờ sông? Dĩ nhiên, hôm đó là buổi sáng mùa thu thật dễ chịu; những chiếc lá đỏ xao xác dưới chân; và chẳng khó khăn nếu ta cứ thả bộ hay ra ngồi bên bờ sông. Nhưng có tiếng nhạc đờ đờ văng vẳng rót vào tai tôi. Hình như có buổi thánh lễ hay liên hoan nào đấy đang diễn ra. Tiếng đại phong cầm cao nhã vọng ra lúc tôi bước ngang cửa giáo đường. Thậm chí nỗi bi ai của Thiên Chúa trong không gian trầm tĩnh đó nghe chẳng bi ai chút nào mà chỉ là sự hồi tưởng về nỗi bi ai; thậm chí tiếng rên rỉ của chiếc đại phong cầm cổ xưa giữa cảnh sắc thanh bình nghe như tiếng nước vỗ vào bờ. Và dù được phép tôi cũng chẳng thèm đặt chân vào đó làm gì, bởi lần này, có lẽ người cầm trượng sẽ chặn tôi lại, bắt tôi trình chứng minh thư rửa tội, hay thư giới thiệu của viện trưởng trước khi cho tôi vào. Nhưng bề ngoài những tòa dinh thự hoành tráng này đẹp để chẳng kém gì bên trong. Hơn nữa, chỉ cần nhìn những giáo dân đi ra đi vào, xúm xít trước cửa giáo đường như đàn ong bu quanh tổ cũng đủ khiến tôi thú vị. Người đội mũ, người mặc áo dài; có người quấn khăn lông thú trên vai; có người ngồi xe đẩy; những người khác, dù chưa quá tuổi trung niên, nhưng đã hom hem, lồm khồm đến nỗi người ta phải liên tưởng đến loài tôm cua khổng lồ khó nhọc bò trên cát trong bể nuôi. Trong lúc đứng dựa lưng vào tường, tôi nghĩ đúng là ngôi trường này xem chừng là nơi tàng trữ những bảo vật quý hiếm mà sẽ bị mai một ngay tức khắc nếu thực sự bị bỏ rơi lăn lóc trên mặt đường phố Strand. Những câu chuyện xưa cũ về các vị viện trưởng và giáo sư khả kính bỗng hiện về trong tâm trí tôi, nhưng trước khi tôi thu hết can đảm để huýt sáo - chuyện ông giáo sư già vừa nghe tiếng còi huýt đã vội vã thúc ngựa phi nước đại - đám đông dự thánh lễ đã biến vào trong giáo đường. Bên ngoài giáo đường vẫn thế. Như các bạn biết đấy, mái tròn và tháp

chuông nhìn cao ngất ngưởng, như con thuyền du hành vô định trên mặt biển, sáng rực giữa trời đêm và dù đứng từ xa nhiều dặm, cách mấy ngọn đồi, bạn vẫn trông thấy nó. Tôi đoán chừng có thời mảnh đất vuông vức này với thảm cỏ mượt mà, dinh thự đồ sộ, và chính ngôi giáo đường nữa, chỉ là bãi đầm lầy, nơi cỏ hoang rập rờn dọn sóng và lộn lỏi úi bới rễ cây. Tôi nghĩ phải có hàng đoàn xe bò, ngựa tải đá từ những miền đất xa xôi đến đây, và với sức lao động vô tận, những tảng đá xám, mà tôi hiện đang đứng dưới chân, được kéo lên từng tảng một, tảng này trên tảng kia, và rồi thợ sơn đem kính đến lắp ráp trang hoàng cửa sổ, còn thợ nề thì bận túi bụi cả thế kỷ trên nóc ngôi nhà với nhựa trám và xi măng, bay và thuổng linh kính trong tay. Mỗi thứ Bảy đều có người trút từ túi da đựng tiền những đồng tiền vàng và tiền bạc vào lòng bàn tay già nua để chắc hẳn tối đó họ uống bia và vui chơi thỏa thích. Một núi tiền vàng tiền bạc, tôi nghĩ vậy, không ngót đổ vào khoảng sân này để đem về không biết bao nhiêu tảng đá cho những người thợ nề ra sức thi công, đập phá, đào xới, tháo rút. Nhưng đó là kỉ nguyên của lòng tin, tiền bạc đổ như nước vào đây để đào móng cho thật sâu, dựng lên tòa nhà, và sau khi tòa nhà đã thành hình, tiền bạc vẫn không ngừng đổ vào từ két của các ông hoàng bà chúa, từ các nhà quý tộc lớn để đảm bảo nơi đây thánh ca luôn vang lên và không bao giờ thiếu học giả đứng trên bục giảng đường. Người ta hiến đất, nộp thuế. Và khi kỉ nguyên của lòng tin trôi qua, nối tiếp bởi kỉ nguyên của duy lí, dòng suối vàng bạc này vẫn không suy yếu chút nào giúp người ta có tiền trợ cấp các chương trình khảo cứu, các lớp giảng huấn; nó chỉ khác ở chỗ những đồng tiền vàng tiền bạc này không đến từ két của các bậc vua chúa như trước đây mà từ túi tiền của các nhà buôn, các nhà sản xuất, các doanh nhân công kĩ nghệ giàu có; họ để lại trong di chúc phần gia sản không nhỏ tặng cho ngôi trường đại học nơi thuở xưa họ đã là sinh viên học hành thành đạt, họ nhớ ơn ngôi trường cũ của họ. Bởi thế mới có thư viện và phòng thí nghiệm, mới có đài thiên văn, mới có những dụng cụ học tập quý giá đắt tiền đặt trong tủ kính nơi nhiều thế kỷ trước cỏ hoang rập rờn dọn sóng và lộn lỏi úi

bới rễ cây. Tất nhiên, trong lúc tôi dạo bước quanh sân thư viện, cái nền đúc bằng vàng bằng bạc chắc phải đủ chiều sâu và vững vàng, kiên cố; mặt đường trải ra vững chắc bao phủ lên cỏ hoang. Người đi tấp nập từ cầu thang này sang cầu thang kia với những cái mâm trên đầu. Cửa sổ rục rở những chậu hoa hoè. Từ phòng trong, tiếng nhạc từ máy hát phát ra. Chẳng thể nào không ngừng lại định tâm suy tưởng - dòng suy tưởng về cái gì đó đột nhiên bị cắt ngang. Chuông đồng hồ bỗng điểm. Đã đến giờ người ta đi tìm chỗ ăn trưa.

Có một điều lạ lùng là các tiểu thuyết gia thường khiến chúng ta phải tin rằng những bữa tiệc trưa khó quên vì có phát ngôn nào đó thật hóm hỉnh, dí dỏm hoặc có người làm việc gì đó thật thông minh, xuất chúng. Họ rất hiếm khi dành ra dăm ba chữ miêu tả những gì nằm trên bàn ăn. Một trong những quy ước của nhà văn là không được nói về súp, về cá hồi hay vịt con, như thể súp, cá hồi và vịt con chẳng có gì hệ trọng, như thể không bao giờ có người uống rượu hay hút xì gà. Ở đây, tuy thế, tôi sẽ mạn phép bất chấp quy ước này và kể cho các bạn nghe về bữa tiệc trưa. Nó bắt đầu bằng món cá bon đặt trong cái đĩa sâu, trên đó người đầu bếp của trường phết một lớp kem thật trắng, ngoài ra nó còn được điểm xuyết đây đó bằng những đốm màu nâu trông như những đốm trên sườn con hươu. Sau món cá đến món chim đa đa, nhưng nếu bạn nghĩ trên mặt đĩa chỉ là hai con chim màu nâu trụi lủi thì bạn đoán sai rồi. Chim đa đa có nhiều cách khác nhau nấu với những món đi kèm gồm nước xốt cay và xà lách ngọt; khoai tây xắt mỏng như đồng tiền nhưng không quá cứng; rau cải bên dưới xếp thành hình nụ hồng nhưng trông đây đặn hơn. Và ngay sau khi đĩa chim đa đa nướng được người hầu bàn lẳng lẳng dọn đi, người hầu bàn ở đây chính là ông giám thị chứ không ai khác, và thay vào đó đặt trước mặt mọi người, khăn ăn vẫn thắt trên cổ, là món ngọt tráng miệng mà vị đường ngọt trào lên như con sóng. Gọi nó là bánh put-đinh hay liên tưởng nó đến bột gạo hoặc bột năng là sự xúc phạm nặng nề. Trong lúc đó, rượu vàng rượu đỏ cứ voi rồi lại đây hết li này sang li khác.

Và bởi thế, le lói tia sáng, từ sống lưng, nơi tâm hồn ngự trị, không phải cái bóng đèn điện nhỏ bé chúng ta thường gọi là sự tinh anh tắt mờ trên đôi môi chúng ta, mà là ánh sáng nằm ở bên dưới, sâu sắc, tinh tế; nó là ánh lửa vàng đậm đây ấm áp của sự giao tiếp chừng mực. Không việc gì phải vội vã. Cũng chẳng cần phải tỏ ra linh lợi. Không cần đóng vai trò kẻ khác. Tất cả chúng đang cùng Vandyck chấp cánh bay lên thiên đàng - nói cách khác, cuộc sống dường như tươi đẹp, ngọt ngào biết bao, tầm thường thay những chuyện lo buồn, bực dọc, cao cả thay tình bằng hữu và tình đồng loại. Đốt một điếu thuốc lá ngon, người ta ngả người trên cái ghế nệm êm ái bên cửa sổ.

Nếu nhờ may mắn người ta có cái gạt tàn nằm sẵn gần đây, nếu không, bởi không biết phải làm gì khác hơn trong trường hợp này, người ta đành gạt tàn thuốc ra ngoài cửa sổ, và nếu sự việc khác đi một tí, người ta đã không trông thấy con mèo cụt đuôi ngoài kia. Hình ảnh con vật cụt đuôi bước những bước khẽ khàng bằng ngang khoảng sân tứ giác thật bất ngờ soi sáng tiềm thức, làm thức dậy những cảm xúc mới trong tôi. Như thể có người xua tan bóng tối. Có lẽ, sự cầm cố vững chắc đã bắt đầu lung lay. Trong lúc tôi quan sát chú mèo Manx ngập ngừng đứng lại giữa bãi cỏ, như thể chú đang tra vấn vũ trụ này, tôi chợt nghĩ có cái gì đó thiếu thiếu, khang khác. Thế nhưng cái gì thiếu sót, cái gì khác lạ ở đây? Tôi tự hỏi như vậy trong lúc bên tai tiếng người nói chuyện vẫn râm ran. Và để trả lời câu hỏi đó, tôi phải tách dòng suy tưởng ra khỏi gian phòng, ngược về quá khứ, trước chiến tranh nữa, và vẽ ra trước mắt mình hình tượng bữa ăn trưa khác tại gian phòng cách đây không bao lâu; tuy không lâu nhưng rất khác. Mọi thứ đều khác. Trong lúc đó, cuộc trò chuyện vẫn diễn ra giữa các vị khách, đa phần là người trẻ, nữ cũng như nam; câu chuyện cứ thế trôi chảy, đồng điệu, thoải mái, thú vị. Và trong lúc họ nói chuyện, tôi đặt khung cảnh đó lên nền cảnh khác, để chúng đối xứng nhau và tôi nhận ra không có gì nghi ngờ rằng cả hai có nguồn cội chung, cái này là hậu duệ, là sự kế thừa

chính thống của cái kia. Chẳng có gì thay đổi, chẳng có gì khác biệt, ngoại trừ - ở đây tôi lắng nghe với cả hai tai, không phải những gì đang thốt ra từ miệng mọi người, mà là tiếng thì thầm bàng lảng từ đằng sau vọng ra. Vâng, đúng là nó - sự thay đổi nằm ở đây. Trước chiến tranh, tại bữa tiệc như vậy, nội dung câu chuyện giữa những người có mặt lúc đó cũng y như bây giờ, khác chẳng là thanh âm của giọng nói, bởi ở thời đó, giọng nói của người ta như được đệm bởi âm thanh vo ve nào đó, không mạch lạc rõ ràng mà nghe như tiếng nhạc, nó gây kích động và khiến ý nghĩa của ngôn từ như đổi khác. Có cách nào chuyển những âm thanh vo ve đó sang chữ nghĩa được không? Có lẽ là được với sự giúp đỡ của nhà thơ. Chẳng tôi là cuốn sách và tôi thờ ơ giờ đến chỗ có bài thơ của Tennyson. Tôi nghe Tennyson cất lên tiếng hát:

Lăn xuống giọt nước mắt tuyệt mỹ

Từ cổng hoa nồng nàn.

Nàng đang đến, con chim bồ câu, người yêu dấu của ta;

Nàng đang đến, cuộc đời ta, định mệnh của ta;

Đóa hồng đỏ thắm kêu lên, "Nàng đến gần lắm, nàng đến gần lắm rồi";

Và đóa hồng trắng khóc than, "Nàng đến quá muộn";

Đóa phi yến lắng tai, "Tôi nghe tôi nghe";

Và đóa huệ thì thào, "Tôi chờ."

Có phải đó là những gì đàn ông và cả đàn bà nữa thì thào trong những bữa tiệc trưa thời trước chiến tranh?

Lòng tôi như con chim đang hát

Tổ nó trên máng nước;

Lòng tôi như cây táo

Với những quả to trĩu cành;

Lòng tôi như con sò ngũ sắc

Dầm mình trong biển lặng

Lòng tôi vui sướng hơn tất cả

Bởi người tình đang đến với tôi.

Có phải đó là những gì đàn bà thì thảo trong những bữa tiệc trưa thời trước chiến tranh?

Có gì đó khôi hài trong lúc nghĩ người ta thì thảo những điều như thế tại những bữa tiệc trưa thời trước chiến tranh khiến tôi bật cười, và tôi chỉ vào con mèo Manx để giải thích tiếng cười của mình, con mèo trông hơi kì cục, một con vật đáng thương, cụt đuôi, ngấp ngừng giữa thảm cỏ. Nó như thế ngay từ lúc lọt lòng mẹ hay do tai nạn nào? Giống mèo cụt đuôi, mặc dù nghe nói sống trên đảo Man, nhưng hiếm hoi lắm chứ không như người ta nghĩ. Một con vật kì dị, lạ lùng hơn là xinh đẹp. Lạ thay, chỉ cái đuôi thôi mà tạo ra sự khác thường đến thế - bạn biết người ta nói gì rồi trong lúc bữa tiệc trưa kết thúc và họ đi tìm mũ áo, tản mát ra về.

Bữa tiệc này, nhờ lòng hiếu khách của chủ nhân, kéo dài đến xế chiều mới tan. Một ngày tháng Mười đẹp trời đang dần tàn, lá vàng rơi rụng phủ đầy đại lộ tôi ngang qua. Hết cánh cổng này sang cánh cổng khác hình như đang nhẹ nhàng khép lại sau lưng tôi. Không biết bao nhiêu ông giám thị đang tra chìa vào ổ khóa; ngôi nhà chứa đựng bảo vật đang được cẩn thận bảo vệ cho một đêm khác. Từ đại lộ bước ra, người ta gặp con đường khác - tôi quên khuấy tên đường - nó dẫn bạn đến khuôn viên trường Fernham nếu bạn rẽ đúng đường. Nhưng còn nhiều thời gian lắm. Bảy rưỡi mới là giờ ăn tối. Người ta có thể bỏ bữa tối sau bữa trưa như bữa vừa rồi. Thật lạ lùng, những câu thơ rời rạc vẫn lớn vồn trong tâm trí tôi, thúc đôi chân tôi bước đều dọc theo con lộ. Những từ

- Lăn xuống giọt nước mắt tuyết mờ

Từ công hoa nông nà.

Nàng đang đến con chim bồ câu, người yêu dấu của ta

- hát lên trong huyết mạch của tôi lúc tôi bước nhanh về phía Headingley. Thế rồi, chuyển sang một nhịp điệu khác, tôi lại hát, nơi dòng sông bỗng chảy xiết bởi cái đập nước:

Lòng tôi như con chim hót vang

Tổ nó trên máng nước;

Lòng tôi như cây táo...

Quả là những thi sĩ tuyệt vời, tôi kêu to như người ta kêu trong bóng đêm, ôi những thi sĩ tuyệt vời.

Có chút ganh tị, tôi chạnh nghĩ cho thời đại của chúng ta, mặc dù sự so sánh có phần điên rồ và phi lí nhưng trong trí tôi vẫn không ngừng dòng suy tưởng, tôi thắc mắc người ta có thể nào chỉ ra hai thi sĩ đương đại có tầm cỡ lớn lao như Tennyson^[14] và Christina Rossetti^[15] thuở trước được không. Hiển nhiên là không thể, tôi nghĩ như thế khi so sánh, trong lúc nhìn dòng nước sỏi bọt trắng xóa. Thi ca gây say mê với những cái không còn bởi nó ca ngợi niềm cảm xúc người ta từng có (tại những bữa tiệc trưa trước chiến tranh chẳng hạn), do đó người ta phản ứng một cách dễ dàng, tự nhiên, không bản khoăn kiểm điểm lại cảm xúc đó hay so sánh nó với cái mình hiện có. Nhưng ở thời điểm hiện tại, cái cảm xúc mà các thi sĩ đương thời biểu hiện đang hình thành và xé toạc chúng ta ra. Lúc đầu, chẳng ai nhận ra nó cả; thường bởi lí do người ta sợ hãi nó; người ta tinh tế quan sát nó và so sánh nó, vừa ganh tị vừa nghi ngờ, với cảm xúc xưa cũ họ có trước đây. Do đó, thi ca hiện đại trở nên trúc trắc; và chính sự trúc trắc này đã khiến người ta chẳng thể nào nhớ nổi hai câu thơ liên tục của bất kì thi sĩ hiện đại nào. Bởi lí do này - trí nhớ tôi như tan biến - luận cứ yếu ớt vì thiếu dữ kiện. Thế nhưng, tôi tiếp tục biện luận, trong lúc chân vẫn bước đều về phía Headingley,

tại sao người ta không thì thào qua hơi thở tại những bữa tiệc trưa nữa? Tại sao Alfred ngừng hát

Nàng đang đến con chim bồ câu người yêu đầu của ta...

Tại sao Christina ngừng đáp lời?

Lòng tôi vui sướng hơn tất cả

Bởi người tình đang đến với tôi?

Hay là chúng ta cứ việc đổ lỗi cho chiến tranh? Khi những họng súng khạc lửa - hôm tháng Tám năm 1914, phải chằng khuôn mặt đàn ông đàn bà bỗng trở nên trần trụi trong mắt nhau đến nỗi sự lãng mạn bị kết liễu? Sốc lắm chứ (nhất là với người phụ nữ nặng ảo tưởng về giáo dục và văn văn) khi thấy mặt các nhà lãnh tụ của chúng ta dưới ánh hoả pháo. Trông họ đến là xấu xí - người Đức, người Anh, người Pháp - đến là ngu xuẩn. Người ta có quyền đổ lỗi lên bất cứ cái gì, bất cứ ai, nhưng cái ảo giác gây cảm hứng cho Tennyson và Christina Rossetti say sưa cất tiếng hát cho người yêu sắp đến bên họ ngày hôm nay thật khan hiếm so với thuở trước. Người ta chỉ cần đọc, nhìn, lắng nghe, ghi nhớ. Nhưng tại sao lại bảo là "đổ lỗi"? Nếu đó là ảo tưởng thì tại sao không ca ngợi điều tai ương, cho dù nó là gì đi nữa, tại sao lại triệt tiêu ảo tưởng và đặt chân lí vào vị trí của nó? Bởi chân lí... những chấm chấm đánh dấu chỗ tôi chưa điền vào, trong lúc mãi mê kiếm tìm chân lí, tôi quên khúc quanh dẫn đến Fernham. Vâng, hẳn thế rồi, cái gì là chân lí và cái gì là ảo tưởng, tôi tự hỏi. Thí dụ, sự thật về những ngôi nhà này là gì, mơ màng và mỹ miều với cửa sổ sơn đỏ trong bóng tối, nhưng tro trên, đồ ổi, dơ bẩn, bữa bãi bánh kẹo và dây giày lúc chín giờ sáng? Và rặng liễu, dòng sông, những khu vườn nối dài đến dòng sông, lúc này lò mờ trong hơi sương bao phủ, nhưng trong ánh mặt trời, chúng trở nên lộ rõ màu vàng màu đỏ - đâu là sự thật, đâu là ảo tưởng về chúng? Tôi không để các bạn phải quay cuồng nghiêng ngả với những ý nghĩ này của tôi, bởi chẳng có kết luận nào trên chặng

đường dẫn đến Headingley, và tôi yêu cầu các bạn hãy giả định là tôi nhanh chóng nhận ra mình nhầm đường và trở lại con đường cũ đến Fernham.

Như tôi nói, đó là một ngày tháng mười, tôi quả không dám phụ sự lưu tâm của các bạn và gây tổn thương đến danh nghĩa tốt đẹp của tiểu thuyết hư cấu bằng cách đổi mùa trong năm, miêu tả hoa huệ trong vườn hoặc cây nghệ, hoa tuy-líp và những cây cỏ mùa xuân khác. Tiểu thuyết phải bám vào hiện thực, sự vật càng thật tiểu thuyết càng hay - chúng ta được dạy bảo như thế. Bởi thế, lúc này vẫn là mùa thu, lá vàng vẫn chiêng chao rơi rụng, và nếu bạn thấy lá rơi có phần nhanh hơn thì bởi bây giờ trời đã tối (chính xác là bảy giờ hai mươi ba) và làn gió nhẹ (chính xác từ phía tây nam) thổi về. Nhưng dù thế, vẫn có cái gì đó bất thường đang xảy ra:

Lòng tôi như con chim đang hát

Tổ nó trên máng nước;

Lòng tôi như cây táo kích động;

Với những quả to trĩu cành

Có lẽ, ngôn từ của Christina Rossetti phần nào khởi nguồn từ một trí tưởng tượng khác thường - dĩ nhiên, đây chỉ là những điều tưởng tượng hão huyền - những bông huệ đồng đưa trên tường khu vườn, những con bướm ma chập chờn nhẹ lướt từ chỗ này sang chỗ kia, và bụi phấn hoa phảng phất trong không gian. Ngọn gió thổi từ phía nào tôi không rõ nhưng nó cuốn lên những chiếc lá nửa vàng nửa xanh khiến không gian như có những ánh bạc lấp lánh. Đó là thời khắc giữa những khoảng ánh sáng khi màu sắc nổi trội một cách dữ dội, màu tím và màu vàng cháy bùng trên kính cửa sổ như nhịp đập đầy kích động của con tim; khi, bởi lí do nào đó, cái đẹp của thế giới hiển lộ ra ngoài nhưng chẳng bao lâu lại tan biến (đấy là lúc tôi đẩy cánh cổng vào khu vườn bởi cổng không khóa và chẳng có ông giám thị nào quanh đó), cái đẹp sắp tan biến của thế giới có hai lối

sắc, một lưỡi là tiếng cười, lưỡi kia là sự khổ não, nó cửa quả tim ra làm đôi. Khu vườn Fernham hiện ra trước mắt tôi trong buổi chiều mùa xuân chạng vạng, hoang dã và rộng mở, giữa bãi cỏ rậm, rải rác những khóm thủy tiên và dạ hương trở lên ngẫu nhiên, trông chúng không còn ở độ rục rở nhất, lá loi theo làn gió như muốn bật lên cả rễ. Cửa sổ tòa nhà cong cong như cửa sổ con tàu, nằm giữa những bức tường gạch đỏ cao rộng, đổi từ màu chanh sang màu bạc dưới ánh sáng của những đám mây xuân, bay lượn trên trời. Có người đang nằm võng, không biết là ai, nhưng dưới luồng sáng này trông như ảo ảnh, một nửa phải đoán, một nửa kia rõ ràng, nó chạy ù qua bãi cỏ - không ai chặn bà ấy lại à? - thế rồi, từ trên thềm nhà, như thể từ bên trong ló ra chỉ để hít thở không khí, chỉ để liếc nhìn khu vườn, một bóng người lưng khòm khòm, phong cách hơn người nhưng vẫn có vẻ khiêm tốn, vàng trán rộng và bộ áo nhàu nhĩ trên người - chẳng lẽ bà là nhà học giả danh tiếng, chẳng lẽ bà chính là J - H—? Cảnh Sắc tuy lờ mờ nhưng dữ dội, như thể tấm khăn choàng mà bóng tối trùm lên khu vườn đột nhiên bị ánh sao hay lưỡi gươm xé toạc làm hai mảnh - vết cắt sâu khoảng không của hiện thực kinh hoàng nào đó đang nháy ra từ lồng ngực của mùa xuân. Bởi tuổi trẻ...

Tô súp của tôi đây rồi. Nơi ăn tối là một đại sảnh. Thật ra đó là buổi tối tháng mười chứ không phải mùa xuân. Mọi người tụ họp trong đại sảnh ăn bữa tối. Các món ăn đã sẵn sàng. Đây là món súp. Nó chỉ là nước thịt hầm. Chẳng có gì để quấy lên. Nước súp trong đến nỗi người ta có thể nhìn rõ đáy tô để xem có hình vẽ nào dưới đó không. Nhưng cái tô cũng trơn tru như món súp, chẳng có hình vẽ nào dưới đáy. Kế đến là thịt bò ăn với rau cải xanh và khoai tây - ba món hay ăn ở nhà, khiến người ta liên tưởng đến những tảng thịt mộng bày bán ngoài khu chợ lầy lội, những bẹ rau cải cong cong rìa lá vàng ửng mà người ta mặc cả, mua được với giá hời, và những người đàn bà tay xách giỏ dây đi chợ vào sáng thứ hai. Không có lý do nào phải phàn nàn về chuyện ăn uống hằng ngày của con người

khi nguồn hàng không thiếu và những người thợ mỗ chắc hẳn đang ngồi dùng bữa. Tiếp theo là mận khô và bánh sữa. Và nếu có người nào than phiền mận khô - ngay cả khi được bánh sữa đỡ cho - không phải là rau trái ngon ngọt (nó không phải là hoa quả) và xơ cứng như trái tim kẻ bủn xỉn, tươm ra chất nước lỏng như máu kẻ bủn xỉn suốt tám mươi năm không hề biết mùi rượu cùng sự ấm áp là gì, cũng chưa hề biết giúp đỡ người nghèo khó, thì người ấy nên nhớ là có những người mà ngay cả quả mận khô cũng được lòng từ thiện của họ ban ơn. Kế đó là bánh quy và phô mai, đến đây bình nước được chuyển tay liên tục, bởi bánh quy rất khô, và đây là loại bánh quy thứ thật. Xong. Bữa ăn chấm dứt. Mọi người ai nấy lạo xạo xô ghế đứng dậy; cửa ra vào vung viêng và chẳng bao lâu gian đại sảnh sạch sẽ, không còn dấu vết món ăn nào, hiển nhiên đã sẵn sàng cho bữa sáng ngày mai. Dưới hành lang và trên cầu thang, những người Anh trẻ tuổi chân bước mạnh và miệng hát vang. Và một người khách, một người lạ nơi đây (bởi ở Fernham tôi cũng chẳng có thẩm quyền gì hơn khi ở Trinity hay Somerville hay Girton hay Newnham hay Christchurch) phải nói như thế nào, “Bữa ăn tối thật chẳng ngon miệng tí nào”, hoặc là (lúc này tôi đã ngồi với Mary Seton trong căn phòng riêng của cô) “Bọn mình ăn riêng trên này không được sao?”. Nói như thế hẳn tôi phải là kẻ tọc mạch, thích soi mói bí mật kinh tế của ngôi nhà, bởi dưới mắt kẻ lạ, nó như mang khuôn mặt tươi vui và hùng dũng. Không, chẳng đời nào người ta có thể nói như thế. Và quả nhiên, câu chuyện có chiều buồn chán, kém thú vị. Cơ thể con người, tim, óc, thể xác, trí tuệ, tất cả hòa quyện vào nhau thành một khối, chẳng phần nào tách biệt riêng rẽ được và chúng sẽ như thế cả triệu năm nữa, bởi vậy, bữa tối vô cùng quan trọng khi nó định đoạt câu chuyện sau bữa ăn sẽ thú vị hay buồn chán. Người ta chẳng thể nào nghĩ suy cho sâu sắc, yêu đương cho nồng nàn, thậm chí ngủ cho ngon giấc nếu không có bữa ăn ngon. Ngọn đèn nơi sống lưng không lóe sáng nổi với thịt bò và mận khô. Có lẽ, tất cả chúng ta đều lên thiên đường, và hi vọng Vandyck sẽ đón chúng ta ở ngã rẽ sắp đến - đó là trạng thái lơ mờ, đờ đẫn trong đầu óc, kết quả của một

ngày làm việc do thịt bò và mận khô đem lại. Nhưng may mắn thay, trong phòng bạn tôi, giảng viên khoa học trong trường, có cái tủ đựng li tách và cô lôi ra chai rượu khổ đẹp cùng mấy cái li nhỏ - (lẽ ra chúng tôi phải bắt đầu bằng cá bơn và chim đa đa mới đúng) - để chúng tôi có thể sửa chữa lại phần nào những đổ vỡ của cuộc sống trong ngày. Chẳng bao lâu, chúng tôi đã rôm rả thoải mái trao đổi với nhau những câu chuyện tò mò và thú vị chỉ xuất hiện trong đầu trong dịp bạn bè gặp lại và vắng mặt người đang bị nhắc đến - cô nào đó đi lấy chồng, còn cô khác thì chưa; người này nghĩ thế này, người nọ thế kia; người này trở nên thông tuệ khác thường, người khác, thật kinh ngạc, biến thành kẻ xấu - với tất cả những suy xét về bản chất con người cùng tính cách của thế giới lạ lùng chúng ta đang sống, một thế giới từ thuở ban đầu cứ thế tuần tự tiến lên mãi. Tuy nhiên, trong lúc trao đổi với bạn tôi những mẩu chuyện này, tôi bỗng thấy ngượng mặt khi nhận ra tâm trí bị một dòng suy tưởng riêng của mình chi phối và nó cứ phăng phăng một mình dẫn tới trước chứ không chịu nghe lời tôi. Người ta có thể nói về xứ Tây Ban Nha hoặc Bồ Đào Nha, về sách vở, về cuộc đua ngựa, nhưng cái thật sự muốn nói không phải là những điều trên mà là cảnh tượng những người thợ nề lao động trên mái ngói cao cách đây năm thế kỷ. Vua chúa và những nhà quý tộc đem từng bao lớn tiền bạc gia sản đổ xuống lòng đất. Cảnh tượng này cứ thế hiện ra vô cùng sinh động trong trí óc tôi và đặt cạnh là hình ảnh những con bò ốm yếu, khu chợ lầy lội, rau cải héo úa và quả tim rạc rai của những ông già hom hem - hai bức tranh này, như thế đấy, hoàn toàn tách biệt, chẳng dính líu gì với nhau và thật vô lí, không ngừng nhập vào rồi giằng xé lẫn nhau, khiến tôi hoàn toàn phó mặc, chúng không để tôi yên và tôi chẳng có cách nào thoát khỏi chúng. Cách hay nhất, trừ phi câu chuyện có cơ bị phá vỡ, là phoi bày những điều quay quắt đó trong tâm trí tôi ra ngoài không khí, và lúc đó, biết đâu nhờ may mắn nó sẽ tan rã và vỡ thành mảnh vụn như cái đầu vị vua đã chết khi người ta mở nắp quan tài ông trong lâu đài Windsor. Thế rồi, thật ngắn gọn, tôi kể cho Seton nghe về những người thợ nề suốt chừng

ấy năm tháng lao động trên nóc tòa giáo đường, về những ông hoàng bà chúa, những tay quý tộc vác từng bao vàng, bao bạc trên lưng mà họ xúc đất để đồ xuống; rồi sau đó, những tay tài phiệt lớn của thời đại chúng ta đến đặt xuống chi phiếu và trái phiếu ngay nơi mà tôi đồ rằng những người khác trước họ đặt xuống không biết bao nhiêu nén bạc, thỏi vàng. Tất cả những thứ đó nằm dưới chân ngôi trường đại học dưới kia, tôi bảo bạn tôi thế; nhưng tại ngôi trường này, nơi chúng ta đang ngồi, cái gì nằm dưới chân bức tường gạch đỏ uy nghi và đám cỏ hoang xơ xác trong vườn? Có sức mạnh gì ẩn chứa đằng sau những bát đĩa sứ đơn sơ thô lậu mà chúng ta không thể phủ nhận, và (đến đây tôi buột miệng nói trước khi biết mình hó) đằng sau thịt bò, bánh sữa và mận khô?

Ừ, Mary Seton lên tiếng, vào quãng năm 1860 - Ồ, nhưng mà chị biết chuyện đó rồi, cô bảo tôi, tôi kể ra đây lần nữa thì chán chết được. Nhưng rồi cô vẫn kể. Đi thuê phòng. Ủy ban họp hành liên miên. Viết địa chỉ lên phong bì. Rồi soạn thảo thông tri. Rồi lại họp hành; lại đọc thư; ai cũng hứa hẹn đủ điều; nhưng sự thật thì ông - một xu cũng không cho. Tờ *Thứ bảy điểm báo* còn có những bài báo với lời lẽ hết sức thô lỗ. Cách nào cho chúng tôi quyên tiền để trang trải các phí tổn của nhà trường? Hay chúng tôi sẽ phải đứng bán hàng từ thiện? Phải chăng chúng tôi không tìm được cô gái đẹp nào để ngồi nơi hàng ghế đầu? Hãy đọc lại những gì John Stuart Mill viết về vấn đề này. Có ai thuyết phục được biên tập viên của báo - in cho chúng tôi lá thư không? Chúng tôi có thể lấy chữ kí của Lady không? Lady - đã đi khỏi thành phố. Sáu mươi năm trước, tôi đồ rằng chuyện diễn tiến như thế, và công sức mọi người đổ ra không biết bao nhiêu mà kể, tốn không biết bao nhiêu thì giờ liên hệ trong chuyện này. Và sau thời gian dài vất vả cộng với những khó khăn cùng cực, họ quyên được tổng cộng ba mươi nghìn bảng^[16]. Bởi thế, hiển nhiên trên bàn chúng tôi không có rượu và chim đa da, cũng chẳng có kẻ hầu người hạ đội trên đầu cái đĩa thiếc, cô nói tiếp.

Chúng tôi không có ghế dài, không có phòng riêng. “Những tiện nghi,” cô bảo, trích dẫn từ cuốn sách khác, “còn phải chờ mới có”^[17].

Những phụ nữ đó, năm này qua năm khác, quyền được hai nghìn bảng đã là chuyện cực kì khó khăn, nói gì là ba mươi nghìn, ngẫm nghĩ đến đấy chúng tôi bỗng thốt lên lời khinh miệt sự nghèo nàn đáng trách của phái nữ. Những bà mẹ của chúng tôi làm gì mà chẳng thấy họ để lại gia tài nào cho chúng tôi? Họ lo trang điểm tỉ mỉ khuôn mặt? Hay đi ngắm các cửa hiệu bán hàng? Đi khoe thân hình dưới nắng biển Monte Carlo? Trên bệ lò sưởi có vài khung ảnh. Mẹ của Mary - nếu quả đấy là ảnh của bà - có thể là kẻ vô tích sự trong lúc rỗi rãi (bà có mười ba người con với ông chồng mục sư), nhưng nếu bà quả là người như thế thì gương mặt bà chẳng hề có dấu vết gì chứng tỏ bà từng sống cuộc đời tươi vui, phóng dật. Trông bà thật giản dị, chất phác; một bà lão với chiếc khăn choàng buộc lại bởi cái kẹp ngũ sắc lớn; bà ngồi trong ghế mây, khuyến khích con chó xù nhìn vào ống kính máy ảnh với vẻ mặt thích thú, nhưng là sự thích thú ngấm ngầm của người biết chắc con chó sẽ cong đuôi chạy mất khi bóng đèn chớp lóe lên. Phải chi bà là doanh nhân; phải chi bà là chủ nhân cơ xưởng chế tạo tơ nhân tạo hoặc nhà tài phiệt của thị trường chứng khoán; phải chi bà để lại hai hay ba trăm nghìn bảng cho Trường Fernham thì tối hôm nay, chúng tôi đã thoải mái ngồi đàm đạo và đề tài chúng tôi đem ra thảo luận có thể là khảo cổ học, thực vật học, nhân chủng học, vật lí học, bản chất của nguyên tử, toán học, thiên văn học, thuyết tương đối, địa lí học. Phải chi bà Seton và mẹ của bà và mẹ của mẹ bà học được cái nghệ thuật kiếm tiền vĩ đại và để lại tài sản cho con gái, cháu gái, giống như những người cha, người ông bố của cải ra thành lập những học bổng, những giải thưởng khuyến học dùng trong việc giúp đỡ cho sự nghiệp cho con trai, cháu trai họ, thì rất có thể, chúng tôi đã khoan khoái ngồi riêng biệt ở đây với một con chim nướng và một chai rượu; chúng tôi có thể mong đợi với niềm tin không hề thái quá về suốt quãng đời tương lai đẹp đẽ, vui tươi và danh giá nhờ nương

tựa vào một cái nghề không bao giờ thiếu tiền tài trợ. Rất có thể chúng tôi sẽ đi thám hiểm hoặc viết lách; thơ thần ở khắp những danh lam thắng cảnh trên mặt địa cầu; ngồi suy tưởng trên bậc thang lâu đài Parthenon, hoặc đi làm lúc mười giờ và bốn giờ rưỡi đã thông thả về nhà ngồi viết một bài thơ ngắn ngắn. Tuy thế, nếu bà Seton và các bà mẹ khác như bà đều trở thành doanh nhân vào tuổi mười lăm cả thì - và đây là trở ngại của luận cứ - đã chẳng có Mary. Tôi hỏi Mary nghĩ gì về điều đó? Giữa những bức màn cửa là đêm tháng Mười yên ắng và đẹp đẽ với đôi ba ngôi sao vắt vẻo giữa lùm cây vàng óng. Liệu cô đã sẵn sàng từ bỏ phần đời cô và những kỉ niệm (về gia đình tuy đông đúc nhưng hạnh phúc) chơi đùa cũng như cãi cọ nhau dưới mái nhà quê hương Scotland đất lạnh, trái ngọt, bánh ngon của cô để ngôi trường Fernham này chỉ cần ngoảnh ngời bút một cái là có ngay ngân khoản trên dưới năm mươi nghìn bảng? Bởi tài trợ trường ốc học đường có nghĩa là gia đình sẽ bị bỏ bê. Gây dựng gia sản và đẻ mười ba đứa con - là việc không ai có thể chịu đựng nổi. Hãy nhìn vào thực tế, chúng tôi bảo nhau thế. Trước hết, phải mất chín tháng trời đứa bé mới ra đời. Rồi đứa bé sinh ra. Rồi phải mất ba bốn tháng đút cho bé ăn. Đút cho bé xong dĩ nhiên lại mất cả năm năm chơi đùa với bé. Dường như, bạn chẳng thể nào để trẻ con chạy đùa tứ tung ngoài đường sá. Những người thấy cảnh trẻ con chơi đùa loạn xạ ở Nga nói rằng trông nó chẳng đẹp mắt tí nào. Người ta cũng bảo con người có nên người hay không là ở thời gian từ một đến năm tuổi. Tôi bảo Mary, nếu bà Seton là người làm ra tiền thì những kỉ niệm vui chơi hay cãi cọ nào đọng lại trong chị? Chị nhớ gì về Scotland, xứ sở của không khí trong lành, các loại bánh ngon và biết bao điều khác? Nhưng thật vô ích khi hỏi những câu hỏi này, bởi chị sẽ chẳng bao giờ hiện hữu trên cõi đời. Hơn nữa, cũng vô ích không kém khi hỏi chuyện gì có thể xảy ra nếu bà Seton, mẹ của bà và mẹ của mẹ bà trước đó tích lũy một gia sản khổng lồ và đem đặt ra dưới nền trường học, thư viện. Vô ích thôi bởi, thứ nhất, kiếm tiền là cái gì gần như bất khả đối với họ; thứ hai, cứ cho là họ có thể thì luật lệ thời đó không cho phép họ có quyền giữ riêng

đồng tiền do chính tay họ làm ra. Chỉ bốn mươi tám năm vừa qua, bà Seton mới có quyền giữ một xu trong túi tiền của chính mình. Ở những thế kỷ trước, tiền bà làm ra là tài sản của người chồng - và có lẽ lí do này đã khiến bà Seton và những bà mẹ của bà chẳng hề bén mảng đến sàn giao dịch thị trường chứng khoán bao giờ. Họ có thể thốt lên rằng mỗi đồng xu tôi làm ra đều bị lấy đi và do chồng tôi định đoạt việc tùy nghi tiêu dùng - có lẽ để thành lập học bổng hoặc tài trợ chương trình giáo dục nào đó cho Trường Balliol hay Trường King, bởi thế, chuyện kiếm tiền, ngay cả nếu tôi có khả năng làm điều đó, chẳng phải là vấn đề khiến tôi bận tâm. Tốt hơn là tôi để việc đó cho chồng tôi làm.

Dù sao đi nữa, dù bà lão trong ảnh đang nhìn con chó xù là người đáng khiển trách hay không, điều chắc chắn, không nghi ngờ chút nào, là bởi lí do nào đó các bà mẹ chúng tôi đã vô cùng vụng về trong việc quản lí tiền nong... Một xu cũng không có dành cho các "tiện nghi"; cho rượu và chim đa đa; cho thăm cỏ và giám thị; cho sách vở và xì gà; cho thư viện và những cuộc vui. Dù cố gắng đến cùng cực, họ chỉ có thể dựng lên những bức tường tro bụi từ đất đen.

Cứ thế, chúng tôi đứng trò chuyện nơi cửa sổ, mắt nhìn xuống, như hàng nghìn hàng vạn người nhìn mỗi đêm, những mái tròn và tháp cao của cái thành phố danh tiếng dưới kia. Cảnh tượng thật đẹp đẽ, vô cùng bí ẩn trong đêm thu trăng sáng. Bức tường đá cổ toát ra màu sáng trắng và vẽ đường bệ. Người ta có thể nghĩ về không biết bao nhiêu sách vở tích lũy dưới đấy; và chân dung những giám mục, chức sắc treo trên tường; cửa kính sơn màu chiếu xuống mặt đường những hình tròn và hình lưới liềm lạ mắt; bia đá khắc những câu tưởng nhớ, ghi ơn, đề tặng; bồn phun nước trên thảm cỏ xanh; những gian phòng yên ắng trông ra khoảng sân tứ giác cũng yên ắng. Và (cho tôi xin lỗi ở đây) tôi cũng không quên nghĩ nốt về cái ghế bành êm ái trong gian phòng trải thảm đẹp mắt, cùng điếu thuốc và li rượu ngọt lịm: những thứ thanh lịch, phong nhã, sang

trọng, kết quả của sự giàu có xa xỉ, của đặc quyền, của sự ban phát rộng rãi. Hiển nhiên, các bà mẹ chúng tôi đã không để lại cho chúng tôi bất kì thứ gì có thể so sánh với những điều này - những bà mẹ vấp phải biết bao khó khăn quyên góp ba mươi nghìn bảng, những bà mẹ để đến mười ba đứa con cho các ông mục sư nhà thờ Thánh Andrew.

Thế rồi, tôi quay về nhà trọ, và trong lúc một mình đi bộ xuyên qua những con đường tối tăm, lòng tôi lại dấy lên điều này điều kia, như người ta nghĩ về những chuyện xảy ra sau ngày làm việc. Tôi nghĩ tại sao bà Seton không có tiền để lại cho chúng tôi; và cái nghèo ảnh hưởng gì đến trí tuệ; còn ảnh hưởng của sự giàu có thì như thế nào; tôi cũng nghĩ đến những ông lão kì quặc với khăn lông thú vắt trên vai tôi gặp lúc sáng; tôi nhớ nếu như có người huýt còi thì một người trong số họ sẽ vụt bỏ chạy như thế nào; tôi nhớ tiếng đại phong cầm ồn ã từ trong giáo đường vọng ra và cánh cửa thư viện đóng chặt; tôi nghĩ thật buồn nếu bị cấm cửa như thế, nhưng có lẽ còn buồn hơn nếu bị nhốt bên trong; và, trong lúc lan man suy nghĩ đến sự yên ổn, giàu có của một giới phái bên cạnh sự thiếu thốn, bất an của giới phái kia, đến ảnh hưởng của truyền thống, phi truyền thống lên tâm thức nhà văn, tôi chợt nghĩ đã đến lúc phải cuộn tròn lớp da rúm ró của ngày trời với tất cả những lí lẽ cùng ấn tượng, cái giận dữ lẫn cái nực cười, và ném tất cả vào bờ dậu. Nghìn ngôi sao nhấp nháy trên nền trời xanh bao la. Vẻ như, người ta thật đơn độc trước một xã hội bí hiểm khôn dò. Mọi người ai nấy đều say ngủ - nằm sấp mặt, thẳng thọt, câm nín. Chẳng thấy ai sôi động nơi đường sá Oxbridge. Thậm chí, cánh cửa khách sạn bật mở khi bàn tay vô hình vừa chạm vào - và anh nhân viên khách sạn soi đèn cho tôi vào giường ngủ cũng chẳng thấy đâu, đêm đã khuya lắm rồi.

Chương hai

Cảnh tượng, nếu tôi có thể yêu cầu các bạn đi theo tôi, giờ đây đã thay đổi. Lá vẫn rơi, nhưng ở London chứ không phải Oxbridge; và bắt buộc tôi phải yêu cầu các bạn vận dụng trí tưởng tượng để hình dung ra căn phòng, như cả nghìn căn phòng khác, có cửa sổ đối diện với cửa sổ khác và ở giữa là xe cộ, mũ áo nườm nượp qua lại. Bên trong căn phòng, trên mặt bàn, có tờ giấy trắng ghi vền vện dòng chữ lớn PHỤ NỮ VÀ SÁNG TÁC VĂN HỌC. Thật đáng tiếc bởi tiếp nối bữa trưa và bữa tối ở Oxbridge là cuộc thăm viếng viện bảo tàng Anh quốc. Người ta phải cố gắng giữ sạch tất cả những gì bị xem là thiên kiến và ngẫu nhiên trong tất cả những ấn tượng này để đạt đến chất lỏng nguyên chất, tinh dầu cốt lõi của chân lí. Bởi chuyến viếng thăm Oxbridge, bữa ăn trưa và bữa tối, nảy sinh một lô những câu hỏi trong đầu. Tại sao đàn ông uống rượu còn đàn bà uống nước lã? Tại sao một giới phái giàu sang trong khi giới phái kia nghèo túng? Cái nghèo tác động gì đến sáng tác văn học? Những điều kiện nào cần thiết cho việc sáng tạo tác phẩm nghệ thuật? - một nghìn câu hỏi cùng lúc tự động nảy ra. Nhưng người ta cần câu trả lời chứ không phải câu hỏi; và câu trả lời chỉ có bằng cách đi tham vấn bậc thức giả, người không định kiến, người có khả năng tự đặt mình lên trên mọi tranh biện ngoa ngôn xảo ngữ, trên mọi rối loạn của thân xác, và gửi gắm kết quả công trình suy nghiệm, nghiên cứu của mình vào sách vở lưu trữ bên trong bốn bức tường viện bảo tàng Anh quốc. Nếu tìm không ra chân lí nơi những kệ sách trong viện bảo tàng Anh thì chân lí, tôi tự hỏi trong lúc cầm lên cuốn sổ tay và cây bút chì, ở nơi đâu?

Với hành trang, với lòng tự tin và ham muốn tìm hiểu như thế, tôi lên đường đi tìm chân lí. Hôm đó trời không mưa nhưng âm đạm, đường sá vùng chung quanh viện bảo tàng đầy lổ than rộng toang

hoác và người ta đang ném xuống như mưa những chiếc bao tải; xe kéo bốn bánh chạy đến đổ xuống vệ đường những thùng đồ cột dây, có lẽ bên trong là toàn bộ quần áo tư trang của gia đình Thụy Sĩ hay Italian nào đó đang thử thời vận, đến đây tìm nhà trong khu dân cư Bloomsbury mùa đông này, hoặc biết đâu họ là dân tị nạn. Những người đàn ông giọng ồm ồm điểu hành trên đường, tay đẩy xe ba gác trên chất đầy cây cảnh. Người quác miệng la hét ầm ĩ, người cất tiếng hát vang. London như xưởng thợ. London như bộ máy. Tất cả chúng ta như bị xô đẩy ngả nghiêng, tối tăm mặt mày trên cái nền tro trọi này để trở thành hình mẫu nào đó. Viện bảo tàng Anh quốc là bộ phận khác của cái xưởng thợ. Cánh cửa xoay chốt mở và người ta đứng đó dưới mái vòm cực kì cao rộng như thể người ta chỉ là hiện thân của ý tưởng bên trong cái trần hói khổng lồ mà bao quanh cái trần hói hoành tráng đó là bảng tên những nhân vật lưng lầy một thời. Người ta đến bên quầy hàng; rút ra tờ giấy; mở một cuốn danh mục, và năm cái chấm ở đây tượng trưng cho năm phút đồng hồ trong kinh ngạc, hoang mang và đờ đẫn. Các bạn có biết trong khoảng thời gian một năm trời có bao nhiêu cuốn sách viết về đàn bà không? Các bạn có biết bao nhiêu cuốn do đàn ông viết? Các bạn có nhận ra rằng có lẽ các bạn là sinh vật được bàn luận đến nhiều nhất trong vũ trụ? Tôi đến đây với cuốn sổ tay và cây bút chì, trong thâm tâm tự nhủ sẽ bỏ ra buổi sáng ngồi đọc, và sau buổi sáng, chân lí tôi kiếm tìm sẽ chuyển sang nằm trong cuốn sổ tay. Nhưng tôi nghĩ mình phải là loài voi mới đúng, và cả loài nhện hoang nữa, liều lĩnh học theo những con vật này, loài sống lâu nhất và loài có nhiều mắt nhất, mới đủ sức kham nổi chừng ấy chữ nghĩa. Tôi cần có móng thép mở đồng để đâm thủng lớp vỏ cứng dày. Bằng cách nào đây, tôi tìm ra những hạt nhân chân lí đã ẩn sâu trong khối giấy này? Tôi tự hỏi thế, và trong tuyệt vọng, tôi đưa mắt chạy lên chạy xuống cái danh mục nhan đề dài thậm thọt. Thậm chí, tên những cuốn sách cũng khiến tôi phải suy nghĩ. Giới tính và bản chất của nó có thể thu hút y sĩ và các nhà sinh học; nhưng điều đáng ngạc nhiên và thật khó giải thích là vấn đề giới tính, nói cho rõ là đàn bà - cũng thu hút

không ít những nhà phê bình ba phái, những tiểu thuyết gia nhanh tay, những người trẻ tuổi có bằng thạc sĩ; những người chẳng có bằng cấp gì cả; những người rõ ràng không đủ tư cách ngoại trừ họ không phải là đàn bà. Có những cuốn, ở bề mặt, hết sức tầm phào, phù phiếm và bông lơn; nhưng mặt khác, cũng có nhiều cuốn khá nghiêm túc và khai mở, khá đạo đức và có tinh thần khích lệ. Chỉ cần liếc qua những nhan đề sách thôi đã thấy có không biết bao nhiêu ông hiệu trưởng, mục sư leo lên bục giảng, diễn đàn và cứ thế họ tràng giang đại hải diễn thuyết một cách ba hoa về đề tài. Thật là hiện tượng lạ lùng; và rõ ràng như thế - đây tôi giờ đến chữ cái M - một cuốn viết về nam giới. Đàn bà không viết sách về đàn ông - một sự kiện tôi không thể không nhẹ nhõm đón chào, bởi nếu tôi phải đọc tất cả sách đàn ông viết về đàn bà, xong lại đọc tất cả sách đàn bà viết về đàn ông thì cây dừa rừng trăm năm nở một lần phải nở hai lần tôi mới có thể đặt bút xuống giấy được. Thế là, tôi nhắm mắt chọn đại chừng một tá sách, điền mẫu giấy đem bỏ vào khay, và tôi ngồi chờ nơi hàng ghế của tôi, giữa những người cũng như tôi đang đi tìm tinh dầu thiết yếu của chân lí.

Lí do nào có sự khác biệt lạ lùng này, tôi băn khoăn như thế trong lúc ngồi vẽ hình bánh xe lên tờ giấy trắng cung cấp bởi tiền đóng thuế của nhân dân Anh quốc cho những mục đích khác. Tại sao đàn bà, dựa trên cuốn danh mục, lại trở nên hấp dẫn đối với đàn ông mà không phải ngược lại? Dường như đây là hiện tượng lạ, đầu óc tôi lan man hình dung ra cuộc sống của những người đàn ông suốt đời vất tâm trí viết về đàn bà; họ già hay trẻ, có gia đình hay độc thân, mũi đỏ hay lưng gù - nhưng dù sao chẳng nữa, người ta cũng hãnh diện, một cách mơ hồ, cảm thấy mình là đề tài của chừng đấy chú ý, miễn là sự chú ý không hoàn toàn đến từ những kẻ ồm yếu hay tàn tật - cứ thế, tôi ngẫm nghĩ cho đến khi những ý tưởng tầm phào này bị chặn lại bởi loạt sách liên tiếp đổ ụp xuống bàn trước mặt tôi. Giờ mới là lúc vấn đề bắt đầu. Giờ là lúc bắt đầu sự rắc rối. Người sinh viên, với kinh nghiệm nghiên cứu ở Oxbridge, hiển nhiên có cách

duy trì câu hỏi của mình vượt qua mọi sự phân tán từ bên ngoài cho đến khi câu hỏi chạy đúng vào ngay câu trả lời như chú cừu từ ngoài đồng cỏ chạy đúng vào chuồng quây. Thí dụ như, cậu sinh viên bên cạnh tôi đây, cậu đang chăm chú ghi chép từ cuốn sách hướng dẫn khoa học; tôi dám chắc là cứ mười phút cậu lại bới lên được khối vàng ròng từ đồng quặng mỏ. Tiếng ậm ừ nho nhỏ đây vui thích từ cậu nói lên tất cả. Nhưng, chẳng may nếu người ta không được huấn luyện như thế trong trường thì câu hỏi không như chú cừu từ ngoài đồng cỏ chạy đúng vào chuồng quây mà cứ tan tác như bầy đàn sợ hãi chạy tới chạy lui tán loạn, mặc cho đàn chó xông xáo ra sức lừa. Những giáo sư, hiệu trưởng, những nhà xã hội học, những mục sư, nhà tiểu thuyết, nhà phê bình, nhà báo, những người không có tư cách gì ngoại trừ họ không phải là đàn bà, tất cả săn đuổi câu hỏi đơn giản của tôi - Tại sao đàn bà có người nghèo túng? - cho đến khi nó trở thành năm mươi câu hỏi; cho đến khi năm mươi câu hỏi cuống cuồng nhảy xuống dòng sông và bị nước cuốn đi mất hút. Mỗi trang giấy trong cuốn sổ tay của tôi đầy đặc những dòng chữ chú thích ngoằn ngoèo. Để các bạn thấy tâm trạng tôi lúc đó như thế nào, tôi sẽ trích đọc cho các bạn nghe một đoạn, tôi xin giải thích tiêu đề viết bằng chữ in trên mặt giấy giản dị là PHỤ NỮ VÀ CÁI NGHÈO; nhưng tiếp theo là những dòng chữ nguệch ngoạc như sau:

Điều kiện sinh sống dưới thời Trung cổ của,

Tập quán của dân đảo Fiji của,

Nữ thần thờ phụng bởi,

Yếu đuối trong ý thức đạo đức hơn,

Chủ nghĩa Lí tưởng của,

Lương tâm to tát hơn của,

Quần đảo Nam Dương, tuổi dậy thì giữa,

*Sự thu hút của,
Hiển dưng cho lễ tế thần đến,
Kích thước nhỏ của trí óc của
Tiềm thức thâm sâu hơn của,
Ít lông trên cơ thể hơn của,
Sự thấp kém trong tinh thần đạo đức và thể xác của,
Lòng yêu thương trẻ con của,
Sống lâu hơn của,
Cơ bắp yếu đuối hơn của,
Sức mạnh của cảm xúc của,
Tính hư phù của,
Giáo dục cao hơn của,
Quan điểm của Shakespeare của,
Quan điểm của Lord Birkenhead của,
Quan điểm của trường khoa Inge của,
Quan điểm của ông La Bruyère^[18] của,
Quan điểm của tiến sĩ Johnson^[19] của,
Quan điểm của ông Oscar Browning của,...*

Đến đây, tôi thờ hít vào một hơi rồi viết thêm bên lề trang giấy, Tại sao Samuel Butler^[20] lại bảo, “Bậc trí nhân không bao giờ phát biểu những điều họ nghĩ về đàn bà”? Hiển nhiên, bậc trí nhân chẳng bao giờ nói gì thêm. Nhưng, tôi vẫn tiếp tục nghĩ ngợi trong lúc ngả người trên ghế, mắt nhìn lên cái vòm nhà mênh mông mà trong đó tôi chỉ là ý tưởng đơn độc nhưng giờ đây lại có phần bức xúc, thật

đáng buồn là bậc trí nhân chẳng bao giờ nhất quán khi nghĩ về đàn bà. Đây là câu nói của Pope:

Hầu hết đàn bà không có cá tính gì cả.

Còn đây là câu của La Bruyère:

Đàn bà là cái gì vô cùng cực đoan họ hoặc vượt trội hoặc thấp kém so với đàn ông.

Hai ý tưởng đối nghịch trực tiếp với nhau từ hai nhà quan sát tinh tế, sống cùng thời đại. Có thể giáo dục được họ hay không? Napoleon cho là không. Tiến sĩ Johnson nghĩ ngược lại (“Đàn ông nên biết rằng đàn bà là kẻ thắng cuộc vì họ chọn lựa sự yếu đuối và dốt nát tốt cùng. Nếu không nghĩ vậy, đàn bà sẽ không bao giờ khiến người đàn ông e ngại về những suy nghĩ của họ về chính bản thân mình... Để cho công bằng cả hai phía nam và nữ, tôi nghĩ chỉ có cách thẳng thắn công nhận, trong buổi mạn đàm sau đó, ông bảo tôi ông thật sự nghiêm chỉnh nghĩ như thế.” - Trích Boswell, *Kí sự chuyến thăm đảo Hebrides*). Họ có linh hồn hay không? Kẻ độc ác bảo không. Kẻ khác, ngược lại, cương quyết nghĩ một nửa đàn bà là thần thánh và họ thờ phụng đàn bà dựa trên quan niệm đó (Người Đức cổ đại tin rằng có cái gì đó thiêng liêng nơi người đàn bà, và dựa vào niềm tin đó, họ tìm đến đàn bà để nghe phán những lời tiên tri.” - Trích Frazer, *Cành vàng*.) Có nhà hiền triết khẳng khẳng bảo thủ quan điểm cho là đầu óc họ nông cạn hơn, người khác bảo ý thức họ sâu sắc hơn. Goethe^[21] tôn vinh họ; trong khi Mussolini^[22] khinh bỉ. Bất kì chỗ nào cũng thấy đàn ông có cái nhìn rất khác nhau về đàn bà. Chẳng biết đầu là đầu, đầu là đuôi, tôi đành đi đến kết luận như thế trong lúc liếc mắt sang người bên cạnh với sự ghen tị, người ấy đang làm bản tóm tắt một cuốn sách với những tiêu đề A, B, C, thật rõ ràng và sạch sẽ, trong lúc cuốn sổ tay của tôi thì ôi thôi hỗn loạn như đám giặc với những dòng chữ nguệch ngoạc của những đoạn ghi nhanh tương phản nhau. Thật rõ chán, tôi hoang mang quá, xấu

hồ nữa chứ. Chân lí xuyên lọt qua lòng bàn tay tôi. Một giọt cũng không lưu lại.

Tôi lại nghĩ mình không thể bỏ về như thế này được, chẳng lẽ đóng góp lớn lao cho nghiên cứu về phụ nữ và văn học lại chỉ là việc cơ thể đàn bà ít lông hơn đàn ông, hoặc tuổi dậy thì của phụ nữ đảo Nam dương là chín tuổi - hay chín mươi tuổi không chừng? - thậm chí, những dòng chữ viết tay, trong sự xao lãng, cũng biến thành rối tinh, không thể đọc được. Thật là xấu mặt bởi cả buổi sáng làm việc mà chẳng thu nhặt được điều gì đáng kể. Và nếu tôi không nắm giữ được chân lí về ĐB (để ngắn gọn, tôi gọi tắt cô ấy như vậy) trong quá khứ, thì ở tương lai tôi phải bận tâm tới ĐB làm gì? Có vẻ như chỉ phí thời gian một cách vô ích, nếu tôi tiếp tục tham vấn những nhân vật lừng lẫy này, những chuyên gia về đàn bà và ảnh hưởng của đàn bà lên cái gì đó có thể - chính trị, trẻ em, thu nhập, đạo đức - số lượng chuyên gia thật đông đảo và đều là những người uyên bác. Thôi, chẳng cần giờ những cuốn sách đó ra làm gì.

Nhưng trong lúc suy ngẫm trong nỗi chán nản và tuyệt vọng, tôi vô thức có một hình ảnh mà qua đó, như người bên cạnh tôi đang làm, khả dĩ giúp tôi tìm ra kết luận nào đó. Tôi đang vẽ lên giấy một khuôn mặt, một hình dáng. Khuôn mặt và hình dáng của giáo sư von X., người trước tác tác phẩm vĩ đại *Sự thua kém về tinh thần đạo đức và thể xác của phái nữ*. Trong bức vẽ của tôi, ông không phải là người đàn ông hấp dẫn với phái nữ. Người ông to béo; hai má xệ phình ra; để cho cân bằng, hai mắt ông bé xíu; mặt ông đỏ rần. Nét mặt ông cho thấy ông đang nỗ lực dưới áp lực của cảm xúc nào đó khiến trong lúc viết, ông đâm ngòi bút xuống mặt giấy như thể đang giết chết con côn trùng độc hại, nhưng ngay cả khi đã giết chết con côn trùng rồi, ông vẫn chưa thấy thỏa mãn; ông phải giết nữa; và ngay thế, nguyên do đưa đến sự giận dữ và bực tức trong lòng ông vẫn chưa có lời giải đáp. Chẳng lẽ là vợ ông, tôi tự hỏi trong lúc ngẫm nghĩ chân dung ông qua tài hội họa của mình. Chẳng lẽ vợ ông ngoại tình với anh chàng sĩ quan kị binh? Có phải chàng sĩ quan

kị binh dáng người cao gầy, điển trai và mặc áo lông cừu? Phải chăng ông giáo sư, áp dụng lí thuyết của Freud^[23], bị một cô gái nhỏ chê cười khi ông còn nằm trong nôi? Bởi, ngay cả khi còn nằm nôi, tôi nghĩ ông cũng không phải là đứa bé dễ coi. Dù là lí do nào, trong bức phác họa của tôi, ông giáo sư trở thành kẻ có tác phong giận dữ dễ sợ và xấu xí cực độ, trong lúc ông hoàn thành cuốn sách vĩ đại về sự thua kém trên các bình diện tinh thần, đạo đức và thể xác của nữ giới. Vẽ tranh là hành vi thụ động nhất để kết thúc một buổi sáng làm việc không hiệu quả. Tuy thế, chính lúc chúng ta thụ động, như trong giấc mơ, là lúc chân lí ẩn sâu bên dưới đôi khi trời lên mặt. Một thao tác thực hành hết sức cơ bản trong tâm lí học, đừng tôn nó lên bởi cái tên phân tâm học, cho tôi thấy, bức vẽ ông giáo sư phùng mang trợn má được vẽ trong con giận dữ trong lúc nhìn vào cuốn sổ tay. Con giận đã giằng lấy bút của tôi trong lúc mơ màng. Nhưng sự giận dữ đang làm gì nơi đây? Thú vị, hỗn loạn, vui thú, buồn chán - tất cả những cảm xúc này tôi có thể truy nguyên và gọi tên từng tâm trạng một đã tuần tự biến thiên trong tâm tư tôi suốt buổi sáng. Phải chăng sự giận dữ, con rắn đen, đã ẩn nấp rình rập đâu đó lẫn giữa các cảm xúc kia? Vâng, bức vẽ trả lời, sự giận dữ đã làm thế. Không thể sai chạy vào đâu được, nó chỉ ra cho tôi một cuốn sách, câu nói trong cuốn sách đã đánh thức con quỷ trong tôi; chính là câu phát biểu của ông giáo sư về sự thua kém trong tinh thần, đạo đức và thể xác của nữ giới. Tim tôi đập loạn lên. Hai má nóng ran. Người tôi bừng lên con giận dữ. Điều đó, chẳng có gì đặc biệt đáng nói dù nó điên rồ. Tự nhiên thôi, người ta không thích bị nói vào mặt rằng so với gã đàn ông bé nhỏ mình vẫn là kẻ thua kém - tôi nhìn sang cậu sinh viên bên cạnh - cậu thờ mạnh, cậu đeo cà vạt loại thắt sẵn, và có lẽ hai tuần rồi không cạo râu. Người ta ai cũng có những tính khí vô vẩn điên khùng. Tôi nghĩ đó chỉ là bản chất con người và bắt đầu vẽ lảng nhãng hình bánh xe, hình vòng tròn lên mặt ông giáo sư, cho đến khi hông ông như đám cỏ khô bốc cháy hay ngôi sao chổi xẹt lửa bùng bùng - dù sao, đó là một con ma dễ sợ, chẳng thấy bóng dáng con người đâu nữa. Giờ đây, ông giáo sư chỉ còn là bó củi bốc

cháy trên đỉnh Hampstead hoang sơ. Chẳng bao lâu, cơn giận của tôi được giải đáp và lắng dịu; nhưng sự tò mò thì vẫn còn nguyên. Phải giải thích như thế nào về sự giận dữ của các ông giáo sư? Tại sao họ giận dữ? Bởi phân tích ẩn tượng để lại sau khi đọc những cuốn sách này, bao giờ cũng có những điểm nóng. Cái nóng có nhiều dạng; nó có thể hiện lên ở dạng trào phúng hay tình cảm, tò mò hay bài xích. Một thành tố khác luôn hiện hữu nhưng không dễ dàng nhận dạng nó. Sự giận dữ, tôi gọi nó thế. Nhưng sự giận dữ chính nó lẫn trốn xuống lòng đất và pha trộn với các cảm xúc khác. Dựa trên những tác động kì quặc do nó gây nên, người ta có thể nhận ra nó là sự giận dữ trá hình và phức tạp chứ không phải sự giận dữ giản đơn, rõ rệt.

Bất kì lí do nào, tất cả những cuốn sách này, tôi ngẫm nghĩ trong lúc quan sát chõng sách cao nghêu trên bàn, đều vô giá trị cho mục đích của tôi. Có thể nói, trên bình diện khoa học, chúng vô giá trị, mặc dù trên bình diện con người, chúng chứa đựng không thiếu những kiến thức đời sống, có cuốn thú vị, có cuốn chán ngấy, và những chi tiết hết sức kì dị về tập quán của dân đảo Fiji. Chúng được viết ra dưới luồng ánh sáng đỏ rực của cảm xúc chứ không phải ánh sáng trắng của chân lí. Bởi thế, cần trả chúng lại bàn giấy trung tâm và mỗi cuốn sách trở về đúng vị trí của nó trong cái tổ ong vĩ đại. Tất cả những gì tôi thu nhặt được sau suốt buổi sáng làm việc là sự kiện về giận dữ. Các vị giáo sư - tôi gộp chung họ lại như thế - ai nấy đều giận dữ. Nhưng tại sao, tôi tự hỏi trong lúc đem sách đi trả, tại sao, tôi lặp lại, trong lúc đứng dưới hàng cột tròn bên cạnh những con bồ câu và thuyền chèo thời tiền sử, tại sao họ giận dữ? Và, câu hỏi này theo tôi cuốc bộ ra ngoài đi tìm chỗ ăn trưa. Đây là bản chất thật của cái điều tôi gọi tên là sự giận dữ? Tôi hỏi. Và đây là câu đố nhức đầu đeo đẳng tôi suốt thời gian ăn trưa tại tiệm ăn nhỏ gần viện bảo tàng. Có người bỏ lại trên ghế tờ báo, và trong lúc chờ người hầu bàn đem bữa ăn ra, tôi đưa mắt hờ hững liếc qua những hàng tít trên mặt báo. Hàng tít lớn chạy ngang mặt báo. Có kẻ nào đó thắng lớn ở Nam Phi. Hàng tít nhỏ hơn loan báo Sir Austen

Chamberlain^[24] đang ở Geneva. Một cái búa chặt thịt dính tóc người được tìm thấy trong hầm rượu. Thẩm phán - của Tòa án li hôn phán quyết về trường hợp “Không biết hổ thẹn của đàn bà”. Rải rác đây đó trên mặt báo là những mẩu tin khác. Ở California, từ mỏm núi cao, người ta hạ một nữ diễn viên điện ảnh xuống và treo cô lơ lửng trong không trung. Và theo tin dự báo thời tiết thì trời sẽ có sương mù. Tôi nghĩ người khách lạ ghé thăm quả địa cầu trong chốc lát, nhật tờ báo lên đọc, và từ những bằng chứng lắt nhắt này chắc phải nhận ra ngay rằng Anh là đất nước được cai trị bởi chế độ gia trưởng. Không ai không nhận ra vị thế thống trị của ông giáo sư. Ông tượng trưng cho quyền lực, tiền tài và ảnh hưởng. Ông là chủ tờ báo, đồng thời là tổng biên tập và phụ tá biên tập. Ông là bộ trưởng Bộ Ngoại giao đồng thời là thẩm phán. Ông là chủ đội bóng chày; ông là chủ những con ngựa đua và du thuyền. Ông là giám đốc cái công ty đem về hai trăm phần trăm lợi nhuận cho người có cổ phần. Ông bỏ ra bạc triệu đem cho các cơ quan từ thiện và trường học mà chính ông là người quản trị. Ông treo cô diễn viên điện ảnh giữa không trung. Ông là người quyết định mảng tóc dính trên cái búa có thật là tóc người hay không; ông cũng ra phán quyết cuối cùng kết án hay tha bổng kẻ sát nhân, treo cổ hay thả hẫng tự do. Ngoại trừ thời tiết sương mù dường như ông có thể xoay vần mọi thứ. Thế mà ông lên cơn giận. Tôi biết ông nổi giận vì lẽ này. Khi tôi đọc những gì ông viết về đàn bà, tôi nghĩ đến chính ông chứ không phải những gì ông viết. Khi kẻ tranh luận bình tĩnh tranh luận, anh ta chỉ nghĩ đến sự tranh luận; và người đọc không thể không bị lôi cuốn theo. Nếu anh ta bình tâm trong lúc viết sách về đàn bà, sử dụng những bằng chứng xác đáng để chứng minh luận điểm của mình, và không hề để lộ chút mong muốn nào để ép kết luận phải đi vào chiều hướng do mình đưa ra thì người ta cũng chẳng việc gì phải nổi giận. Người ta sẽ phải công nhận các sự kiện thôi, như công nhận hạt đậu màu xanh hay chim hoàng yến màu vàng. Lẽ ra tôi phải nói vậy. Nhưng đảng này, tôi lên cơn giận bởi sự giận dữ của ông giáo sư. Thực sự, trong lúc lật xem tờ báo, tôi nghĩ rằng thật phi lí khi một con người

đây quyền lực trong tay lại có thể nổi giận. Hay sự tức giận, tôi bản khoăn, bằng cách nào đó, như người thân tín, như con yêu tinh luôn tức trực bên cạnh quyền lực? Thí dụ, người giàu hay tức giận bởi họ nghi ngờ người nghèo muốn chiếm đoạt tiền bạc, tài sản của họ. Những ông giáo sư, hay nói đúng hơn là những ông tộc trưởng, có lẽ nổi giận một phần bởi lí do như thế, nhưng một phần bởi lí do khác nằm dưới cái nhan đề, không phô bày trên bề mặt. Có khả năng, họ chẳng hề “tức giận” chút nào; quả thật thế, bình thường họ là người được tôn kính, tận tụy và gương mẫu trong các mối quan hệ của cuộc sống riêng tư. Rất có khả năng, trong lúc vị giáo sư muốn nhấn mạnh quan điểm của mình về sự thua kém của nữ giới, đã chẳng hề quan tâm gì đến sự thua kém đó mà chỉ vì ông muốn chứng tỏ sự vượt trội của chính mình. Đó là điều ông hằng say bảo vệ và nhấn mạnh, bởi với ông, nó là viên ngọc quý vô giá. Cuộc sống của cả hai giới phái - tôi nhìn họ chen chúc nhau dọc bên vệ đường - là cuộc đấu tranh không ngừng, đầy vất vả và khó nhọc. Nó yêu cầu người ta phải có lòng can đảm và sức mạnh vô biên. Nhưng có lẽ, yêu cầu khó khăn nhất nơi chúng ta, sinh vật sống với ảo tưởng, là sự tự tin vào bản thân. Thiếu tự tin, chúng ta như những đứa trẻ sơ sinh nằm trong nôi. Và bằng cách nào, nhanh chóng nhất, chúng ta vun đắp được phẩm chất khó lường nhưng vô cùng quý giá đó? Bằng cách nghĩ kẻ khác thua kém mình. Bằng cách nghĩ mình được trời biệt đãi hơn kẻ khác - có thể là sự giàu có, hay địa vị, cái mũi thẳng, hay bức họa chân dung người cha già của Romney^[25] - bởi chẳng bao giờ cạnh những cái trá ngụy lươn lẹo của trí tưởng tượng con người. Do đó, điều trọng đại với vị tộc trưởng, người phải chinh phục, phải thống trị, là cảm thấy rất nhiều người, đúng hơn một nửa nhân loại, tự nhiên thua kém mình. Nó thực sự là một trong những nguồn chủ yếu cung cấp quyền lực cho ông. Nhưng hãy cho tôi dùng nhận xét này soi sáng lên đời sống thật, tôi nghĩ thế. Nó có giúp giải thích được phần nào những rắc rối tâm lí mà ta ghi chú xuống lề cuộc sống thường nhật? Liệu nó giải thích được không sự sùng sốt của tôi hôm tôi nghe Z, người đàn ông nhân đạo nhất,

khiêm tốn nhất, cầm lên cuốn sách của Rebecca West^[26] đọc một đoạn trong đó rồi kêu lên, “Đúng là tay nữ quyền lếu láo! Bà ta gọi đàn ông là bọn hợm hĩnh!” Tôi ngạc nhiên lắm - bởi tại sao lại gọi cô West là “tay nữ quyền lếu láo” trong khi câu nói của cô về giới phái khác mình tuy không làm mát lòng nhưng rất có khả năng chính xác? - câu nói của ông không hẳn chỉ là tiếng kêu thất thanh của lòng tự kiêu bị thương tổn; nó còn là sự phản kháng chống lại cái gì đó đã dám cả gan đứng lên cản trở quyền hạn tin vào chính mình của ông ta. Suốt bao thế kỷ, đàn bà phụng sự như là tấm gương soi có năng lực nhiệm màu và ngoạn mục phản ánh hình ảnh người đàn ông to gấp hai lần kích thước thật của hẳn. Không có năng lực đó, có lẽ mặt đất vẫn là đầm lầy và rừng rậm. Không ai biết đến vinh quang của chiến tranh. Chúng ta vẫn nguệch ngoạc khắc hình hươu nai lên xương cừu và đổi chác đá lửa với da thú hay những đồ trang sức giản dị cho trình độ thường ngoạn chất phác của chúng ta. Siêu nhân và Những ngón tay của định mệnh chẳng bao giờ hiện hữu. Nga hoàng, vua Đức và Áo chẳng bao giờ có vương miện hay để mất chúng. Bất kì dùng cho mục đích gì trong xã hội văn minh, gương soi rất thiết yếu cho tất cả những hành động bạo ngược lẫn anh hùng. Đó là lí do vì sao cả Napoleon^[27] lẫn Mussolini đều cương quyết gán ghép sự thua kém lên đàn bà, bởi nếu không, đàn ông như họ sẽ thua kém, sẽ ngưng lớn mạnh. Điều đó giải thích phần nào đàn ông thường cần có đàn bà ở bên. Nó cũng giúp giải thích tại sao đàn ông hay bồn chồn không yên nếu bị đàn bà chỉ trích; ông thấy không thể chịu đựng được khi bị bà lên tiếng chê bai cuốn sách này dở, bức tranh kia kém, hoặc bất kì điều gì khác; và mức độ đau đớn, tức giận này cao hơn nhiều nếu đem so với trường hợp đàn bà bị đàn ông chỉ trích tương tự. Bởi ngay lúc bà nói lên sự thật, hình ảnh trong tấm gương soi co rút lại; và sự sinh tồn sung sức của ông ngay lập tức sút giảm. Cách nào đây để ông tiếp tục phê phán, đi khai hóa văn minh cho dân bản xứ, làm luật, viết sách, ăn mặc lịch sự để đọc diễn văn trong các buổi tiệc tùng, ngoại trừ ít nhất trong mỗi bữa sáng, bữa tối, ông thấy mình to lớn gấp hai lần kích thước

thật? Tôi ngẫm nghĩ như thế trong lúc tay bẻ vụn mẩu bánh mì, quấy tách cà phê, và chốc chốc nhìn người đi bộ ngoài đường. Áo tường tẩm gương soi là cái gì tối hệ trọng bởi nó bổ sung sinh lực và kích thích hệ thần kinh của ông. Lấy nó đi, ông có thể chết, như gã nghiện không có ma túy để dùng. Núp dưới mái che của áo tường đó, tôi ngẫm nghĩ trong lúc nhìn qua cửa sổ, một nửa số người trên vệ đường đang bước những bước dài đến sở làm. Họ khoác áo bành tô, đầu đội mũ chỉnh tề dưới những tia nắng đồng thuận của áo tường buổi ban mai. Họ bắt đầu ngày làm việc đầy tự tin, vững chãi; tin tưởng tại tiệc trà nhà cô Smith, họ sẽ được mọi người yêu thích; đặt chân vào phòng, họ tự nhủ, mình vượt trội hơn phân nửa số người nơi đây, và từ đó trở đi, họ ăn nói với phong thái tự tin, an nhiên tự tại, điều này ảnh hưởng sâu sắc lên đời sống cộng đồng và dẫn đến những ghi chú lạ lùng bên lề những suy nghiệm riêng tư.

Nhưng, những đóng góp vào chủ đề trắc trở và vô cùng thú vị về tâm lí kẻ khác phái này - tôi hi vọng nó là đề tài cho các bạn nghiên cứu, khi nào các bạn có trong tay thời gian năm trăm năm - bị tạm thời gián đoạn bởi tôi phải móc ví trả tiền bữa ăn trưa. Tổng cộng là năm hào chín xu. Tôi đưa cho người hầu bàn tờ giấy bạc mười hào và anh ta đem tiền thối lại cho tôi. Trong ví tôi còn tờ mười hào nữa; tôi chú ý, bởi nó vẫn là sự kiện khiến tôi bàng hoàng sững sốt, cái ví của tôi có khả năng tự động đẻ ra những tờ giấy bạc mười hào. Tôi mở ví và nó nằm sẵn trong đấy. Xã hội cung cấp cho tôi thịt gà, cà phê, giường ngủ, nhà ở, và để đổi lại là một số giấy tờ di tôi để lại cho tôi, tôi nêu lên dì ra đây không ngoài lí do này.

Dì tôi, bà Mary Beton, tôi phải kể với các bạn, qua đời trong tai nạn ngã ngựa, khi bà đi hóng gió ở Bombay. Một buổi tối, tôi nhận được giấy tờ thừa kế cùng lúc với tin họ mới thông qua đạo luật đàn bà được quyền bỏ phiếu. Văn kiện của luật sư rơi vào thùng thư và khi bóc ra xem tôi biết dì tôi đã để lại cho tôi khoản tiền năm trăm bảng mỗi năm, suốt đời. Giữa hai cái tin - đàn bà được quyền bỏ phiếu và tiền - thì tiền, của chính tôi, dường như quan trọng hơn

nhieu lắm. Trước đó, để kiếm sống tôi làm đủ thứ nghề lật vạt từ nghề viết báo, tường thuật màn diễn lừa ở nơi này, đám cưới ở chỗ kia; cho đến những việc khác như gửi thư quảng cáo, đọc truyện cho các bà già, làm hoa giả, dạy chữ cái cho trẻ em mẫu giáo. Trước năm 1918, đó là những công việc chính yếu dành cho phụ nữ. Tôi e là mình chẳng cần phải miêu tả tỉ mỉ từng chi tiết ra đây về nỗi khó nhọc của những công việc này, bởi lẽ, chắc các bạn có người quen làm những công việc đó; tôi cũng chẳng cần nói lên sự khó khăn của cuộc sống khi phải kiếm tiền, bởi có lẽ các bạn cũng đã từng trải qua. Nhưng để lại trong tôi vết thương đau đớn, ê chề hơn cả hai điều trên là liều độc dược của lòng khiếp sợ và nổi cay đắng mà những ngày tháng đó gây nên trong tâm tư tôi. Trước hết, luôn luôn là công việc mình không thích làm, và làm như kẻ tôi đòi, rồi phải nịnh bợ luồn cúi, chuyện này có lẽ không phải lúc nào cũng cần thiết nhưng hình như không có không được, bởi chuyện rủi ro rất dễ xảy ra cho kẻ ngay thẳng; và rồi ý nghĩ tài năng vượt trội mà che đậy có nghĩa là chết - nhỏ bé thôi nhưng quý giá đối với người sở hữu nó - tiêu tan cùng với bản ngã tôi, linh hồn tôi - tất cả như sự hoen gỉ ăn mòn nụ hoa xuân, tiêu hủy đến tận gốc cây. Tuy nhiên, như tôi kể, dì tôi mất; và mỗi khi tôi rút tờ giấy bạc mười hào ra tiêu, một chút sự hoen gỉ và sự thối rữa đó được tẩy xóa, sự sợ hãi và cay đắng ra đi. Thật thế, tôi nghĩ, trong lúc nhét đồng bạc vào ví, quả kì diệu, nhớ lại nỗi cay đắng của những ngày tháng mà chỉ cần có thu nhập cố định là tâm tính người ta thay đổi ngay. Không sức mạnh nào trên thế gian này có thể tước đi của tôi món tiền năm trăm bảng đó. Thực phẩm, nhà cửa, quần áo muôn đời là của tôi. Bởi thế, không những sự cố gắng và lao lực chấm dứt, sự thù ghét và nổi cay đắng trong lòng tôi cũng tiêu tan. Tôi chẳng cần thù ghét đàn ông; hẳn không làm tôi đau đớn nữa. Tôi chẳng cần nịnh bợ đàn ông; hẳn có cho tôi cái gì đâu. Tôi mơ hồ nhận ra mình có thái độ mới đối với phân nửa nhân loại. Tựu chung, thật phi lí nếu ta đổ lỗi lên bất kì tầng lớp hoặc giới phái nào. Đa phần người ta chẳng bao giờ chịu trách nhiệm về việc làm của mình. Họ làm theo bản năng vốn không nằm

trong tầm kiểm soát của họ. Họ cũng thế, những ông trưởng tộc, những vị giáo sư, phải vật lộn với biết bao khó khăn, biết bao chướng ngại khủng khiếp. Nên giáo dục dạy dỗ họ, và cả tôi nữa, ở bình diện nào đó, sai lầm trầm trọng. Cái hư hỏng, sai trái được dạy là vĩ đại. Đúng, họ có tiền bạc và quyền lực, nhưng để trả giá, họ phải nuôi dưỡng trong ngực mình con chim ưng, con điều hâu, chúng muôn đòi cắn xé lá gan và mổ nát hai buồng phổi họ - bản năng muốn sở hữu, sự nôn nóng gom góp tiền của thúc đẩy lòng tham, họ muốn chiếm đoạt ruộng đất và tài sản kẻ khác vĩnh viễn; họ đẩy xa biên giới và dựng cờ; họ đóng chiến hạm và chế tạo khí độc; họ hiến dâng cuộc đời mình và cuộc đời con cháu mình. Họ điểu hành xuyên qua cổng vòm Admiralty (tôi đã đặt chân đến đài kỉ niệm đó), hay trên bất kì đại lộ tràn ngập huy chương và đại bác nào khác, để thấy niềm vinh quang chói ngời xán lạn. Hay, trong nắng xuân, họ đứng nhìn người buôn bán cổ phiếu và ông luật sư tài giỏi đi vào nhà trong làm tiền, làm thật nhiều, nhiều hơn nữa, trong khi sự thật thì chỉ cần năm trăm bảng mỗi năm đã đủ cho một con người sống êm đềm trong nắng ấm. Đây là những bản năng xấu được che giấu, tôi nghĩ thế. Chúng nảy sinh từ hoàn cảnh sống, từ sự thiếu văn minh, vừa nghĩ tôi vừa phóng mắt nhìn ra tượng công tước Cambridge, và đặc biệt là những chiếc lông chim gắn trên cái mũ ba góc của ông; với sự chăm chú mà có lẽ trước đó chưa bao giờ có người nhìn chúng như thế. Và trong lúc tôi nhận ra những chướng ngại này, sự khiếp sợ và nổi cay đắng tự chúng biến hoá thành lòng thương hại và niềm cảm thông; thế rồi trong vòng một hai năm, lòng thương hại, niềm cảm thông cũng sẽ tan biến và cuối cùng là sự giải thoát lớn nhất, sự tự do suy nghĩ về mọi cái theo ý mình. Thí dụ, tòa nhà cao tầng đó, tôi thích nó hay không? Bức tranh đó đẹp hay xấu? Cuốn sách đó theo ý tôi hay hay dở? Quả thế, tài sản thừa kế di tôi để lại đã mở ra cho tôi thấy bầu trời, và thay thế hình tượng người đàn ông đường bệ, oai phong mà Milton đề nghị tôi xem như thần tượng, là cảnh sắc bầu trời mở ra bát ngát.

Cứ thế nghĩ ngợi, cứ thế suy đoán, tôi lững thững đi bộ về nhà; nhà tôi nằm bên bờ sông. Ánh đèn le lói và nếu so với thời điểm ban ngày thì có sự đổi khác không tả được tràn ngập London. Như thế, một cái máy vĩ đại sau khi chạy suốt ngày trời và với sự trợ giúp của chúng ta, đã dệt được vài thước vải thật đẹp - một tấm vải rực lửa với đôi mắt đỏ chiếu sáng, một con quái thú đen đũi gầm thét khạc ra hơi thở nóng. Ngọn gió từ đâu bỗng quất lên nhà cửa, lắc mạnh hàng rào ván với con thịnh nộ khác thường.

Tuy thế, trên con phố nhỏ khu nhà tôi, các sinh hoạt nội bộ bình thường vẫn diễn ra. Bác thợ sơn đang từ trên cao trèo thang xuống đất; cô trông trẻ đang cẩn thận đẩy xe em bé về nhà trẻ; người dỡ than đang xếp những vỏ bao tải lại thành đống; người đàn bà bán hàng rau xanh đang cộng số sau một ngày buôn bán. Nhưng tôi quá chìm đắm vào vấn đề các bạn đặt lên vai đến nỗi không thể nhìn thấy những cảnh tượng quen thuộc này mà không quy chiếu chúng về một tâm điểm. Tôi nghĩ, so với cách đây một thế kỷ, thời nay thật khó so sánh các nghề nghiệp này để xem nghề nào cao trọng hơn, thiết yếu hơn. Giữa nghề dỡ than và giữ em bé, nghề nào hơn; hay người đàn bà làm thuê chăm chút một đàn tám đĩa bé ít giá trị đối với thế giới này hơn ông trạng sư kiếm được cả trăm nghìn bảng? Thật vô ích khi hỏi những câu hỏi như thế; bởi chẳng ai trả lời được. Không những giá trị tương đương giữa chị người làm và ông trạng sư trời sạt từ thập kỉ này sang thập kỉ kia, mà chúng ta cũng chẳng hề có trong tay thước đo nào để phân định sự cao thấp, ngay cả ở thời điểm hiện tại. Tôi đã hết sức điên rồ yêu cầu ông giáo sư của tôi cung cấp những “bằng chứng xác thực” về cái này, cái kia trong lời bình luận của ông về đàn bà. Ngay cả nếu vào lúc này người ta có thể thẩm định giá trị của bất kì khả năng nào thì những giá trị đó tương lai sẽ biến đổi; trong vòng một thế kỷ, rất có thể chúng sẽ thay đổi hoàn toàn. Và lại, trong một trăm năm, tôi nghĩ trong lúc đặt chân lên thềm ngôi nhà, đàn bà sẽ không còn là giới phái được bao bọc nữa. Một cách hợp lí, họ sẽ tham gia vào tất cả những sinh hoạt

và hoạt động mà có thời họ bị cấm cản. Cô trông trẻ sẽ đỡ than. Bà bán hàng sẽ điều khiển đầu máy xe kéo. Mọi giả định dựa trên những dữ kiện khi người đàn bà còn là giới phái được bao bọc sẽ biến mất - thí dụ như (đến đây một toán lính tuần tiểu diễn hành về phía cuối phố) đàn bà, giáo sĩ và thợ làm vườn sống lâu hơn người khác. Lấy đi sự bao bọc đó, đưa họ vào những vận động và sinh hoạt cùng với giới phái kia, cho họ mặc quân phục làm lính, thủy thủ, cho họ lái tàu, cho họ làm thợ bến, và họ sẽ không tàn lụi khi còn quá trẻ, quá sớm hơn đàn ông, đến nỗi người ta phải nói câu: “Hôm nay tôi trông thấy một phụ nữ,” như người ta thường nói trước đó: “Tôi trông thấy một chiếc phi cơ.” Bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra, một khi người ta không còn phải lên kế hoạch bao bọc thân phận người đàn bà, tôi nghĩ thế trong lúc đưa tay mở cửa. Nhưng tất cả những điều này liên can gì đến đề tài bài tiểu luận của tôi, “Phụ nữ và văn học”? Tôi tự hỏi như thế trong lúc bước chân vào nhà trong.

Chương ba

Thật thất vọng bởi tối qua tôi đã chẳng đem về lời phát biểu hay sự kiện nào đáng kể và xác thực. Đàn bà nghèo túng hơn đàn ông bởi - lí do này hay lí do kia. Giờ đây, có lẽ tôi phải từ bỏ kế hoạch đi tìm kiếm chân lí, được gì đâu ngoài núi quan điểm nóng bỏng như nham thạch và biến màu như nước rửa bát. Tốt hơn, tôi nên khép màn cửa lại; chặn đứng, không cho sự nhiễu loạn từ bên ngoài lọt vào; thắp lên ngọn đèn; thu hẹp mục tiêu tìm kiếm và đi hỏi nhà viết sử, người ghi chép sự kiện chứ không phải quan điểm, nhờ ông miêu tả cho tôi rõ hoàn cảnh sống của phụ nữ, không phải qua mọi thời đại, mà ở Anh quốc, dưới thời Nữ hoàng Elizabeth [Đệ Nhất] chẳng hạn.

Bởi câu hỏi không có lời đáp vẫn đeo đẳng hết thời này sang thời khác là tại sao không có người phụ nữ nào đóng góp một chữ vào cái kho tàng văn chương hoành tráng kia, trong khi cứ hai người đàn ông thì có một người biết sáng tác ca khúc hoặc làm thơ. Đàn bà thời trước sống như thế nào? Tôi tự hỏi; bởi sáng tác văn học, công việc sáng tạo của trí tưởng khác với khoa học, không như hòn sỏi rơi xuống mặt đất; văn học giống như cái mạng nhện, bám dính vào bốn góc của đời sống, mặc dù có lẽ nó chỉ bám hò. Thông thường chẳng mấy ai thấy nó bám như thế nào; chẳng hạn, kịch của Shakespeare hình như một mình một cõi treo trên đó. Nhưng khi cái mạng nhện bị kéo chệch sang một phía, cong queo ngoài rìa, rách nát bên trong, thì người ta chợt nhớ kẻ giăng chúng giữa không trung không phải là những sinh vật vô thể; chúng là sản phẩm của những con người khốn khổ, và chúng bám lên những cái thông thường, hữu hình như sức khoẻ, tiền bạc và nhà cửa chúng ta sinh sống bên trong.

Bởi thế, tôi đi tìm kệ sách lịch sử và lấy xuống một trong những cuốn mới nhất có nhan đề “Lịch sử Anh quốc” của giáo sư

Trevelyan^[28]. Một lần nữa, tôi dò tiêu mục “Phụ nữ”, tìm cụm từ “vị trí của” và mở trang sách. Tôi đọc “Đánh đập vợ là quyền hạn được mặc nhiên công nhận của đàn ông, đàn ông đánh vợ không bị người trên cũng như kẻ dưới chê cười”. Sử gia tiếp tục, “Tương tự như thế, con gái không chịu lấy chồng do cha mẹ lựa chọn sẽ bị nhốt trong phòng và bị đánh đập đến như tử, lên bờ xuống ruộng; ép duyên không hề gây sốc trong dư luận. Hôn nhân không phải là chuyện tình cảm riêng tư, mà là chuyện mưu lợi cho gia đình, đặc biệt ở những tầng lớp thượng lưu ‘hiệp sĩ’... Hôn ước đặt ra khi đứa trẻ có khi cả hai, còn nằm trong nôi, và hôn lễ được cử hành ngay sau khi chúng lìa tay bà vú”. Đó là khoảng năm 1470, không lâu sau thời đại của Chaucer^[29]. Văn bản kế tiếp tôi tìm thấy đề cập đến địa vị người phụ nữ của hai trăm năm sau, thời của Stuarts. “Đàn bà thuộc tầng lớp thượng lưu và trung lưu lấy chồng theo ý mình vẫn là biệt lệ; sau khi người chồng được chọn, ông ta là chúa tể, là chủ gia đình, luật pháp cũng như tục lệ cho phép như thế. “Tuy nhiên, ngay cả thế,” Giáo sư Trevelyan kết luận, “đàn bà trong tác phẩm của Shakespeare hoặc các tập hồi kí khả tín viết vào thế kỷ XVII của Verney và Hutchinson hình như chẳng mấy ai muốn có cá tính riêng.” Hẳn là thế, nhưng nếu suy xét kỹ chúng ta thấy Cleopatra có đường lối riêng của nàng; người ta có thể tin là Lady Macbeth cũng có riêng một ý chí; còn người ta phải kết luận Rosalind là một cô gái hấp dẫn. Giáo sư Trevelyan đã không nói hết sự thật khi ông phát biểu đàn bà trong tác phẩm của Shakespeare hình như chẳng ai muốn có cá tính riêng. Không phải là nhà viết sử, người ta có thể đi xa hơn và tuyên bố đàn bà chói sáng như ngọn hải đăng trong tác phẩm của các thi sĩ từ thời cổ đại - Clytemnestra, Antigone, Cleopatra, Lady Macbeth, Phèdre, Cressida, Rosalind, Desdemona, công nương Malfi, trong tác phẩm kịch; rồi phải kể đến trong tác phẩm văn xuôi: Millamant, Clarissa, Becky Sharp, Anna Karenina, Emma Bovary, Madame de Guermantes - tên tuổi các nữ nhân vật đó cứ thế ùa vào tâm trí, họ cho thấy đàn bà chẳng hề “thiếu cá tính” chút nào. Quả thế, nếu đàn bà không hiện hữu, ngoại trừ trong các

tác phẩm hư cấu viết bởi đàn ông, thì người ta phải tưởng tượng nàng là nhân vật cực kì quan trọng; rất đa dạng; anh hùng và hèn hạ; tươi sáng và tối tăm; đẹp đẽ vô cùng và xấu xí tột độ; vĩ đại chẳng kém đàn ông, thậm chí có người cho là còn hơn thế^[30]. Nhưng đây là đàn bà trong tác phẩm văn học. Sự thật là, như giáo sư Trevelyan chỉ ra cho chúng ta rõ, nàng bị nhốt trong phòng và bị đánh đập đến nhừ tử, lên bờ xuống ruộng.

Một sự tổng hợp kì dị do đó xuất hiện. Trong trí tưởng, nàng là nhân vật cực kì quan trọng; ngoài thực tế, nàng chẳng là gì; trong thi ca, nàng tràn ngập từng con chữ, trong lịch sử nàng vắng mặt. Nàng tỏa khắp đời sống vua chúa và là người chinh phục trong tiểu thuyết; nhưng sự thật, nàng là nô lệ của bất kì cậu trai nào sau khi cha mẹ cậu ấn cái nhẫn vào ngón tay nàng. Trong văn chương, những từ ngữ cao nhã nhất, những tư tưởng thâm thúy nhất thốt ra từ đôi môi nàng; ngoài đời thật, nàng gần như mù chữ và là tài sản của chồng nàng.

Nếu đọc sử trước rồi đọc thơ sau, chắc chắn ta sẽ liên tưởng đến giống quái vật kì dị - con giun có cánh như chim ưng; đời sống tinh thần và sắc đẹp bặm vụn cùng mỡ bò trong nhà bếp. Những con quái thú này, tuy lạ lẫm trong trí tưởng tượng, nhưng không hiện hữu ngoài đời thực. Để đưa nàng ra ánh sáng, người ta phải vận dụng hai cách suy nghiệm cùng lúc, vừa thi vị vừa dung tục, nhờ đó sự thật không vượt mất - rằng bà tên Martin, ba mươi sáu tuổi, mặc áo màu xanh, đội nón đen và đi giày nâu; nhưng cũng đừng để mất cái nhìn hư cấu - bà là cái bình chứa trong đó đủ loại tinh thần và những năng lực chuyển vận và chiếu sáng muôn đời. Tuy nhiên, khi thử áp dụng phương pháp suy luận này với người phụ nữ sống dưới thời Elizabeth, luồng sáng bỗng dung tắt ngấm; người ta khựng lại bởi sự khan hiếm dữ kiện. Chẳng ai biết căn kẽ điều gì, không hề có sự thật hoàn toàn chính xác và thực chất về nàng. Lịch sử nhắc đến nàng thật ít ỏi. Và tôi giờ lại cuốn sách của giáo sư

Trevelyan để xem, lịch sử nghĩa là gì với ông. Tôi tìm thấy tên mỗi chương sách đại để như sau:

“Triều đình Manor và những phương pháp canh điền... Dân Cistercian và việc chăn nuôi cừu... Cuộc viễn chinh của Thập tự quân... Trường Đại học... Thứ dân Nghị viện... Cuộc chiến một trăm năm... Chiến tranh hoa hồng... Những học giả thời Phục hưng... Sự giải thể những tu viện... Sự tái phân chia điền địa và cuộc xung đột tôn giáo... Nguồn gốc hải lực Anh quốc... Hạm đội...”, vân vân. Thi thoảng, tên tuổi một người đàn bà được nhắc đến, Elizabeth, Mary; một nữ hoàng, một công nương cao quý. Nhưng không hề thấy người phụ nữ thuộc tầng lớp trung lưu, người không có gì trong tay ngoài khối óc và cá tính trong ý thức làm chủ của mình, tham dự vào bất kì phong trào lớn nào, những phong trào đem hợp lại sẽ tựu thành cái nhìn của sử gia về quá khứ. Ngay cả trong giai thoại hoặc dã sử cũng không có. Aubrey chẳng viết gì về mình. Bà không bao giờ viết về cuộc đời bà, nhật kí cũng không; chỉ có chừng mười bức thư tay của bà còn lưu lại. Bà không soạn kịch cũng chẳng làm thơ để qua đó chúng ta có thể thẩm định con người bà. Tôi chạnh nghĩ, điều người ta mong mỏi - và tại sao các sinh viên ưu tú của Newnham hay Girton không cung cấp cho chúng ta? - là khối lượng lớn những thông tin; bà lấy chồng năm bao nhiêu tuổi; bà có bao nhiêu người con; nhà cửa bà ra sao; bà có căn phòng riêng không; bà có tự tay nấu nướng không; bà có phải là hạng người nuôi đầy tớ trong nhà? Tất cả những dữ kiện này còn nằm yên nơi nào đó, có lẽ là trong sổ đăng kí của giáo xứ hoặc hồ sơ kê khai hành chính; đời sống người phụ nữ trung bình thời Elizabeth phải nằm rải rác đâu đó, biết đâu người ta có thể tập hợp lại và hoàn thành một cuốn sách. Tham vọng này vượt quá cả sự liêu lĩnh của chính tôi, tôi nghĩ trong lúc nhìn quanh quất lên kệ sách tìm kiếm những cuốn mà tôi biết không có, và tôi đề nghị sinh viên các trường đại học danh tiếng trên hãy viết lại lịch sử, mặc dù, tôi phải công nhận nó có vẻ khá kì quặc, phi thực tế và lộn xộn làm sao; nhưng tại sao không đóng góp

thêm vào dòng chính sử trang sử phụ này, dĩ nhiên là gọi nó bằng cái tên kín đáo để các bà nhận ra mà không thấy khiếm nhã? Bởi, chúng ta thường thoáng thấy bóng họ trong cuộc sống như những nhân vật vĩ đại, nhưng cái bóng mau chóng biến mất vào hậu trường, ẩn nấp, đôi khi tôi nghĩ thế, cái chớp mắt, nụ cười, và có lẽ cả giọt lệ. Và nói cho cùng, chúng ta có đầy đủ đời sống của Jane Austen; có vẻ như không cần thiết phải xét lại bi kịch của Joanna Baillie^[31] ảnh hưởng đến thơ Edgar Allan Poe^[32] như thế nào; riêng tôi, tôi không thấy có vấn đề gì nếu người ta đóng cửa nhà và dinh thự của Mary Russell Mitford chỉ ít cả thế kỷ, không cho công chúng vào xem nữa. Nhưng, tôi tiếp tục suy nghĩ, mắt lại ngược lên nhìn kệ sách, điều tôi thấy đáng trách là chúng ta không hề biết gì về người phụ nữ trước thế kỷ XVIII. Tôi không biết dựa vào đâu cho những suy nghiệm của mình. Tại nơi đây tôi đặt câu hỏi tại sao đàn bà dưới thời Elizabeth không làm thơ, và tôi không rõ họ được giáo dục như thế nào; họ được dạy viết hay không; họ có phòng làm việc riêng không; bao nhiêu người có con trước năm hai mươi một tuổi; đại để, họ làm gì trong suốt thời gian từ tám giờ sáng đến tám giờ tối. Hiển nhiên, họ không có tiền; và theo như giáo sư Trevelyan cho biết, dù muốn hay không, họ phải lấy chồng ngay sau khi rời nhà trẻ, có lẽ khi mới mười lăm mười sáu tuổi. Bởi thế, tôi đi đến kết luận là chẳng bao giờ có chuyện đột nhiên một người trong họ là kịch gia tầm cỡ Shakespeare, và tôi bỗng nghĩ đến người đàn ông lớn tuổi khả kính đã qua đời, sinh thời ông là giám mục, tôi nghĩ thế, ông từng tuyên bố không người đàn bà nào, trong quá khứ, hiện tại hay tương lai có thể là thiên tài như Shakespeare. Ông viết như thế trong một bài báo. Có bà mệnh phụ đến tham vấn và ông bảo bà rằng loài mèo không lên thiên đường, đó là sự kiện hiển nhiên, mặc dù, ông nói thêm, chúng cũng có thứ linh hồn nào đó. Bao nhiêu là suy nghĩ những ông lão khả kính này dùng để cứu rỗi chúng ta? Với cách suy luận như thế, làm sao họ thu nhỏ biên giới của sự ngu dốt được? Mèo không lên thiên đàng. Đàn bà không thể viết kịch như Shakespeare. Buồn cười thật đấy, nhưng tôi không thể không nghĩ,

trong lúc ngược nhìn những tác phẩm của Shakespeare nằm uy nghi trên kệ sách, biết đâu ngài giám mục ở bình diện nào đó có lí; đàn bà sống vào thời đại Shakespeare viết kịch như Shakespeare là chuyện hoàn toàn bất khả. Hãy cho tôi tưởng tượng, bởi dữ kiện khó tìm quá, rằng chuyện gì xảy ra nếu Shakespeare có người em gái mà thiên tư chẳng kém gì ông, hãy gọi nàng là Judith. Mẹ Shakespeare là người sống nhờ của thừa kế và rất có thể ông được gửi vào trường nơi ông học tiếng Latin - trước tác của Ovid, Virgil và Horace^[33] - cùng các nguyên tắc cơ bản của ngữ pháp và luận lí học. Như chúng ta biết, ông là cậu trai phóng túng, ông đi săn thỏ, có lẽ cả nai; kết hôn vội vã với người đàn bà gần nhà, và bà ta đẻ ngay cho ông đứa con. Ông bỏ nhà lên London đi tìm sự nghiệp. Có vẻ ông yêu thích nhà hát kịch; ông khởi nghiệp bằng nghề giữ ngựa ngoài cổng rạp. Chẳng bao lâu, ông có việc làm trong nhà hát, trở thành một diễn viên kịch khá thành công và sống giữa trung tâm vũ trụ, ông gặp gỡ, quen biết mọi người, làm nghệ thuật trên sân khấu, phô diễn những điều minh triết ngoài đường phố, thậm chí được phép ra vào lâu đài của hoàng hậu.

Trong khi đó, cô em gái tài năng lạ thường của ông chúng ta cứ giả thử như thế, vẫn ở nhà. Nàng cũng mang trong người dòng máu phiêu lưu, cũng giàu trí tưởng tượng và ôm ấp giấc mộng đi du ngoạn thế giới như ông. Nhưng nàng không được đến trường. Ngay cả văn phạm và luận lí nàng cũng chẳng được học, nói gì đến việc đọc trước tác của Horace hay Virgil. Thi thoảng nàng cầm lên cuốn sách, có lẽ của anh nàng, và đọc vài trang. Nhưng cha mẹ nàng bước vào và bảo nàng đi may vá quần áo chứ đừng thơ thẩn với sách vở làm gì. Cha mẹ nàng nói với nàng bằng giọng nghiêm khắc nhưng không ghét bỏ, bởi họ thuộc thành phần khá giả, họ hiểu rõ kiếp sống của người phụ nữ và thật tình yêu thương con gái mình - quá thế, chắc chắn nàng là báu vật trong mắt người cha. Có lẽ, lúc một mình ở nhà, nàng lén lút viết lách linh tinh nhưng nàng cẩn thận giấu kín những trang viết hoặc viết xong rồi đốt. Tuy thế, chẳng bao

lâu, trước khi bước sang tuổi hai mươi, nàng được cha mẹ hứa hôn với cậu con trai người làm len cùng thôn xóm. Nàng ghét lấy chồng và nàng khóc lóc ỉ ôi, vì thế nàng bị cha đánh đập tàn nhẫn. Rồi ông ngưng chửi mắng nàng. Thay vào đó ông van xin nàng đừng làm ông đau đớn, đừng làm ông mất mặt với chuyện hôn nhân của nàng. Ông hứa sẽ cho nàng khâu chuỗi hay cái áo đẹp; và khước mắt ông ướm đầm những giọt lệ. Làm sao nàng cãi lời cha được? Làm sao nàng để ông đau khổ được? Nhưng sức mạnh từ chính tài năng của nàng đã thúc đẩy nàng đi đến quyết định. Thu gom ít quần áo tư trang vào cái túi nhỏ, một đêm hè, từ phòng trên, nàng thòng dây đu xuống đất và bỏ nhà tìm đường đi London. Tuổi nàng chưa đầy mười bảy. Tiếng hát nàng còn hay hơn tiếng hót của bầy chim đậu trên cành. Giống như anh nàng, nàng có tài phổ nhạc cho thơ và đam mê sân khấu. Nàng đứng ngoài cửa rạp; nàng bảo nàng muốn diễn kịch. Đám đàn ông phá lên cười vào mũi nàng. Người quản lý rạp - gã đàn ông to béo, môi trề - cười ha hả. Gã rống lên những điều về chó lông xù múa may làm trò và đàn bà diễn kịch - gã bảo nàng rằng đàn bà không đòi nào trở thành diễn viên được. Gã ngụ ý đấy - nhưng chắc các bạn hiểu gã muốn nói gì. Nàng sẽ không được huấn luyện diễn xuất. Ngay cả chuyện vào quán rượu gọi bữa ăn hay lang thang một mình ngoài đường vào nửa đêm cũng khó lòng xảy ra. Nhưng thiên tư của nàng hiển lộ nơi lòng say mê sáng tạo, nàng khao khát muốn vào xem tường tận kiếp sống của đàn ông, đàn bà và đem chúng vào văn chương. Cuối cùng - bởi nàng còn trẻ lắm, lại giống anh nàng một cách kì quặc, mặt nàng là Shakespeare thi sĩ, cũng hai mắt xám tro và đôi lông mày vòng nguyệt - cuối cùng Nick Greene, gã diễn viên kiêm quản lý rạp hát thấy thương cảm; một hôm nàng thấy mình có con với gã và thế là - ai là người đi đo lường sức nóng và cường độ mãnh liệt của trái tim thi sĩ khi nó quẩn quít và hỗn loạn trong cơ thể người đàn bà? - một đêm đông giá lạnh, nàng tự kết liễu đời mình và thân xác nàng vùi dưới lòng đất, nơi ngã tư đường mà ngày nay xe buýt đỗ bên gần khu Elephant và Castle.

Ít nhiều theo tôi, đó là câu chuyện của người đàn bà thiên tư như Shakespeare, sống dưới thời Shakespeare. Riêng phần tôi, tôi đồng ý với ngài giám mục đã qua đời, nếu quả thật như thế - là không ai nghĩ dưới thời Shakespeare có người đàn bà nào có thiên tài như Shakespeare. Bởi, thiên tài như Shakespeare không sinh ra trong gia đình lao động, không học hành, thuộc tầng lớp tôi đời. Nó không sinh ra ở Anh quốc bởi chủng tộc Saxon và Briton. Ngày nay, nó cũng không sinh ra trong giai cấp công nhân. Vậy thì làm sao nó có thể sinh ra giữa những người đàn bà mà theo lời giáo sư Trevelyan, việc nhà việc cửa bắt đầu trước khi họ ra khỏi nhà trẻ, những người bị cha mẹ ép buộc phải làm như thế bởi quyền năng của luật pháp và tục lệ? Tuy vậy một người phụ nữ thiên tài như thế chắc chắn phải hiện hữu giữa tầng lớp lao động. Thi thoảng, một Emily Brontë hay một Robert Burns^[34] bùng lên và minh chứng sự hiện hữu của nó. Nhưng điều hiển nhiên là nó chẳng bao giờ được ghi chép vào sách vở. Tuy thế, hễ đọc được mẩu chuyện về mụ phù thủy bị chìm xuống nước chết, hay người đàn bà bị quỷ ám, người đàn bà thông thái bán thuốc thảo mộc, thậm chí bà mẹ người đàn ông tài giỏi, tôi chợt nghĩ chúng ta đang dõi theo một tiểu thuyết gia bị quên lãng, một thi sĩ bị chèn ép, một Jane Austen sống trong câm lạng và tăm tối, một Emily Brontë vỡ óc chết trong đầm lầy hoặc nhăn nhó, điên dại lang thang ngoài đường cái, với sự tra tấn gây nên bởi chính thiên tài của mình. Quả thế, tôi còn dám liều lĩnh ước đoán cái tên Khuyết Danh, tác giả không biết bao nhiêu bài thơ không kí tên, thông thường phải là đàn bà. Chính Edward Fitzgerald^[35] là người đưa ra giả thuyết tác giả những khúc balat và dân ca là đàn bà, họ sáng tác để hát ru con, hát bên khung cửi, hoặc trong đêm đông dài bất tận.

Điều này có thể đúng, có thể sai - ai biết được? - nhưng hình như tôi nhìn ra sự thật khi ôn lại câu chuyện cô em gái Shakespeare mà tôi bịa ra, đó là bất cứ người phụ nữ nào sinh ra với thiên tư hơn người ở thế kỷ XVI đều trở nên điên loạn và cuối cùng, phải tự kết

liều đời mình hoặc cô độc sống nốt quãng đời còn lại trong túp lều bên ngoài thôn làng, nửa phù thủy, nửa pháp sư và bị người đời sợ hãi, nhạo báng. Vì người ta không cần nhiều kiến thức tâm lý học để biết chắc một cô gái thiên tư hơn người cố tận dụng tài năng của mình để làm thơ thì đương nhiên sẽ bị kẻ khác tìm cách ngăn trở và phá hại, tâm tư cô sẽ bị hành hạ và xé rời từng mảnh bởi chính những bản năng đầy mâu thuẫn của mình, đến nỗi chắc chắn là thân xác cô trở nên tàn tạ và đầu óc cô mất sự tỉnh táo. Không người con gái nào có thể đứng trước cửa sân khấu kịch ở London, chen vào tìm gặp người diễn viên, kiêm quản lý sân khấu mà không tự chuốc vào người những đau khổ, phiền não ghê gớm, nỗi khổ đó dù có thể phi lý - bởi sự trinh bạch là linh vật do xã hội đặt ra không cần viện vào lý do xác đáng nào - nhưng vẫn không sao tránh khỏi. Sự trinh bạch vào thời đó, và ngay cả thời bây giờ, trong cuộc đời người đàn bà, có vai trò quan trọng của tôn giáo, họ phải dùng ý chí và bản năng để trói nó lại, nên cắt đứt dây trói, thả tự do cho nó nhìn thấy ánh sáng ban ngày là việc làm đòi hỏi lòng can đảm vô biên. Người đàn bà sinh vào thế kỷ XVI ở London, sống cuộc sống tự do không bị trói buộc, như một nữ sĩ, một kịch gia, có nghĩa là sống trong tình trạng căng thẳng thần kinh và tiến thoái lưỡng nan, một tình trạng có thể dẫn đến cái chết. Giả sử bà không chết, nhưng ngay cả thế những gì bà viết cũng sẽ bị bóp méo và biến dạng, kết quả của những trí tưởng tượng lệch lạc và bệnh hoạn. Hiển nhiên, tôi nghĩ trong lúc nhìn lên kệ sách nơi tôi chẳng thấy vở kịch nào của nữ tác giả, những tác phẩm của bà không có chữ kí. Đó phải là nơi trú ẩn bà tìm kiếm. Chính vết tích cay nghiệt của ý thức về sự trinh bạch này khiến đàn bà ở ngay thế kỷ XIX vừa qua vẫn phải ẩn danh khi viết văn. Currer Bell^[36], George Eliot, George Sand^[37], những nạn nhân của cuộc xung đột bên trong như tác phẩm họ chứng tỏ, đều thất bại trong việc che giấu bản thân mình bằng cách lấy tên nam giới làm bút danh. Làm thế, họ chỉ tôn cao thêm cái quy ước đàn bà nổi tiếng thì đáng khinh, một quy ước nếu không do giới phái kia đặt ra thì cũng được họ khuyến khích hỗ trợ (Pericles^[38] từng nói vinh dự của

người đàn bà không phải là việc được nói đến, trong khi chính ông là người được nói đến rất nhiều). Trong máu người đàn bà có sẵn sự ẩn danh. Họ không thích lộ diện. Thậm chí ngày nay, họ vẫn không màng đến danh vọng như đàn ông, và nói chung, khi đi ngang qua mộ chí hay biển chỉ đường, họ không cảm thấy bị thôi thúc phải làm cái gì để tên mình nằm trên đó, như Alf, Bert hoặc Chas phải làm bởi đó là bản năng của họ, cái bản năng rên lên khe khẽ khi thấy có bóng dáng đàn bà, thậm chí là một con chó, *Ce chien est à moi* (Con chó này là của tôi). Và dĩ nhiên, có thể không phải là con chó, tôi nhớ đến quảng trường Parliament, Sièges và những đại lộ khác; có thể nó là một mảnh đất hoặc một người đàn ông tóc quăn đen nhánh. Một trong những ưu điểm làm đàn bà là người ta có thể đi qua cô gái da đen duyên dáng, xinh đẹp mà không cần ước thầm phải chi biến cô thành người đàn bà Anh.

Người đàn bà đó, sinh ra với tài thơ văn vào thế kỷ XVI, là người không hạnh phúc và tự bất hòa với chính mình. Tất cả những điều kiện sinh sống, tất cả những bản năng trong chính bản thân bà đồng loạt chống đối cái tâm thức cần thiết để bà tự do buông thả bất cứ điều gì hiện lên trong trí não. Nhưng tôi tự hỏi, tâm thức nào thì phù hợp với hoạt động sáng tạo? Người ta có cách nào nhận ra ý niệm của tâm thức này không? Tâm thức mà nhờ nó mới tạo thành thao tác kì lạ kia. Đến đây, tôi giữ bộ tuyển tập những bi kịch của Shakespeare. Thí dụ, trong đâu Shakespeare là tâm thức gì khi ông viết vở *Lear*, vở *Antony và Cleopatra*? Chắc chắn nó là tâm thức phù hợp nhất cho thi ca mà chưa hề hiện hữu trước đó. Nhưng chính Shakespeare lại chẳng nói gì về điều này. Chúng ta chỉ tình cờ biết là ông “không bao giờ bôi xóa một dòng chữ”. Có thể trước thế kỷ XVIII, nghệ sĩ chẳng bao giờ nói về tâm thức của mình trong lúc sáng tạo. Rousseau^[39] có lẽ là người đầu tiên. Dù sao chẳng nữa, bước sang thế kỷ XIX, khái niệm về ý thức phát triển đến độ văn nghệ sĩ có thói quen miêu tả những gì họ tư duy, họ viết sách tự thú hoặc tự truyện. Cuộc đời họ cũng được phơi bày trên trang sách, và

người ta còn in thư từ của họ sau khi họ qua đời. Do đó, dù chúng ta không biết Shakespeare nghĩ gì khi ông viết vở kịch *Lear*, chúng ta lại biết rất rõ Carlyle^[40] nghĩ gì khi viết *Cách mạng Pháp*; Flaubert^[41] nghĩ gì khi viết *Bà Bovary*; Keats^[42] nghĩ gì khi ông viết những dòng thơ về cái chết đang đến và sự thần nhiên của thế gian.

Và thu góp từ tủ sách văn chương tự truyện hiện đại khổng lồ này để viết một tác phẩm của thiên tài là việc cực kì khó khăn, gần như không làm nổi. Chẳng có gì bảo đảm đây là tất cả những gì có trong đầu óc nhà văn. Thông thường, nó trái nghịch với những yếu tố vật chất. Chó sẽ sủa; con người không bắt tử; phải làm ra tiền; bệnh tật sẽ tới. Thêm nữa, tất cả những khó khăn này còn bị nhân lên bởi sự thần nhiên thường tình của thế gian. Nó không yêu cầu người ta làm thơ, viết tiểu thuyết hay viết sử; nó không cần những điều đó. Nó không cần biết Flaubert có tìm ra từ ngữ đặc địa hay không hoặc Carlyle có cẩn trọng trong việc kiểm chứng dữ kiện này dữ kiện nọ. Nghiễm nhiên, nó sẽ không trả tiền cho cái nó không muốn. Và vì thế, những nhà văn như Keats, Flaubert, Carlyle đã vấp phải, nhất là ở thời tuổi trẻ, tất cả những triệu chứng của sự lệch hướng và nản lòng. Nó là lời nguyện, là tiếng kêu của nỗi thống khổ, vọng lên từ những cuốn sách tự thú. “Những nhà thơ vĩ đại chết cái chết cực kì đau đớn” - đó là hệ lụy phát sinh từ bài ca của họ. Nếu có cái gì từ đó đi ra thì nó phải là phép màu và có lẽ không cuốn sách nào ra đời mà toàn vẹn và không què quặt như khi được thai nghén.

Nhưng đối với người phụ nữ, tôi nghĩ trong lúc nhìn lên kệ sách trống trơn, những khó khăn này còn ghê gớm hơn gấp bội. Đầu tiên là, trước thế kỷ XIX, con gái trong nhà có riêng cho mình căn phòng, một căn phòng bình thường chứ chưa nói đến căn phòng bốn bề yên ả hay có hệ thống cách âm, là điều không thể xảy ra, ngoại trừ trường hợp cha mẹ cô là người giàu có tốt bậc hoặc thuộc giai cấp quý tộc. Tiền túi của cô, vốn tùy thuộc vào lòng tốt của cha cô, chỉ đủ cho cô may quần áo, chẳng bao giờ cô được hưởng những thú vui hoặc tiện nghi tầm thường như cuộc dạo chơi, chuyến du lịch

nước Pháp, hay chỗ ở riêng, một căn hộ tuy lụp xụp nhưng ít ra nó giúp cô thoát khỏi sự phiền nhiễu và chuyên chế của gia đình, Keats hoặc Tennyson hoặc Carlyle đều có điều kiện thực hiện những điều này dù họ chẳng giàu có gì. Khó khăn vật chất ghê gớm nhường thế; nhưng khó khăn phi vật chất còn tồi tệ hơn nhiều. Sự thần nhiên của thế gian mà Keats và Flaubert hoặc những thiên tài khác thấy quá sức chịu đựng trong trường hợp của đàn bà, là sự chống đối đầy gây hấn. Với những người này, thế gian bảo, “Ông muốn viết gì thì viết, nó chẳng thay đổi chúng tôi tí nào”. Nhưng với đàn bà, giọng họ khác hẳn, họ nói với tiếng cười đầy nhạo báng, “Viết lách hả? Văn chương của bà thì có ích lợi gì mà viết? Đây, những nhà tâm lý học của hai trường Newnham và Girton có thể ra lay giúp chúng ta”, tôi nghĩ thế trong lúc lại nhìn lên khoảng trống trên kệ sách. Chắc chắn đã đến lúc, tác động của sự đả phá làm nản lòng người nghệ sĩ sáng tạo phái nữ cần được đo lường, như tôi từng thấy công ti sản xuất sữa đo lường hiệu ứng của sữa thường và sữa loại A lên cơ thể giống chuột. Họ nhốt hai con chuột trong hai cái lồng đặt cạnh nhau, một con thì láo liên, rụt rè và nhỏ bé, còn con kia thì mượt mà, mạnh dạn và to béo. Xin hỏi chúng ta cho những nữ nghệ sĩ ăn uống như thế nào? Vừa hỏi tôi vừa nhớ lại bữa ăn tối với mận khô và bánh sữa. Để trả lời câu hỏi đó, tôi chỉ cần giở trang báo ấn bản buổi tối và đọc quan điểm của Lord Birkenhead^[43] - nhưng thật tình tôi chẳng muốn viết và sao chép lại quan điểm về văn chương phái nữ của Lord Birkenhead làm gì. Những gì Dean Inge^[44] nói tôi cũng để yên đấy. Và cứ để các chuyên gia của Harley Street bắc loa khoa động tiếng dội âm vang con đường Harley với những điều đao to búa lớn, mà chẳng sợi tóc nào trên đầu tôi dựng đứng cả. Tuy nhiên, tôi sẽ trích dẫn lời ông Oscar Browning^[45], bởi có thời ông là nhân vật lừng lẫy của Đại học Cambridge và ông từng khảo hạch sinh viên hai trường Girton và Newnham. Ông Oscar Browning thường hay phát biểu “ấn tượng để lại trong đầu sau khi ông chấm bất cứ loạt bài dự thi nào là, không cần biết điểm ông cho như thế nào, trí tuệ của cô nữ

sinh viên xuất sắc nhất cũng chẳng thể nào vượt qua nổi cậu sinh viên kém cỏi nhất”. Sau khi phát biểu như thế, ông Browning trở về phòng - và đoạn tiếp theo mới là cái khiến ông được thương mến và làm hình tượng con người ông to lớn, đường bệ - ông trở về phòng và bắt gặp gã phu chuồng ngựa nằm dài trên sô pha - “một bộ xương không hơn không kém, hai bên má gã lõm sâu xuống và vàng xạm, răng gã đen, dường như gã không đủ sức cử động tay chân... ‘Đấy là Arthur.’ (Ông Browning nói tiếp) ‘Cậu ấy thật ra là con người dễ thương và có tư tưởng thanh cao nhất.’” Với tôi, hai hình ảnh này luôn luôn bổ sung cho nhau. Và sung sướng thay, ở thời đại viết tiểu sử này thường bao giờ cũng có hai hình ảnh bổ sung lẫn nhau, để từ đó, chúng ta có thể lí giải quan điểm vĩ nhân không hẳn chỉ dựa vào những gì họ nói mà còn là những gì họ làm.

Nhưng dù thời nay điều này tương đối phổ biến, những quan điểm như thế từ các nhân vật lẫy lừng cách đây năm mươi năm có ảnh hưởng thật ghê gớm. Chúng ta hãy giả sử người cha trong gia đình mong muốn con cái mình thành đạt nhưng ông không muốn cô con gái đi xa nhà và trở thành nhà văn, họa sĩ hay học giả. “Con thấy ông Oscar Browning nói gì không?”, ông bảo với con gái như vậy; và không phải chỉ có mình ông Oscar Browning; còn tờ *Thứ bảy điểm báo* nữa; lại có cả ông Greg - ông này nhấn mạnh, “cốt lõi của bản chất người đàn bà là họ sống nhờ vào sự trợ giúp của đàn ông và họ là kẻ hầu hạ đàn ông.” - có không biết cơ man nào mà kể những quan điểm như thế của nam giới về nữ giới và những quan điểm đó đóng góp vào quan niệm chung, đó là đừng kì vọng điều gì từ trí tuệ người phụ nữ. Ngay cả, nếu ông bố cô gái không đọc to lên những quan điểm này thì chính cô cũng đọc từ đâu đó; thậm chí, sang thế kỷ XIX, sinh lực của cô vẫn bị đè nén và nó ảnh hưởng sâu sắc lên việc làm của cô. Luôn luôn phải vươn lên khẳng định, chống lại và đánh bại định kiến - cô không thể nào làm nổi chuyện đó, cô không có khả năng. Có lẽ, đối với tiểu thuyết gia ngày nay, con vi khuẩn này đã bớt tai hại phần nào; bởi đã xuất hiện những nhà văn nữ xuất

sắc. Nhưng với họa sĩ thì chất độc còn nặng; và với nhạc sĩ, theo tôi, ngay cả bây giờ, nó vẫn hoành hành và cực kì độc hại. Nhà soạn nhạc phái nữ ngày nay đứng ở vị trí cô nữ diễn viên sân khấu thời Shakespeare. Nick Greene, các bạn còn nhớ câu chuyện tôi bịa ra về cô em gái Shakespeare chứ, nói là đàn bà diễn xuất trên sân khấu chỉ khiến ông ta liên tưởng đến con chó diễn trò múa may. Hai trăm năm sau, Johnson lập lại câu nói đó khi ông nói về người phụ nữ giảng đạo. Và đây, tôi nói trong lúc lật cuốn sách viết về âm nhạc, chúng ta có dẫn chứng chữ nghĩa, viết vào cái năm 1928 tươi sáng này, về đàn bà muốn trở thành nhà soạn nhạc. “Nói về Germaine Tailleferre^[46], người ta chỉ có thể lặp lại câu nói của tiến sĩ Johnson liên quan đến đàn bà giảng đạo, chỉ cần thế chỗ soạn nhạc với giảng đạo. ‘Thưa ngài, đàn bà mà soạn nhạc thì cũng như con chó đi bằng hai chân sau. Dở lắm, nhưng ngài sẽ phải ngạc nhiên là có chuyện đó có thật^[47]’”. Lịch sử tái diễn chính xác quá đỗi.

Do đó, tôi kết luận, trong lúc khép lại cuộc đời ông Oscar Browning và đẩy tất cả những nhân vật khác vào nơi an nghỉ, điều khá hiển nhiên là sang thế kỷ XIX đàn bà vẫn chưa được khuyến khích chọn lựa nghiệp nghệ sĩ. Ngược lại, cô vẫn bị xem thường, bị tát vào mặt, bị hô hào, bị lên lớp dạy bảo. Đầu óc cô chắc là càng cứng và sinh lực của cô suy sụp vì cứ phải đối phó và minh chứng hết chuyện này đến chuyện kia. Bởi nơi đây, một lần nữa, chúng ta lại bước vào phạm vi của cái mặc cảm nam tính tuy rất thú vị nhưng mù mờ khó hiểu và ảnh hưởng quá nhiều đến phong trào của phụ nữ; đó là nỗi khao khát thâm căn cố đế đàn ông phải vượt trội hơn đàn bà, để bất kì chỗ nào người ta nhìn vào cũng thấy ông ta xuất hiện nơi tiền diện, không những trong nghệ thuật mà cả chính trị, ngay cả khi mỗi hiểm họa đe dọa ông ta dường như cực nhỏ và kẻ van nài dưới chân ông ta thường tỏ ra vô cùng khiêm tốn, tận tụy hết mình. Thậm chí là, Lady Bessborough, nếu tôi không lầm, với tất cả niềm đam mê chính trị, đã phải khiêm tốn khom mình viết thư cho Lord Granville Leveson-Gower^[48] như sau: “... bất chấp tất cả

những gì bị xem là quá mạnh tay nơi tôi trong lĩnh vực chính trị và sau khi nói quá nhiều về đề tài đó, tôi vô cùng đồng ý với ngài, chính trị hoặc bất cứ công vụ hệ trọng nào khác không phải là chỗ cho đàn bà dính dáng vào, bà ta chỉ nên phát biểu quan điểm của mình (nếu được hỏi) mà thôi". Và sau đó bà tiếp tục dốc tâm huyết chuyên chú vào vấn đề cực kì quan trọng mà không gặp trở ngại nào, đó là bài diễn từ mở đầu của Lord Granville trước Thứ dân Nghị viện. Tôi nghĩ cảnh tượng chắc là lạ lùng lắm. Lịch sử đàn ông chống đối giải phóng phụ nữ có lẽ còn thú vị hơn chính tình tiết của cuộc giải phóng đó. Nếu có cô sinh viên trẻ nào của Đại học Girton hoặc Newnham chịu khó đi thu nhặt dẫn chứng và suy luận ra lí thuyết thì có lẽ cô sẽ viết được cuốn sách hay ho, - nhưng cô cần có đôi gắng tay thật dày và những chấn song sắt để bảo vệ khối vàng ròng của cô.

Nhưng cái ngày nay xem là chuyện giải khuây, tôi hồi tưởng trong lúc khép lại Lady Bessborough, có thời là chuyện không đùa tí nào. Những chuyện này, thời nay người ta gộp chung vào cuốn sách dán nhãn cục cù cu và dành để đọc vào những đêm hè, nhưng có thời nó làm nước mắt tuôn rơi, tôi đảm bảo với các bạn như thế. Bà nội, bà ngoại, cố nội, cố ngoại của các bạn có nhiều người mắt đã đẫm lệ. Bà Florence Nightingale^[49] cất tiếng kêu hết sức đau đớn^[50]. Và lại, mọi chuyện đến với bạn đều tốt đẹp, các bạn là những sinh viên đại học với căn phòng riêng hẳn hoi - hay chỉ là phòng-ngồi-trên-giường? - các bạn có thể bảo thiên tài không việc gì phải để tâm đến các quan điểm đó; thiên tài đứng cao hơn những điều nói về mình. Chẳng may, chính thiên tài, đàn ông cũng như đàn bà, lại là kẻ quan tâm nhiều nhất đến những gì nói về họ. Các bạn hẳn còn nhớ thi sĩ Keats. Các bạn nhớ lời ông khắc trên bia mộ của mình chứ? Hãy nghĩ đến Tennyson; nghĩ thôi và tôi chẳng cần nhắc lại biết bao bằng chứng hiển nhiên khác cho thấy bản chất của nghệ sĩ là quan tâm quá mức đến những điều nói về mình. Rơi vãi trong văn

chương biết bao xác chết những kẻ quan tâm quá mức đến quan điểm của kẻ khác về mình.

Và sự nhạy cảm này là điều chẳng may nhân đôi, tôi nghĩ thế trong lúc trở lại với cuộc tìm kiếm ban đầu của mình, câu hỏi tâm thức nào của nghệ sĩ thuận lợi nhất công việc sáng tạo, bởi để đạt đến nỗ lực phi thường hòng giải phóng toàn thể và toàn bộ tác phẩm trong tim óc, trí tuệ người nghệ sĩ phải cháy sáng, như trí tuệ của Shakespeare chẳng hạn, tôi đoán như thế trong lúc nhìn vào những trang kịch bản *Anthony và Cleopatra* nằm trước mặt. Không chương ngại vật nào cản trở nó; không ngoại vật nào không bùng cháy.

Bởi mặc dù, chúng ta bảo chúng ta không biết gì về tâm thức Shakespeare, nhưng chỉ cần nói như thế chúng ta đã nói cái gì đó về tâm thức Shakespeare rồi. Chúng ta biết quá ít về Shakespeare - so với Donne^[51] hoặc Ben Jonson^[52] hoặc Milton - bởi vì chúng ta chẳng biết tí gì về nội tâm ông; ông oán giận chuyện gì hoặc thù oán, ác cảm với ai, tất cả đều ẩn trong bóng tối. Chúng ta không vén lên được đôi điều “tiết lộ” về tác giả. Tất cả những khát vọng được phản đối, rao giảng, giải bày nỗi thương đau, đền ơn trả oán, biến thế gian thành nhân chứng cho nỗi khổ sở muộn phiền hay nỗi bất bình nào để từ con người ông bùng cháy mãnh liệt và thấm thấu vào tác phẩm. Bởi thế, thơ của ông tuôn chảy lai láng, không gì cản được. Nếu có người nào biểu hiện một cách toàn vẹn trong tác phẩm của mình, người đó phải là Shakespeare. Một trí tuệ cháy sáng, thông suốt, tôi nghĩ trong lúc nhìn lên kệ sách, đó là trí tuệ của Shakespeare.

Chương bốn

Như thế, có thể thấy chuyện tâm thức sáng tạo của người phụ nữ ở thế kỷ XVI là điều hiển nhiên không thể xảy ra. Người ta chỉ cần nghĩ đến những mộ bia thời Elizabeth với những đứa trẻ quỳ gối, hai tay siết chặt nhau; những cái chết yếu; và nhìn vào bên trong nhà cửa chúng sinh sống, những căn phòng tăm tối, chật hẹp, để thấy rằng không người phụ nữ nào sinh sống vào thời đó có khả năng làm thơ. Có lẽ, điều hoạ may tìm thấy là vào những thời kì sau, khi người phụ nữ được hưởng chút tự do tương đối và có người đàn bà xuất sắc nào đó lợi dụng cơ hội này xuất bản cái gì đó mang tên mình và chấp nhận chuyện mình bị gọi là quái vật. Dĩ nhiên, đàn ông không phải là lũ kiểu cách, hợm hĩnh, tôi tiếp tục trong lúc thận trọng né tránh, không đụng chạm đến “chủ nghĩa nữ quyền chính hiệu” của Rebecca West; nếu có bà nữ bá tước nào nổi hứng muốn trở thành thi sĩ thì chắc họ sẽ mở lòng thương hại mà gạt gù tán dương. Người ta có thể nhận ra một mệnh phụ có chức tước sẽ gặp thuận lợi hơn nhiều, được khuyến khích tối đa, so vui mừng non Austen hay Brontë thời chưa nổi tiếng. Nhưng người ta cũng có thể nhận ra tâm hồn bà bị bối rối bởi những cảm xúc xa lạ như sợ hãi, thù ghét và thơ của bà cho thấy dấu vết nổi bối rối đó. Thí dụ đây là trường hợp của Lady Winchilsea^[53], tôi nghĩ thế trong lúc lấy xuống cuốn thơ của bà. Bà sinh năm 1661 trong một gia đình thuộc giai cấp quý tộc, chồng bà cũng là người như thế; bà không con; bà làm thơ, và người ta chỉ cần giờ thơ bà ra là thấy nổi bi phần của bà bùng nổ như thế nào trước thân phận bèo bọt của người phụ nữ:

Cách nào chúng ta gục ngã! Gục ngã bởi những phép tắc sai lầm,

Và sự điên khùng trong giáo dục nhiều hơn là tự nhiên;

Bị tước đoạt mọi thắng tiến trí tuệ,

*Để trở nên tôi tắm tôi đòi và thụ động;
Và nếu có kẻ vượt trội bay cao,
Với tâm tưởng ấm áp và tham vọng vươn lên,
Vẫn xuất hiện phái đối nghịch mạnh mẽ đến nỗi,
Niềm hi vọng thăng hoa bị nhấn chìm bởi nỗi khiếp sợ.*

Rõ ràng, trí tuệ bà không hề “gạt đi mọi chướng ngại và chói sáng”. Ngược lại là đằng khác, nó bị sự thù ghét và bất bình những nhiều, quấy rối. Với bà nhân loại chia tách làm hai phái. Đàn ông là “phái đối nghịch”, đàn bà thù ghét và sợ hãi đàn ông, bởi họ có quyền lực cản trở bà thực hiện điều bà mong ước - đó là viết.

*Hỡi ơi! Người đàn bà thử cầm lên cây bút,
Là sinh vật nổi bật được trọng vọng
Nhưng chẳng cách nào chuộc nỗi lỗi lầm.
Họ bảo chúng tôi lộn giống và lâm đường;
Để con cho tốt, chăm chút ăn mặc, khiêu vũ, quần áo, chơi đùa,
Là những thành quả chúng tôi nên hướng tới;
Viết, đọc, nghĩ suy hay học hỏi
Chỉ làm mờ nhạt nhan sắc, chiếm hết thời gian,
Và ngăn trở bước đường chinh phục sự hoàn hảo.
Trong khi việc nhà việc cửa bề bộn
Ngưng trệ bởi cái nghệ thuật cùng tận của chúng tôi.*

Quả thế, bà đã phải tự khuyến khích bằng cách nghĩ những gì bà viết sẽ không bao giờ được xuất bản; bà tự vuốt ve an ủi mình bằng những vần thơ buồn bã:

Bạn hỡi bởi nỗi buồn của bạn tôi lên tiếng hát,

Cho khu vườn nguyệt quế bạn chẳng bao giờ muốn vào

Hãy ẩn thân trong bóng tối nơi bạn tìm thấy niềm vui.

Điều hiển nhiên, phải chi bà gạt bỏ sự thù ghét và nỗi sợ hãi ra khỏi đầu óc mình, đừng chùng chất trong đó những nỗi niềm cay đắng và oán ghét thì có lẽ ngọn lửa trong bà đã có cơ hội bùng lên cháy bỏng. Thi thoảng vẫn có những dòng thuần túy thi ca:

Cũng không sáng tạo trên dải lụa phai màu

Nhặt nhòa đóa hồng tuyệt mỹ.

Là những vần thơ Murray và Pope^[54] hết lòng ca ngợi, những vần thơ người ta nghĩ đến, nhớ đến và muốn giữ làm của riêng:

Giờ đây đóa hoa trường thọ chiến thắng khỏi óc yếu đuối,

Chúng ta ngất đi dưới cơn đau thom ngát mùi hương.

Thật đáng tiếc nghìn lần người đàn bà viết những vần thơ như thế, người có khả năng hòa nhịp trí tuệ mình với thiên nhiên và suy nghiệm, lại bị đẩy vào cảnh huống phải viết những dòng chữ bi phẫn, cay đắng. Nhưng bà biết làm sao hơn? Tôi hỏi, trong lúc nghe văng vẳng bên tai tiếng cười nhạo báng cay độc, tưởng tượng ra lời nhỉnh hót của những kẻ quen thói xu phụ, và sự nghi hoặc của những nhà thơ chuyên nghiệp. Chắc là bà tự khóa mình trong phòng riêng để làm thơ, và tâm tư bà bị giằng xé giữa nỗi niềm cay đắng và sự ngại ngùng, có lẽ bởi chồng bà là người vô cùng tử tế và cuộc sống hôn nhân của bà hoàn hảo. Tôi nói “chắc là” bởi khi đi tìm kiếm dữ kiện về Lady Winchilsea, cũng như mọi lần khác, người ta chẳng thấy điều gì nói về bà. Bà bị chứng trầm cảm nặng nề, điều này chúng ta có thể giải thích ít nhất trong phạm vi nào đó, khi chúng ta bắt gặp bà tâm sự, giữa gong kìm của nỗi buồn bà tưởng tượng:

Người ta bóp méo chữ nghĩa tôi, tưởng tượng việc làm tôi

Và bảo đó là sự điên rồ vô bổ hoặc sai trái quá mức.

Việc bà làm bị lên án, thật ra nó vô hại, nó chỉ là chuyện bà đi lang thang ngoài cánh đồng và mơ mộng những điều không thật:

Tay tôi vui sướng vẽ ra những vật lạ thường

Và lạc khỏi con đường cũ mòn quen thuộc

Cũng không sáng tạo trên dải lụa phai màu

Nhặt nhòa đóa hồng tuyết mĩ.

Tự nhiên thôi, nếu đó là đam mê của bà, cái bà yêu thích, bà sẽ bị cười chê vào mặt; và quả thế, Pope hoặc Gay^[55] là người giễu cợt bà, gọi bà là “cái tất dài màu xanh với bàn tay ngựa ngáy viết những viết cuội”. Người ta cũng bảo bà bày tỏ những lời lẽ có ý xúc xiểm chế nhạo Gay. Bà tuyên bố tác phẩm *Trivia* của Gay chứng tỏ “ông là người đi trước mũi cái xe ngựa chứ không ngồi trên xe”. Murray bảo đây là những điều “đàm tiếu tầm phào đáng ngờ, chẳng có gì thú vị”. Nhưng tôi không đồng ý với ông, bởi tôi muốn có thêm nhiều điều tầm phào đáng ngờ hơn thế nữa để có thể tìm lại hoặc vẽ ra hình ảnh nào đó về nữ sĩ sầu muộn này, người thích đi lang thang ngoài đồng nội và nghĩ ngợi những điều lạ thường, người khinh ghét, một cách hấp tấp và khờ dại, “việc nhà cửa buồn chán, hầu hạ kẻ trên người dưới”. Murray bảo bà trở nên tan loãng. Tài năng của bà mọc lên và tăng trưởng như cỏ cây ngoài đồng nội. Cho dù nó là tài năng hiếm quý thật đấy nhưng nó chẳng bao giờ có cơ hội phơi bày. Thế là, tôi đặt bà nằm lại kệ sách rồi chuyển sang nữ sĩ khác, một công nương mà Lamb rất yêu quý, công nương Margaret của vùng Newcastle, người đàn bà lập dị nông nghênh, lại còn nghênh ngang, quên trước quên sau, nhiều tuổi hơn Lady Winchilsea nhưng sống cùng thời. Hai người khác nhau nhiều lắm nhưng giống nhau ở một điểm, đó là cả hai đều thuộc giai cấp quý tộc và không có con, cả hai đều có những người chồng đức độ bậc nhất. Cả hai đều say mê thi ca và đều bị nó xé rách tả tơi. Giờ trang sách của công nương, người ta tìm thấy những phần nộ bùng nổ tương tự. “Đàn bà sinh

sống như loài dơi, loài cú, lao碌 như loài vật, và chết như loài giun đẽ...” Margaret có lẽ cũng là thi sĩ; ở thời đại chúng ta, tất cả những hoạt động đó có lẽ đủ sức vận chuyển cái bánh xe nào đó. Còn về phần bà, làm sao có thể làm loá mắt, chế ngự, giáo hóa cho ích lợi nhân quần cái trí tuệ phong phú nhưng nguyên sơ, hoang dại kia? Tự nó cứ thế tuôn trào, hỗn độn bừa bãi, hết đợt này đến đợt kia, nhịp điệu và lời văn, thơ và triết lí, tất cả nằm im lìm đông cứng trong những mảnh giấy gấp tư gấp hai, chẳng bao giờ có người mở ra đọc. Lẽ ra, bà phải có kính hiển vi trong tay. Lẽ ra, bà phải được dạy quan sát trăng sao và lí luận khoa học. Trí tuệ minh mẫn của bà bị bỏ rơi và đơn độc tự do phát triển. Không ai kiểm soát bà. Không ai dạy dỗ bà. Các ông giáo sư thì nịnh nọt bà. Nhưng họ chế nhạo bà ở cung điện. Sir Egerton Brydges^[56] than thở về phong cách thô lậu của bà - “một công nương cao quý sinh trưởng giữa chốn triều đình. Thế là bà về Welbeck và tự giam mình giữa bốn bức tường, chọn kiếp sống cô độc.

Thật là hình ảnh khiếp hãi gieo vào đầu óc khi tưởng tượng ra sự cô độc và những ý tưởng nổi loạn chống phá của Margaret Cavendish^[57], như thể có quả dưa chuột khổng lồ nào đó rơi xuống đê bẹp dí những khóm hồng và cắm chướng. Thật là uổng phí khi người đàn bà viết câu “người phụ nữ tiết hạnh nhất là người có đầu óc lẽ độ nhất” lại đi phí phạm thời gian viết những điều tầm phào lãng nhãng và càng lúc càng chìm sâu vào quên lãng, cho đến một hôm, bà ra khỏi nhà và người ta bu đen quanh xe ngựa của bà. Hiển nhiên, bà công nương điên loạn biến thành ngáo ộp để cha mẹ các cô gái ngoan hiền đem ra dọa nạt con mình. Đến đây, tôi nhớ tôi tạm cất đi bà công nương và giở những lá thư của Dorothy Osborne^[58] viết cho Temple về cuốn sách mới in của công nương Margaret. “Chắc tâm trí người đàn bà đáng thương này khá rối loạn nên bà ta mới cả gan viết sách mà còn viết bằng thể thơ, nếu bị mất ngủ cả nửa tháng trời tôi cũng chẳng làm vậy”.

Đàn bà tiết hạnh không đòi nào viết sách, và bởi thế, Dorothy, con người nhạy cảm và sâu muộn, đối nghịch với tính tình công nương Margaret, không hề viết dòng chữ nào. Không thể coi thư từ là tác phẩm được. Người đàn bà có thể viết thư trong lúc ngồi bên giường bệnh của cha mình. Bà có thể viết bên đống lửa trong lúc đám đàn ông trò chuyện và không quấy nhiễu mình. Điều lạ lùng là, tôi nghĩ trong lúc lật những trang văn của Dorothy, một cô gái sống cô độc và không được đến trường lại có tài sắp xếp câu văn và tạo hình cho phong cảnh. Chúng ta hãy nghe cô tung tẩy:

“Sau bữa ăn tối, chúng tôi ngồi nói chuyện văn cho đến lúc có người đặt câu hỏi về ông B. thì tôi bỏ đi. Suốt ngày trời tôi đọc sách và làm lụng đến sáu bảy giờ tối mới ngưng tay, tôi bước chân ra ngoài đến chỗ bãi đất chung gần nhà, nơi có nhiều thiếu nữ trẻ đang chăn cừu, bò, họ ngồi dưới bóng mát, và hát những bài ca trữ tình nhẹ nhàng; tôi đến gần họ so sánh tiếng hát và nhan sắc của họ với cô gái chăn cừu thời cổ tôi đọc được trong sách vở, thì thấy khác biệt nhiều lắm, nhưng tin tôi đi, tôi nghĩ họ là những người hoàn toàn ngây thơ, trong trắng. Tôi bắt chuyện với họ và họ bảo tôi chẳng có gì khiến họ trở thành người hạnh phúc nhất thế gian, nhưng kiến thức họ chẳng có bao nhiêu, trong câu chuyện họ chỉ biết những điều tầm thường nhất. Một cô nhìn quanh quất thấy chú bò của mình xông chạy xuống ruộng ngô, thế là tất cả đứng lên ùa chạy theo, như thể gót chân họ có gắn đôi cánh. Đầu óc tôi cũng chẳng được lanh lợi gì và khi thấy họ lừa bò về chuồng, tôi nghĩ cũng đến lúc tôi ra về, tôi ra vườn nơi có dòng sông nhỏ và tôi đến ngồi bên bờ sông ước gì có anh ngồi kề bên...”

Đọc qua, người ta không thể không nghĩ cô có phong cách một nhà văn. Nhưng “nếu bị mất ngủ cả nửa tháng trời tôi cũng chẳng làm vậy” - người ta có thể đo lường được những đối lực cản trở người đàn bà viết văn khi người ta nhận ra rằng ngay cả người đàn bà có năng khiếu viết cũng phải buộc mình tin rằng viết sách đồng nghĩa với sự lỗ bịch, thậm chí nó đồng nghĩa với tình trạng rối loạn

tâm thần. Bởi thế, tôi tiếp tục nghĩ trong lúc trả lại tập sách mỏng in những lá thư của Dorothy Osborne lên kệ sách, đã đến lúc chúng ta tìm đến bà Behn^[59].

Với bà Behn, chúng ta đi đến bước ngoặt quan trọng. Chúng ta bỏ lại đằng sau những nữ sĩ không người đọc, không người phê bình; họ viết làm vui cho chính họ mà thôi; hãy nhốt kín họ trong khu vườn chơi riêng với chữ nghĩa sách vở của riêng họ. Chúng ta xuống phố, chen vai thích cánh với dân tình ngoài đường. Bà Behn là người đàn bà tầng lớp trung lưu với tất cả những tính cách hấp dẫn người bình dân như tính trào lộng, sự tràn trề sinh lực và lòng can trường; một người đàn bà do cái chết của người chồng cộng thêm những thất bại riêng đã phải vận hết tâm trí ra kiếm sống. Bà phải làm việc ngang hàng với đàn ông. Và làm việc thật cực nhọc, bà đủ sống. Sức nặng của dữ kiện đó lấn lướt bất kì tác phẩm nào của bà, ngay cả những cuốn tuyệt hay như *Một nghìn kẻ tuân tiết từ tôi ra* hoặc *Tình yêu trong chiến thắng huyền thoại*, bởi nơi đây là khởi đầu cho tự do suy nghĩ, hay nói cách khác, nó là khả năng mà theo thời gian trí óc sẽ tự do viết những điều nó muốn viết. Bởi nhờ có Aphra Behn, người thiếu nữ có thể bảo cha mẹ cô là, cha mẹ không cần cho con tiền túi nữa; con có thể làm ra tiền bằng ngòi bút của con. Dĩ nhiên, nhiều năm sau đó, câu trả lời vẫn là, ừ, sống cuộc đời như Aphra Behn hả? Chết còn hơn! Và cánh cửa đóng sầm lại nhanh hơn bao giờ. Cái đề tài vô cùng thú vị, giá trị người đàn ông áp đặt lên trình tiết người đàn bà và ảnh hưởng của nó đến giáo dục, tại đây chính nó gợi ý cho những thảo luận đứng đắn và có thể trở thành chất liệu cho cuốn sách thú vị do bất kì sinh viên hai trường Girton hoặc Newnham muốn đi sâu vào vấn đề này. Hình ảnh Lady Dudley, tay đeo kim cương ngòi giữa muối mòng đằm lầy Scotland, có thể đem dùng làm bìa sách. Hôm bà qua đời, tờ *Thời báo* có đăng mẫu tin và nhắc đến chồng bà, Lord Dudley; ông là “người có nhiều thành công rực rỡ và trình độ thưởng ngoạn cao; ông cũng nhân từ và rộng lượng, nhưng chuyên quyền, độc đoán một cách kì quặc. Ông bắt bà

lúc nào cũng phải ăn mặc tề chỉnh, áo dài đủ bộ lệ, ngay cả khi chồng vợ lên cao nguyên săn bắn và trú ngụ nơi căn nhà trọ đèo heo hút gió trên đó; ông mua nhiều nữ trang đẹp cho bà”, tờ báo nói tiếp, “ông cho bà mọi thứ - ngoại trừ tinh thần trách nhiệm”. Thế rồi, Lord Dudley bị đột quỵ và bà phải xắn tay áo cùng lúc chăm sóc ông và quản trị gia sản đất đai. Bà làm công việc đó thật giỏi giang cho đến cuối đời. Sang thế kỷ XIX, chủ nghĩa gia trưởng chuyên quyền kì quặc như thế vẫn tồn tại.

Nhưng hãy trở lại với Aphra Behn. Việc bà làm chứng tỏ, đàn bà kiếm tiền bằng ngòi bút có lẽ chỉ phải hi sinh ở mức độ nào đó; và đàn bà viết văn không hẳn chỉ đơn thuần là dấu hiệu của điên khùng và rối loạn tâm thần; ngược lại là đằng khác, nó có tầm quan trọng thiết thực. Người chồng có thể qua đời hoặc tai họa nào đó có thể đột ngột xảy đến cho gia đình. Sang thế kỷ XVIII, có hàng trăm phụ nữ bắt đầu kiếm thêm tiền túi hoặc cứu giúp gia đình bằng cách viết hay dịch tiểu thuyết; đây là những cuốn sách không giá trị, không sách giáo khoa nào nhắc đến chúng nữa nhưng người ta vẫn có thể nhặt lên ở ngã tư Charing với giá bốn xu. Cái hoạt động cực cao của trí tuệ mà sang nửa sau thế kỷ XVIII xuất hiện trong giới phụ nữ - trò chuyện, hội thảo, soạn luận văn về Shakespeare, chuyên ngữ những tác phẩm cổ - hoàn toàn dựa trên dữ kiện vững chắc: đàn bà có thể làm ra tiền bằng viết lách. Chuyện phù phiếm tầm phào, nhờ đồng tiền, trở nên đáng giá. Có thể vẫn có người cười nhạo, châm biếm “cái tất dài màu xanh với bàn tay ngứa ngáy viết những viết cuội”, nhưng không ai chối cãi giờ đây họ có tiền bỏ vào ví. Do đó, vào những năm tháng cuối thế kỷ XVIII, bước tiến thay đổi rõ rệt mà nếu viết lại lịch sử tôi sẽ miêu tả nó đầy đủ hơn và cho nó có tầm quan trọng hơn cả Cuộc viễn chinh của Thập tự quân hay Chiến tranh hoa hồng.

Người đàn bà tầng lớp trung lưu bắt đầu viết văn. Bởi, nếu những tác phẩm như *Kiên hãnh và định kiến*, *Middlemarch*, *Villette*, *Đồi gió hú* là cái gì hệ trọng thì còn hệ trọng hơn nhiều là những gì tôi có thể

chứng minh sau một giờ đồng hồ thuyết giảng; đó là, người phụ nữ nói chung, chứ không riêng gì các mệnh phụ trong giới quý tộc tự giam mình trong ngôi nhà miền quê giữa giấy tờ và những kẻ xu nịnh, từ lâu đã dùng ngòi bút cống hiến những áng thơ văn. Không có những người đi trước này không có Jane Austen, không có chị em nhà Brontë, không có George Eliot; cũng thế, không có Shakespeare nếu không có Marlowe^[60], không có Marlowe nếu không có Chaucer, và không có Chaucer nếu không có biết bao thi sĩ bị lãng quên đã mở đường, thuần hóa cái hoang dại tự nhiên của ngôn ngữ và biến nó thành nghệ thuật. Bởi, tác phẩm bất hủ không phải là cái gì được khai sinh từ cá thể lẻ loi, duy nhất; nó là kết quả của rất nhiều năm tháng suy nghiệm của cả một tập thể người cộng lại, để từ đó trải nghiệm của số đông ẩn đằng sau tiếng nói cá thể. Đáng lẽ, Jane Austen phải đặt vòng hoa lên mộ Fanny Bumey và George Eliot phải tưởng mộ cái bóng sừng sững của Eliza Carter^[61] - người đàn bà lớn tuổi nhưng vô cùng nghị lực, người buộc dây chuông bên thành giường ngủ để có thể dậy sớm học tiếng Hi Lạp. Và tất cả đàn bà, không chừa một ai, nên ra mộ Aphra Behn nằm ở tu viện Westminster, nơi xứng đáng chôn cất bà mặc dù chuyện đó gây xôn xao dư luận không ít, và ném những đóa hoa tươi lên mộ bà, bởi nhờ có bà họ mới được quyền nói ra những gì nung nấu bên trong tâm trí. Nhờ bà - người phụ nữ ẩn khuất và lụy tình - nên tối nay tôi mới có thể đứng đây khuyên các bạn một cách rạch ròi là: Hãy dùng trí tuệ của mình xoay xở năm trăm bảng mỗi năm!

Đến đây, người ta bước sang đầu thế kỷ XIX. Và đây, lần đầu tiên tôi nhìn thấy cả mấy kệ sách dành riêng cho tác phẩm của những cây viết nữ. Nhưng tôi không thể không đặt câu hỏi trong lúc đưa mắt lướt nhanh qua các gáy sách, tại sao tất cả những cuốn sách đó, với rất ít ngoại lệ, đều là tiểu thuyết? Động lực nguyên thủy là thi ca. “Cái đầu tối thượng của bài hát” là một nữ thi sĩ. Ở Pháp cũng như ở Anh quốc, nữ thi sĩ có trước rồi mới đến nữ tiểu thuyết gia. Và lại, tôi nghĩ trong lúc nhìn lên bốn tên tuổi lẫy lừng, cái gì là điểm tương

đồng giữa George Eliot và Emily Brontë? Charlotte Brontë có hiểu rõ Jane Austen không? Ngoại trừ dữ kiện khá xác đáng là cả bốn người không người nào có con, còn lại bốn cá tính tương phản như thế không thể nào gặp gỡ nhau trong cùng căn phòng - mặc dù người ta rất thèm bịa ra buổi gặp gỡ như vậy và tưởng tượng câu chuyện trao đổi giữa họ ra sao. Tuy thế, bởi một động lực lạ lùng nào đó, khi viết, tất cả đều chọn tiểu thuyết làm môi trường sáng tạo. Tôi tự hỏi lí do phải chăng liên quan đến gia cảnh, bởi cả bốn người đều xuất thân từ tầng lớp trung lưu; và với sự kiện mà cô Emily Davies chốc nữa đây sẽ cho chúng ta cái nhìn thật rõ rệt, căn hộ một gia đình trung lưu ở đầu thế kỷ XIX chỉ có duy nhất một căn phòng dùng làm nơi sinh hoạt chung. Nếu người phụ nữ viết văn, cô phải viết ở căn phòng chung này. Và như cô Nightingale phàn nàn dữ dội - “đàn bà chẳng bao giờ có được nửa giờ... gọi là thời gian riêng tư” - cô luôn luôn bị người này người kia ngắt ngang. Dù sao chẳng nữa, viết văn xuôi hay tiểu thuyết vẫn dễ dàng hơn làm thơ hay viết kịch. Ít phải tập trung tư tưởng hơn. Jane Austen viết như thế cho đến hết đời. Người cháu trai của bà viết trong tập hồi kí của ông, “Tôi thật ngạc nhiên tự hỏi cách nào bà có thể thực hiện được tất cả những điều này, bởi bà không có phòng học riêng để lui vào, và hầu hết tác phẩm của bà chắc được viết ngay tại căn phòng chung trong nhà, nơi bất cứ người nào cũng có thể vô tình làm bà gián đoạn. Bà cẩn thận không để người hầu kẻ hạ trong nhà, hoặc khách khứa, hoặc bất cứ người nào không phải trong gia đình biết bà đang làm gì”^[62]. Jane Austen giấu kín bản thảo, có khi bà còn bọc nó bằng miếng giấy thấm. Rồi nữa, tất cả những cố gắng học hỏi văn chương của người phụ nữ đầu thế kỷ XIX nằm trong hành vi quan sát nhân vật và phân tích tâm lí. Tri giác của chị được giáo dục hàng thế kỷ nhờ ảnh hưởng của căn phòng chung. Cảm xúc của người đời gây ấn tượng nơi chị; những liên hệ cá nhân luôn luôn hiện ra trước mắt. Bởi thế, khi người phụ nữ tầng lớp trung lưu viết văn, chị viết tiểu thuyết như cái gì tự nhiên toát ra từ con người chị, mặc dù, bằng chứng cho thấy, hai trong số bốn nữ nhân vật lẫy lừng tôi nhắc đây, không phải

là tiểu thuyết gia tự bản chất. Emily Brontë lẽ ra phải viết kịch thơ; sự trào dâng của bầu trời trí tuệ bao la ở George Eliot lẽ ra chính nó phải tỏa rộng khi động lực sáng tạo du hành trên những biển cổ lịch sử hay khắc họa tiểu sử. Tuy vậy, họ đều viết tiểu thuyết; thậm chí người ta có thể đi xa hơn, tôi bảo thế trong lúc cầm xuống cuốn *Kiêu hãnh và định kiến* từ kệ sách, và kết luận họ viết được những cuốn tiểu thuyết hay. Không kiêu hãnh cũng không gieo nỗi đau cho kẻ khác phái, người ta có thể bảo *Kiêu hãnh và định kiến* là cuốn sách hay. Dù sao, nếu bị bắt gặp quả tang đang viết *Kiêu hãnh và định kiến* thì người ta chẳng nên xấu hổ làm gì. Nhưng Jane Austen đã vui sướng vì tiếng kêu cọt kẹt của cái bản lề cửa ra vào và bà kịp giấu bản thảo đang viết dở trước khi có kẻ lạ bước vào phòng. Đối với Jane Austen, có cái gì đó đáng ngờ khi bà viết *Kiêu hãnh và định kiến*. Và tôi tự hỏi, giả sử Jane Austen không phải giấu giếm bản thảo mỗi khi có khách khứa đến nhà thì *Kiêu hãnh và định kiến* có là cuốn tiểu thuyết hay hơn không? Tôi lật một vài trang sách ra đọc nhưng tuyệt nhiên không thấy dấu hiệu nhỏ nào chứng tỏ hoàn cảnh sinh sống của bà phương hại đến tác phẩm. Có lẽ đó là phép màu lớn nhất. Người đàn bà này sống vào khoảng năm 1800, nhưng trong văn chương của bà không hề thấy sự thù ghét, không cay đắng, không sợ hãi, không chống đối, không rao giảng. Đó là cách mà Shakespeare viết, tôi nghĩ trong lúc nhìn lên bộ *Anthony và Cleopatra*; và khi người ta so sánh Shakespeare với Jane Austen, có thể người ta muốn nói trí tuệ cả hai người đều có khả năng hóa giải mọi chướng ngại; và bởi lí do đó, chúng ta không hiểu Jane Austen, không hiểu Shakespeare; nhưng cũng bởi chính lí do đó, Jane Austen nhập thân vào từng con chữ bà viết ra, và Shakespeare cũng thế. Nếu Jane Austen phải chịu đựng nỗi khổ do hoàn cảnh đưa đến, thì chẳng qua, đó chỉ là sự hạn hẹp của kiếp sống trói chặt bà mà thôi. Đàn bà thời đó chẳng thể đi đâu một mình. Bà không bao giờ đi du lịch; bà không bao giờ bắt xe buýt ngao du xuyên London hoặc một mình ngồi ăn trưa trong quán. Nhưng có lẽ do bản chất con người bà chẳng bao giờ đòi hỏi điều mình không có. Thiên tư và cảnh ngộ của bà hoàn toàn phù hợp

nhau. Nhưng với Charlotte Brontë thì tôi đồ không phải thế, tôi nói trong lúc giờ cuốn *Jane Eyre* trước mặt và đặt nó nằm cạnh cuốn *Kiều hãnh và định kiến*.

Tôi giờ chương mười hai và mắt tôi bắt gặp câu “Bất cứ ai cũng có thể đổ lỗi lên tôi nếu muốn”. Họ đổ lỗi đầu Charlotte Brontë tội lỗi gì? Tôi thắc mắc. Và tôi đọc tiếp, Jane Eyre thường trèo lên mái nhà lúc bà Fairfax nấu thạch đông và phóng tầm mắt nhìn ra phía cánh đồng xa xa. Rồi cô mơ ước - và đây là lí do tại sao người ta trách mắng cô - “thế rồi tôi ước gì mình có quyền năng vượt qua cái hữu hạn đó để đi đến những chân trời xa lạ, những thành thị đông đúc, những miền đất đầy sức sống mà tôi chỉ nghe nói chứ chưa bao giờ ghé chân tận mắt nhìn: lúc đó tôi muốn sống cuộc đời thực mà tôi có thể chiếm hữu, muốn hòa nhập vào những kẻ đồng loại, muốn quen biết thật nhiều nhân vật khác nhau. Tôi biết bà Fairfax là người nhân hậu, Adèle cũng thế; nhưng tôi tin tưởng vào sự tồn tại của kẻ khác với cái tốt đẹp muôn màu muôn dạng, và tôi mong có ngày trông thấy cái tôi vẫn tin tưởng.”

“Ai đổ lỗi lên tôi? Nhiều lắm, rành rành ra đó, và tôi sẽ bị gọi là kẻ bất mãn. Nhưng tôi làm gì được: vận động là bản chất của tôi, đôi lúc nó còn quấy rầy tôi đến đau đớn...”

“Thật hoài công thuyết phục con người nén hài lòng với sự yên bình: họ phải làm cái gì đó, và nếu không tìm ra cái để làm, họ phải tạo ra việc làm. Cả triệu người chịu tội đón nhận cái chết yên ổn hơn tôi, nhưng cả triệu người khác nổi loạn. Không ai biết có bao nhiêu kẻ nổi loạn đang sôi sục trong tập thể con người trên mặt đất. Nhìn chung, đàn bà là người bình thản: nhưng cảm xúc của họ thì cũng như đàn ông; họ cần chỗ để phơi bày cảm nghĩ và năng lực như anh trai em trai họ cần; bóp nghẹt quá, tù hãm quá, họ sẽ khổ sở y như đàn ông; và thật hẹp hòi khi giới phái kia bảo họ nên tự khép mình vào những công việc như làm bánh, đan tất, đàn piano và thêu thùa. Lên án hay cười chỏ họ đều là thái độ ngu xuẩn, bởi họ chỉ muốn

tìm cách hoạt động nhiều hơn và cải thiện tri thức mình cho cao hơn những gì tập quán xác định là thiết yếu cho giới phái họ.”

“Bởi thế, khi ngồi một mình tôi vẫn nghe tiếng cười của Grace Poole...”

Tôi nghĩ đây là khúc quanh gượng gạo. Tự nhiên chẳng biết từ đâu Grace Poole thình lình xuất hiện. Sự liên tục bị gián đoạn. Người ta có thể bảo, tôi nghĩ trong lúc đặt cuốn sách xuống bên cạnh cuốn *Kiều hãnh và định kiến*, người đàn bà viết những dòng này là người có thiên tư hơn Jane Austen; nhưng nếu đọc lại đoạn văn và ghi nhận giọng điệu phẫn nộ thúc mạnh trong đó, người ta sẽ thấy tài năng của bà chẳng bao giờ hiển lộ toàn vẹn. Tác phẩm của bà bị bóp méo, vắn vẹo. Thay vì viết bình thản, bà viết trong giận dữ. Thay vì viết cho minh triết, bà viết trong điên rồ. Thay vì viết về các nhân vật của mình, bà viết về chính bà. Bà gây chiến với chính con người bà. Biết sao hơn, bà đành chết trẻ và chết trong muện sâu, thất vọng.

Người ta không thể không đùa giỡn với ý tưởng chuyện gì có thể xảy ra nếu Charlotte Brontë mỗi năm có ba trăm bô túi - nhưng người đàn bà rồ dại đó bán bản quyền toàn bộ tiểu thuyết của mình cho nhà xuất bản với giá một nghìn năm trăm bảng; nếu bà hiểu biết nhiều hơn về những thành thị đông đúc, những miền đất đầy sức sống; nếu bà sống hòa nhập cùng đồng loại và quảng giao rộng rãi. Với những dòng chữ này, bà chỉ ngón tay vào điểm yếu không hẳn của riêng bà với tư cách một tiểu thuyết gia, mà của cả thế hệ phụ nữ thời đó. Hơn ai hết, bà biết rõ thiên tài bà phát lộ rạng rỡ như thế nào nếu nó không bị giam hãm tù túng trong cô độc và chỉ biết phóng tầm mắt nhìn về phía cánh đồng xa xa; nếu bà sống cuộc đời đầy trải nghiệm, nếu bà giao hòa với nhân thế và đi đây đi đó. Nhưng bà không được hưởng chút nào những điều bà mong ước; và bắt buộc chúng ta phải chấp nhận sự thật là tất cả những cuốn tiểu thuyết hay đó, *Villette*, *Emma*, *Đồi gió hú*, *Middlemarch*, được viết bởi

những người đàn bà mà trải nghiệm đời sống không quá buồn viếng thăm nhà một giáo sĩ khả kính. trong gian phòng sinh hoạt chung của gia đình; và họ là những kẻ nghèo nàn đến độ không đủ tiền mỗi lần mua quá vài xấp giấy, những xấp giấy trên đó họ viết “Đời gió hú” hoặc “Jane Eyre”. Một người trong họ, quả đúng như thế, George Eliot, vượt thoát nhiều nghịch cảnh, nhưng lại phải sống gần như cách li trong ngôi biệt thự ở St. John’s Wood. Tại đó, bà sống dưới cái bóng của thế gian quay lưng với mình. Bà viết, “Tôi ước gì người ta hiểu tôi sẽ chẳng bao giờ mời mọc ai đến thăm tôi, những người không muốn được mời”; bởi không phải bà đang sống trong tội lỗi với người đàn ông có vợ đấy ư? Và phải chăng, bà cũng không nhìn thấy tai hại gây nên cho bà Smith nào đó? Người ta bắt buộc phải tuân thủ quy ước xã hội, và chấp nhận bị “cách li khỏi cái gọi là thế gian”. Cũng thời điểm đó, phía bên kia châu Âu, có người trai trẻ sống tự do với người đàn bà gypsy hoặc bà mệnh phụ nào đó; ông cầm súng ra chiến trường, sống cuộc đời tung hoành, ném trái không biết bao nhiêu mùi đời mà sau này ông dùng để viết sách. Giả như Tolstoi^[63] sống cuộc đời đơn độc trong tu viện với người đàn bà có chồng và bị “cách li khỏi cái gọi là thế gian”, thì cho dù bài học đạo đức cảm động đến đâu chẳng nữa, ông cũng chẳng thể nào cho ra đời nổi tác phẩm *Chiến tranh và hòa bình*, tôi nghĩ thế.

Nhưng có lẽ người ta có thể đi sâu hơn tí nữa vào câu hỏi thế nào là viết tiểu thuyết và ảnh hưởng của phái tính với tiểu thuyết gia. Nếu người ta nhắm mắt và nghĩ tiểu thuyết là cái gì nguyên thể thì có vẻ nó là sự sáng tạo vay mượn đời sống phản chiếu trong gương, dĩ nhiên là đơn giản hơn nhiều và bóp méo sự thật. Dù sao chẳng nữa, nó là một cấu trúc và cấu trúc này để lại hình thể trong cái nhìn của trí tưởng, lúc hình vuông, lúc hình cái chùy, lúc tua tủa cánh và đường mái vòm, lúc gọn ghẽ, tròn trịa như tòa giáo đường thánh Sofia ở Constantinople. Hình thể này, tôi nghĩ trong lúc nhớ đến một vài cuốn tiểu thuyết nổi tiếng, bắt nguồn từ loại cảm xúc nào đó nó thấy phù hợp. Nhưng chính cảm xúc đó lập tức hòa lẫn với những

cảm xúc khác, bởi cái “hình thể” này không hình thành do liên hệ giữa các tảng đá với nhau mà bởi cảm xúc giữa con người với con người. Do đó, tiểu thuyết gieo vào chúng ta đủ dạng thức cảm xúc tương phản, chông đối nhau. Đời sống xung đột với cái không phải là đời sống. Bởi thế, thật khó đi đến sự đồng thuận nào về tiểu thuyết, và những định kiến khiến chúng ta đi chệch đường nhiều lắm. Một mặt chúng ta nghĩ “Anh” - người anh hùng John - phải sống, nếu không tôi sẽ chìm sâu trong tuyệt vọng. Mặt khác, chúng ta cũng tin, Hỡi ơi, John, anh phải chết bởi hình thức cuốn sách yêu cầu như vậy. Đời sống xung đột với cái không phải là đời sống. Thế rồi, bởi đời sống có nhiều mặt, và tùy cách thẩm định chúng ta xem mặt nào là đời sống. James là hạng người tôi ghét nhất, người ta có thể bảo như thế. Hoặc, ôi thôi, đây là mớ bòng bong toàn những điều phi lí. Tôi sẽ chẳng bao giờ có cảm giác cho bất kì chuyện gì. Hiên nhiên, toàn bộ cấu trúc, đầu óc tôi đang nghĩ đến cuốn tiểu thuyết danh tiếng nào đó, là cái gì phức tạp đến vô hạn, bởi nó được cấu thành bởi không biết bao nhiêu thẩm định, không biết bao nhiêu dạng cảm xúc khác nhau. Điều đáng kinh ngạc là bất cứ cuốn sách nào ra đời do sáng tạo như vậy chỉ đứng vững được một hai năm, hoặc cùng cuốn sách nhưng ý nghĩa của nó đối với người Anh, người Nga hay người Tàu đều không giống nhau. Tuy thế, thi thoảng vẫn có cuốn đứng vững thật bền lâu. Và giúp trụ vững nó ở những trường hợp hiếm hoi này (tôi đang nghĩ đến cuốn *Chiến tranh và hòa bình*) là cái người ta gọi là liêm sĩ, dù nó chẳng dính dáng gì đến chuyện người ta trả nợ hoặc bảo tồn danh dự trong trường hợp nguy cấp. Liêm sĩ của nhà văn là niềm xác tín điều anh ta cố gắng viết là sự thật. Vâng, người ta có cảm giác, tôi chẳng bao giờ nghĩ nó có thể như vậy; tôi chưa bao giờ biết người ta ứng xử như thế; nhưng ông thuyết phục tôi, và nó xảy ra như thế. Người ta đưa từng câu văn, từng cảnh sắc ra trước ngọn đèn trong lúc đọc - bởi thật lạ lùng, thiên nhiên dường như cung cấp cho chúng ta ngọn đèn nội tâm để thẩm định ngòi bút của nhà văn có liêm sĩ hay không. Hoặc có lẽ đúng hơn là thiên nhiên, ở trạng thái phi lí nhất, nhúng bút vào lọ

mực vô hình rồi vẽ lên mặt tường tâm trí những dự cảm mà các nghệ sĩ tài hoa này chứng thực; nó là bức phác họa mà chỉ qua ngọn lửa của tài năng mới hiện nguyên hình rõ rệt. Khi phơi bày nó ra như thế và thấy nó nghiệm vào đời sống, người ta phải ngây ngất kêu lên, Đây chính là cảm giác trong lòng tôi, tôi biết nó và tôi khao khát nó! Người ta như sôi lên với nỗi kích động và đóng cuốn sách lại với sự tôn kính, như thể nó là báu vật, là cái gì nằm chờ người ta quay lại khi nào họ còn sống, người ta cất nó lên kệ sách, tôi nói trong lúc trả bộ *Chiến tranh và hòa bình* về chỗ của nó. Mặt khác, những câu văn nghèo nàn người ta đem ra thử nghiệm, thoát tiên có vẻ lóa lên sắc màu tươi sáng và phong cách lạ lẫm, nhưng nó chợt ngừng ngay đó: có cái gì chặn lại, không cho nó phát triển thêm nữa, hay nó chỉ le lói nơi góc tường và lem lấm ở chỗ kia, chẳng có gì nguyên thể trọn vẹn hiện lên, thế rồi người ta thở dài thất vọng và nói, “Lại một thất bại khác. Cuốn tiểu thuyết này thất bại ở nơi nào đó”.

Dĩ nhiên, nói chung, tiểu thuyết đều đi đến thất bại ở nơi nào đó. Dưới độ căng khủng khiếp, óc tưởng tượng chùng lại. Sự sáng suốt bị rối loạn; nó không phân biệt nổi đâu là thật và đâu là giả, nó không đủ sức tiếp tục công việc nặng nề mỗi lúc một yêu cầu phải vận dụng vô vàn những khả năng khác nhau. Nhưng phái tính của tiểu thuyết gia ảnh hưởng như thế nào lên tất cả những điều này, tôi tự hỏi trong lúc nhìn vào *Jane Eyre* và những cuốn sách khác. Liêm sĩ người cầm bút - mà tôi cho là cốt tủy - của nhà văn phái nữ liệu có bị phiêu phai cách này hay cách khác bởi chuyện họ là đàn bà? Qua đoạn văn tôi trích dẫn từ cuốn *Jane Eyre*, rõ ràng sự phẫn nộ đã len lỏi vào phá hoại liêm sĩ của Charlotte Brontë nhà văn. Bà bỏ lửng câu chuyện đang kể, cái mà lẽ ra bà phải tập trung toàn bộ tâm trí, để quay sang than vãn thân phận buồn chán của mình. Bà nhớ ra kinh nghiệm sống của mình sao quá nghèo nàn - đôi chân bà như bị trói trong đôi tất dài vá víu trong khi bà khao khát tự do bay nhảy khắp thế giới bên ngoài. Do cơn phẫn nộ, trí tưởng tượng của bà dao động mạnh và chúng ta cảm nhận được nó dao động như thế nào. Nhưng

ngoài sự phản nộ, còn có nhiều ảnh hưởng khác trì kéo trí tưởng tượng của bà và đẩy nó đi chệch đường. Sự đại khò chẳng hạn. Bức chân dung của Rochester được vẽ trong bóng tối. Chúng ta thấy ảnh hưởng của nỗi khiếp sợ trong đó; y như chúng ta thường xuyên cảm thấy vị chua chát, kết quả của sự áp bức; nó là sự đè nén nỗi khổ sở tan loãng bên dưới lòng đam mê, nó là nỗi oán hờn làm co rút những cuốn sách này, những tác phẩm tuyệt hay, với con đau quặn thắt.

Và bởi tiểu thuyết có sự tương ứng như vậy với đời sống, giá trị của nó, ở giới hạn nào đó, là giá trị đời sống thật. Nhưng điều hiển nhiên là, rất thông thường, giá trị nơi đàn bà hoàn toàn không giống cái đàn ông gán ghép cho họ; tự nhiên như thế thôi. Tuy vậy, chính giá trị của phái nam mới là cái gì thắng thế. Nói nôm na, bóng đá và thể thao là “trọng đại” còn sự say mê thời trang, mua sắm áo quần là “tầm thường”. Và những giá trị này chắc chắn được di chuyển từ đời sống vào tiểu thuyết. Đây là cuốn sách quan trọng, nhà phê bình bảo thế, bởi nó nói về chiến tranh. Còn đây là cuốn tầm phào bởi nó nói về cảm xúc của phụ nữ trong phòng khách. Cảnh tượng bãi chiến trường thì trọng đại hơn nhiều so với cảnh nơi cửa tiệm - chỗ nào cũng có sự phân biệt như thế, tuy đôi khi ẩn giấu, không rõ ràng. Do đó, toàn thể cấu trúc cuốn tiểu thuyết của phái nữ đầu thế kỷ XIX đều bị trí óc trì kéo khiến nó đi chệch khỏi đường thẳng và cái nhìn trong suốt của nó trở nên lệch lạc bởi nó phải đóng vai trò trọng nề quyền lực bên ngoài. Người ta chỉ cần lướt qua những tiểu thuyết cũ bị lãng quên và lắng nghe âm điệu giọng nói giữa những trang sách là có thể trực giác rằng tác giả đang phải đương đầu với những phê phán gay gắt; bà nói điều này do áp lực thô bạo, điều kia bởi thái độ quy thuận hòa hoãn. Bà thú nhận mình “chỉ là người đàn bà”, hoặc phản đối là bà cũng “tài giỏi như đàn ông”. Tùy vào tính khí, bà đón nhận những phê phán đó theo cách khác nhau; có khi bà ngoan ngoãn, rụt rè; có khi bà phản nộ, bướng bỉnh. Nhưng đó không phải là điều quan trọng; cái quan trọng là bà bị phân tâm,

phải suy nghĩ cái gì khác chứ không phải điều mình muốn nghĩ. Thế rồi tác phẩm của bà đi vào đầu óc chúng ta. Tì vết nằm ở ngay trung tâm cuốn sách. Tôi nghĩ đến tác phẩm của những tác giả nữ nằm rải rác trong các tiệm sách cũ của London như những quả táo rỗ roi vãi bừa bãi trong vườn. Chính cái tì vết nằm ngay trung tâm cuốn sách khiến nó bị mục nát. Bà đã sửa đổi giá trị của mình cho phù hợp luận điệu của kẻ khác.

Nhưng chẳng thể nào họ không nhích một chút bên phải, một chút bên trái. Bên trong cái xã hội gia trưởng và phải đối diện với tất cả những phê phán gay gắt đó, tài năng nào, liêm sỉ nào họ phải có để giữ vững cái riêng của mình mà không bóp nghẹt nó. Chỉ có hai người làm được là Jane Austen và Emily Brontë. Có lẽ chiếc lông chim đẹp nhất cài trên mũ họ. Họ viết như đàn bà viết chứ không phải như đàn ông. Chỉ mình họ trong số cả nghìn người viết nữ thời đó là có thể bỏ mặc ngoài tai những lời răn dạy bất tận của nhà mô phạm bất diệt - viết cái này, nghĩ cái kia. Chỉ mình họ có đôi tai điếc bên cạnh giọng nói lè nhè dai dẳng, lúc lầm bầm, lúc lên lớp, lúc áp chế, lúc rầu rĩ, lúc khiếp hãi, lúc phẫn nộ, lúc kẻ cả, cái giọng nói không để yên cho đàn bà mà cứ chĩa vào họ như nữ gia sư quá sức tận tâm, khẩn khoản yêu cầu họ vâng lời, như Sir Egerton Brydges^[64], con người tinh anh vượt bậc, mà vẫn bị lôi kéo vào vòng tranh cãi chung quanh vấn đề phê bình thi ca phái tính^[65]; hăng giọng lên lớp khuyên răn nếu họ tỏ ra khá có tài và đoạt được giải thưởng vinh dự nào đó, nhưng cũng vẫn cái giọng đó bảo họ nên ở yên bên trong giới hạn của mình chứ đừng thò đầu ra ngoài: "... nhà văn nữ chỉ nên mang hoài bão đạt đến sự tuyệt đích bằng cách can đảm công nhận sự yếu kém của giới phái mình"^[66]. Thế là, vấn đề bị nhét vào vỏ hộp và khi tôi nói với các bạn, các bạn sẽ ngạc nhiên lắm, câu nói này được viết ra không phải vào tháng 8 năm 1828 mà tháng 8 năm 1928, các bạn sẽ đồng ý với tôi mặc dù điều đó đối với chúng ta bây giờ chỉ là cái gì vui vui, nhưng nó đại diện cho quan niệm của số đông - Tôi sẽ không quấy đục lên hồ nước xưa cũ đó, tôi chỉ vớt

lên những gì tình cờ trôi dạt đến chân tôi - cách đây một thế kỷ, nó mạnh mẽ và ồn ào hơn nhiều. Người đàn bà của năm 1828 phải mạnh mẽ lắm mới có thể bất chấp, bỏ ngoài tai những điều sỉ nhục, quở trách mình và chẳng màng gì đến những lời hứa hẹn hảo huyền. Người ta phải cứng cỏi lắm mới có thể tự nói với chính mình, ồ, nhưng các người đâu mua văn chương được. Văn chương là cánh cửa mở ra cho mọi người. Tôi không cho phép ông, dù ông là giám thị trong trường, đuổi tôi khỏi bãi cỏ xanh. Khóa cửa thư viện lại nếu ông muốn, nhưng không cánh cổng, không ổ khóa, không then cài nào ông có thể dùng để giam giữ tự do trong tâm tưởng tôi.

Nhưng ảnh hưởng của những lời phê bình và chỉ trích bất lợi lên ngôi bút nhà văn nữ đầu thế nào chẳng nữa - và tôi tin ảnh hưởng đó rất lớn - cũng chẳng đáng gì nếu đem so sánh với khó khăn họ phải đương đầu (tôi vẫn đang đề cập đến những nhà văn nữ sống vào đầu thế kỷ XIX) khi họ viết xuống trang giấy những suy nghĩ của mình - sau lưng họ vắng bóng một truyền thống viết văn, hoặc nếu có thì vô cùng ngắn ngủi và thiếu vô tư, và chẳng giúp ích gì. Bởi nếu là phụ nữ, chúng ta nghĩ về quá khứ qua bà mẹ chúng ta chứ không ai khác. Chỉ vô ích nếu chúng ta tìm kiếm sự trợ giúp từ những nhà văn phái nam lẫy lừng, dù chúng ta có thể đọc họ nhiều để tiêu khiển. Lamb, Browne^[67], Thackeray^[68], Newman^[69], Sterne^[70], Dickens^[71], De Quincey^[72] - bất kì người nào - chưa hề thấy ai là người ra tay trợ giúp phái nữ, cho dù có thể qua họ, nhà văn nữ của chúng ta học hỏi được đôi ba kĩ xảo nào đó đem áp dụng vào văn chương của mình.

Sức nặng cũng như độ nhạy, bước tiến của trí óc người đàn ông khác xa đàn bà và thật khó cho chị học hỏi được điều gì đáng kể. Loài vượn đã quá xa xôi trong quá khứ. Có lẽ, điều thứ nhất chị nhận biết lúc đặt bút xuống viết là không hề có sẵn câu văn chung chung nào cho chị dùng. Tất cả những tiểu thuyết gia danh tiếng như Thackeray, Dickens và Balzac^[73] đều có giọng văn tự nhiên; văn của họ trôi chảy nhưng không luộm thuộm, diễn cảm nhưng không

kiểu cách, họ có sắc thái riêng nhưng không để mất tính cách chung. Họ dựa trên câu văn thịnh hành của thời đại họ. Thịnh hành vào đầu thế kỷ XIX có lẽ là kiểu câu văn như sau: “Với họ, sự lớn lao của tác phẩm nằm ở chỗ nó cho họ cơ hội tranh luận, không khựng lại mà tiến tới. Không nổi khích động nào, không sự thỏa mãn nào có thể khiến họ tận tình phô diễn nghệ thuật của mình và chấm dứt cống hiến chân lí cùng cái đẹp cho cuộc đời. Càng thành công, càng cố gắng, và thói quen giúp họ thành công hơn.” Đó là câu văn do đàn ông viết, đằng sau nó người ta có thể nhìn ra Johnson, Gibbon^[74] và những người khác. Nó là câu văn không thích hợp với đàn bà. Charlotte Brontë, người có văn tài xuất chúng, vấp ngã với thứ vũ khí kèn cồng đó trong tay. George Eliot với nó trở nên tàn nhẫn không sao tả nổi. Chỉ có Jane Austen nhìn nó rồi nở nụ cười, bà tự chế biến cho mình một thứ ngôn ngữ tự nhiên giàu tính tạo hình thích hợp cho văn chương của bà và không bao giờ tách lìa nó. Do đó, mặc dù văn tài không bằng Charlotte Brontë, nhưng bà đã nói được nhiều hơn điều muốn mình nói. Quả vậy, bởi hai yếu tố cơ bản của nghệ thuật là sự tự do và sự phong phú trong phong cách biểu hiện; vắng bóng một truyền thống, phương tiện trong tay cũng không, phải nói đó là rào cản, chông gai cực kì khó khăn cho người phụ nữ muốn trở thành nhà văn. Và lại, cuốn sách không phải là những câu văn tuần tự nối đuôi nhau cho đến hết, nó là sự kiến tạo của những câu văn và những câu văn này, với sự trợ giúp của hình tượng, kiến tạo nên đền đài miếu mạo. Đó cũng là hình thức các nhà văn phái nam tạo dựng từ nhu cầu của họ và trở thành công cụ cho họ sử dụng. Không có lí do nào để nghĩ các thể loại văn học cổ như anh hùng ca hoặc kịch thơ thích hợp cho người viết phái nữ. Tất cả những thể loại văn học cổ đó đến thời phụ nữ bắt đầu viết văn đã có nền tảng vững chắc và định hình rõ rệt. Chỉ có tiểu thuyết là thể loại tương đối mới mẻ, có thể mềm mại ngã vào đôi tay chị - có lẽ, đó là một lí do chị viết tiểu thuyết. Tuy nhiên, ngay bây giờ, ai là người bảo “Tiểu thuyết” (tôi cho nó nằm giữa hai dấu nháy để nhấn mạnh quan điểm của tôi về sự thiếu thốn của từ ngữ), thể loại văn học

mềm dẻo nhất này, là hình thức phù hợp nhất với chị trên con đường văn nghiệp? Chắc chắn, chúng ta sẽ nhìn thấy chị dẻo dục cái hình thức đó, nếu chị có tự do sử dụng bàn tay mình, đến khi nào nó phù hợp con người chị; và lúc đó chị sẽ trình làng phương tiện biểu hiện mới có thể cho thơ của chị, không nhất thiết phải là văn xuôi. Bởi thơ vẫn chối bỏ chị. Và tôi thắc mắc giả sử có chị thời nay viết vở kịch thơ năm màn thì chị sẽ dùng thể văn nào - chị sẽ dùng văn vần - chị sẽ không dùng văn xuôi?

Nhưng đây là những câu hỏi khó trả lời, chúng nằm ở khoảng tranh tối tranh sáng của tương lai. Tôi phải bỏ chúng lại, chỉ vì chúng kích thích tôi khiến tôi lan man đi lạc đề và chui vào khu rừng u ám không lối ra, nơi tôi lạc mất lối về và rất có thể bị bày thú hoang ăn thịt. Tôi không muốn, và tôi chắc các bạn cũng không muốn tôi nêu ra đề tài vô cùng u ám đó, tương lai của văn học, và bởi thế tôi chỉ tạm ngưng tại đây để thu hút sự chú ý của các bạn vào bình diện to tát khác, đó là quan hệ của phụ nữ với hoàn cảnh vật chất, một bình diện sẽ phải đóng vai trò quan trọng trong tương lai. Sách, bằng cách này hay cách khác, thích ứng với cơ thể con người và một cách liêu lĩnh, người ta có thể bảo sách viết bởi phụ nữ nên ngắn gọn hơn, cô đọng hơn sách của phái nam, và nên được cấu tạo như thế nào để không phải tốn nhiều thời gian viết liên tục. Bởi, sẽ không bao giờ tránh được sự gián đoạn. Một lần nữa, những sợi dây thần kinh dẫn lên não bộ đàn ông và đàn bà không giống nhau, và nếu các bạn định bắt chúng làm việc cật lực với hiệu quả cực cao thì các bạn phải tìm ra cách biện giải nào thích hợp với chúng - thí dụ, những giờ giảng văn này, do các thầy tu soạn thảo và đề xuất cách đây hàng mấy trăm năm, có thích hợp cho chúng hay không - có cần thay đổi đường lối, cần nghỉ ngơi hay không, nghỉ ngơi ở đây không có nghĩa là không làm gì mà là làm cái gì khác; và cái khác đó là gì? Phải đem tất cả những điều này ra thảo luận và tìm hiểu; tất cả là một phần của câu hỏi quan hệ giữa phụ nữ và văn học là gì. Tuy thế, tôi tiếp tục suy nghĩ trong lúc lại gần bên kệ sách, tôi sẽ tìm thấy ở đâu một

công trình nghiên cứu tỉ mỉ về tâm lí phụ nữ do một phụ nữ biên soạn? Vì phụ nữ không đủ sức chơi bóng đá nên họ không được phép hành nghề thầy thuốc.

Đến đây, suy nghĩ của tôi hân hoan rẽ sang khúc quanh khác.

Chương năm

Cuối cùng, sau những suy nghĩ lan man chẳng đi đến đâu này, tôi đến bên kệ sách những tác giả đương đại, nam cũng như nữ; bởi ngày nay, sách của hai phái nam nữ tương đương nhau. Hoặc nếu điều đó không hẳn đúng, nếu nam giới vẫn là phái át giọng hơn thì điều khá chắc chắn là nữ giới ngày nay không phải ai cũng chỉ viết tiểu thuyết. Chúng ta có sách của Jane Harrison^[75] viết về khảo cổ Hi Lạp, sách của Vernon Lee^[76] về mỹ học, sách của Gertrude Bell^[77] về xứ Ba Tư. Đủ mọi đề tài mà cách đây một thế hệ, đàn bà không ai đụng đến. Có cả thơ, kịch và phê bình; rồi sách lịch sử, tiểu sử, sách du lịch, sách nghiên cứu; thậm chí có cả vài cuốn về triết học, khoa học và kinh tế. Và mặc dù vẫn chiếm đa số, tiểu thuyết có một bộ cánh mới. Nó không còn sự đơn giản tự nhiên nữa, thời đại anh hùng ca của ngòi bút phụ nữ có thể đã lùi vào quá khứ. Học hỏi và phê bình đem đến cho chị cái nhìn xa rộng, tinh tế hơn nhiều. Hấp lực hướng về thể tự truyện phai nhạt. Chị viết sách như một nghệ thuật chứ không phải cách tự biểu hiện. Biết đâu, trong số những cuốn tiểu thuyết mới này, chúng ta tìm ra lời giải cho vài câu hỏi như thế.

Tôi nhắm mắt lấy đại xuống một cuốn truyện. Nó nằm gần cuối kệ sách, có nhan đề là *Cuộc phiêu lưu của sự sống* hay cái gì đó, tác giả là Mary Carmichael, và vừa xuất bản tháng Mười này. Dường như nó là cuốn sách đầu tay của chị, tôi tự nhủ, nhưng người ta phải đọc nó như thể nó là bộ truyện cuối cùng trong loạt sách khá dài, tiếp nối tất cả những cuốn tôi đã liếc mắt vào - thư Lady Winchilsea, kịch Aphra Behn và tiểu thuyết của bốn tiểu thuyết gia danh tiếng. Bởi mặc dù chúng ta có thói quen thăm định sách vở một cách riêng rẽ nhưng thật ra chúng tuần tự nối tiếp nhau. Và tôi bắt buộc phải xem chị - tác giả vô danh của chúng ta - là hậu duệ của tất cả những nhà

văn nữ tôi nhắc đến, để tìm xem chị thừa hưởng tính cách hay dở nào của họ. Thế rồi, với tiếng thở dài, bởi tiểu thuyết thường chỉ là liều thuốc làm dịu đau chứ không phải thuốc giải độc, thay vì sự kích động khiến tinh thần người ta trở nên phấn chấn, nó ru người ta vào giấc ngủ hôn mê, tôi ngồi xuống với cuốn sổ tay và cây bút chì để nhật ra những gì tôi có thể lượm lặt được từ cuốn tiểu thuyết đầu tay của Mary Carmichael, *Cuộc phiêu lưu của sự sống*.

Trước khi bắt đầu đọc cuốn sách, tôi đưa mắt liếc nhanh trang giấy. Tôi muốn bắt được nét đặc trưng trong câu văn của chị, tôi nhủ, trước khi nhồi nhét vào bộ nhớ của mình tất cả những tình tiết về mối quan hệ giữa Chloe và Roger. Sẽ có thời gian cho chuyện đó sau khi tôi quyết định được trong tay chị là cây bút hay cái rìu. Vì thế, tôi thử đọc một hai câu. Chẳng mấy chốc tôi nhận ngay ra có cái gì không ổn. Tính liên tục từ câu này sang câu kia bị phá vỡ. Có cái gì cứ thế xé toác ra, cào nát; nơi đây một từ và ở kia nó lóe lên trong mắt tôi. Chị “buông” mình ra như người ta hay nói trong các vở kịch xưa. Chị như người bật que diêm không cháy, tôi nghĩ thế. Nhưng tại sao, tôi hỏi như thể chị đang ngồi trước mặt, hình thức những câu văn của Jane Austen không thích hợp với chị ư? Phải vứt bỏ tất cả sau khi Emma và ông Woodhouse không còn nữa? Hỡi ơi, tôi thở dài, chuyện phải như thế ư! Bởi, đọc Jane Austen chúng ta thấy bà tung hứng từ giai điệu này sang giai điệu kia như Mozart, còn đọc cuốn sách này chúng ta có cảm tưởng như đang ngồi trên con thuyền chơ vơ ngoài biển cả. Lúc nhô lên lúc thụp xuống. Sự kiệm lời, những hơi thở ngắn; dường như chị sợ hãi điều gì; có lẽ chị sợ bị gọi là “úy mị”; hoặc chị nhớ ra văn chương phái nữ thường bị chê là hoa mỹ và chị quyết tâm đưa ra thật nhiều gai nhọn; nhưng cho đến khi đọc trọn cảnh huống trong truyện, tôi chẳng thể nào bảo chị là chị hay là người nào khác. Dù sao chẳng nữa, đọc chị người ta không bị suy giảm tinh thần và sức sống. Nhưng chị chùng chật quá nhiều dữ kiện. Chị sẽ không thể nào sử dụng hết một nửa những dữ kiện đó trong cuốn sách dày chừng này. (Nó chỉ bằng nửa cuốn *Jane*

Eyre). Tuy thế, bằng cách nào đó, chị chất tất cả mọi người - Roger, Chloe, Olivia, Tony và ông Bigharn - lên chiếc ca-nô chạy ngược trên sông. Nhưng hãy khoan, tôi nghĩ trong lúc ngả lưng vào ghế tựa, tôi nên cân trọng xem xét lại toàn bộ câu chuyện này trước khi đi xa hơn.

Tôi khá chắc chắn là Mary Carmichael đang giờ trò gạt gẫm chúng ta. Bởi tôi có cảm tưởng như người ta thấy toa tàu chạy đến đoạn cuối đường ray phải quay trở lại và thay vì hụp xuống như người ta chờ đợi thì nó trôi lên. Mary đang xáo trộn cái chuỗi tuần tự nối tiếp quen thuộc. Thoạt đầu, chị phá vỡ câu văn; giờ đây, chị phá vỡ cái tuần tự. Được rồi, chị có quyền làm thế nếu chị vì mục tiêu sáng tạo chứ không phải chỉ để phá cách. Tôi không chắc cái nào trong hai điều đó đúng cho đến khi bản thân chị đối diện với cảnh huống nào đó. Tôi sẽ cho chị toàn quyền tự do chọn bất kì cảnh huống nào và có thể tạo ra chúng bằng những cái bình thiếc hay những ấm trà cũ nếu thích, nhưng chị phải thuyết phục được tôi đó là một cảnh huống và chị phải đối diện với nó khi tạo ra nó. Chị phải nhẩy dựng lên. Và, với quyết tâm làm tròn bốn phận người đọc, cũng như chị làm tròn bốn phận người viết, tôi giờ trang sách và bắt đầu đọc... Xin các bạn thứ lỗi cho việc tôi đột ngột ngừng lại ở đây. Có phải đàn ông không hiện diện ở nơi đây? Có phải các bạn cam đoan với tôi rằng sau tấm màn đỏ đằng kia các bạn không giấu hình bóng của Sir Chartres Biron^[78]? Tất cả chúng ta đều là đàn bà, có phải các bạn bảo tôi thế? Vậy tôi có thể bảo các bạn là ngay kể đó tôi đọc hàng chữ này - “Chloe thích Olivia...”. Đừng giật mình. Đừng đỏ mặt. Chúng ta hãy chấp nhận cùng với tính riêng tư của xã hội này rằng điều đó đôi khi xảy ra. Đôi khi đàn bà thích đàn bà.

“Chloe thích Olivia”, tôi đọc. Và tôi choáng váng khi nhận thấy sự thay đổi vô cùng to tát đang diễn ra. Chloe thích Olivia, có lẽ lần đầu tiên trong văn chương có cách diễn đạt như thế. Cleopatra không thích Octavia. Và giả như nàng không như thế, vợ kịch *Antony và Cleopatra* chắc hẳn hoàn toàn đối khác! Tôi lại nghĩ ngợi lan man, tôi

e rằng đầu óc tôi đi chệch ra ngoài cuốn *Cuộc phiêu lưu của sự sống* mất rồi, tôi nghĩ truyện cũ là cái gì bị đơn giản hóa, quy ước hóa đến độ phi lí, nếu người ta có thể nói về nó. Cảm xúc của Cleopatra đối với Octavia chỉ độc nhất là sự ghen ghét.

Nàng có cao hơn tôi không? Nàng chải tóc kiểu gì? Có lẽ vở kịch không yêu cầu những chi tiết đó. Nhưng thú vị biết bao nếu quan hệ giữa phụ nữ trở nên phức tạp hơn. Tất cả các mối quan hệ giữa phụ nữ với nhau đều quá sức giản đơn, tôi nghĩ trong lúc thoáng nhớ lại hình ảnh xán lạn của những nhân vật nữ trong tiểu thuyết. Có rất nhiều điều không ai nhắc đến, không ai đem ra thử nghiệm. Và tôi cố nhớ lại xem tất cả sách vở tôi đọc có trường hợp nào hai người phụ nữ là bạn nhau không. Điều đó có trong cuốn *Diana của những nghệ tu đường*. Dĩ nhiên, họ là những người thân thiết, trong kịch của Racine hay bi kịch Hi Lạp. Xưa cũng như nay, họ là mẹ con. Nhưng gần như không có ngoại lệ, họ luôn được biểu hiện qua quan hệ của họ với đàn ông. Thật lạ lùng khi nghĩ rằng tất cả đàn bà trong tiểu thuyết không những chỉ được nhìn bởi giới phái khác, mà còn chỉ được nhìn qua mối liên hệ của họ với người khác phái; điều này phải đợi mãi đến thời của Jane Austen mới đổi thay. Và nếu quả như thế, thì có bao nhiêu mảnh đời bé nhỏ của người phụ nữ mà gã đàn ông nhìn thấy khi gã tùy tiện nhìn nó qua cặp kính màu đen hoặc màu hồng nằm trên mũi gã. Có lẽ bởi lí do này, bản chất đặc trưng của người phụ nữ trong tiểu thuyết, những thái cực kì quặc, dần dà thành hình; một đằng là sắc đẹp tuyệt trần, một đằng là sự xấu xí kinh khiếp; nàng đong đưa giữa hai cực điểm, tốt lành thánh thiện và suy đồi tăm tối - và nhờ thế người tình của nàng thấy tình yêu của mình nổi lên hay chìm xuống, tươi tắn hay buồn rầu. Dĩ nhiên, điều này không đúng hẳn với tiểu thuyết thế kỷ XIX. Khi đó, đàn bà trở nên không giống nhau và phức tạp hơn nhiều. Quả thế, chính tham vọng muốn viết về đàn bà có lẽ đã là động cơ thúc đẩy đàn ông từ bỏ kịch thơ, vốn sẵn tính bạo liệt không thuận tiện cho việc diễn tả, để chọn tiểu thuyết và biến nó thành công cụ chứa đựng thích hợp

hơn. Ngay cả thế, điều hiển nhiên là, trong tiểu thuyết của Proust^[79] cũng thế, người đàn ông gặp phải những chướng ngại vô cùng lớn lao và thiếu hẳn tinh thần vô tư trong hiểu biết về đàn bà; ngược lại, đàn bà cũng vậy.

Thêm nữa, tôi tiếp tục nghĩ ngợi trong lúc nhìn xuống trang sách, sự kiện đang trở nên hiển nhiên là đàn bà cũng như đàn ông muốn biết nhiều điều khác nữa bên cạnh cái biết muôn đời quen thuộc luân quần trong xó nhà. “Chloe thích Olivia. Hai người làm việc chung trong phòng thí nghiệm...” Tôi đọc tiếp và biết hai người đàn bà trẻ này đang bằm gan, hình như để bào chế môn thuốc chữa bệnh thiếu máu nguy hại gì đó; một trong hai người đã có gia đình và hai con nhỏ - tôi nghĩ mình nói đúng. Dĩ nhiên, tất cả những chi tiết đó xưa kia không ai dám đem vào, và do đó chân dung xán lạn của người phụ nữ trong tác phẩm văn học thuở ấy hết sức giản dị và đơn điệu. Giả thử người đàn ông được biểu đạt trong văn chương chỉ là người tình của đàn bà, họ không bao giờ làm bạn với đàn ông khác, không anh lính, triết nhân, kẻ mộng mơ nào là bạn họ; nếu thế các vở kịch của Shakespeare có được bao nhiêu vai cho đàn ông; văn học sẽ phải chịu thiệt thòi biết bao! Có lẽ chúng ta vẫn còn khá nguyên vẹn Othello; khá nhiều Anthony; nhưng sẽ không còn Caesar, không Brutus, không Hamlet, không Lear, không Jaques - văn học trở nên nghèo nàn vô cùng, như nó đã quả thật nghèo nàn hơn cả việc chúng ta đếm có bao nhiêu cánh cửa đóng sầm vào mặt người phụ nữ viết văn. Bị ép duyên, chỉ có một căn phòng, một công việc duy nhất, bằng cách nào nhà soạn kịch có thể diễn đạt đầy đủ, trung thực và thú vị về họ đây? Chỉ có cách nói về tình yêu. Thi sĩ buộc chọn lựa giữa hai thái độ hoặc sôi nổi đam mê hoặc đắng cay chua xót, trừ khi ông ta thật tình “giết đàn bà”, nhưng điều đó thường có nghĩa là với đàn bà, ông chẳng có gì quyền rũ.

Giờ đây nếu Chloe thích Olivia và hai người làm việc chung trong phòng thí nghiệm, điều này khiến tình bạn giữa hai người càng thêm khăng khít và phong phú bởi nó ít va chạm đời sống cá nhân

hơn; nếu Mary Carmichael biết viết, và tôi bắt đầu thấy thích văn chương chị; nếu chị có căn phòng riêng, điều này tôi không chắc lắm; nếu chị có năm trăm bảng mỗi năm - điều này phải đợi bằng chứng đã - thì tôi nghĩ có cái gì đó hết sức trọng đại đang diễn ra.

Bởi nếu Chloe thích Olivia và Mary Carmichael biết cách diễn tả chị sẽ thấp lên ngọn đuốc trong gian phòng rộng mênh mông đó, nơi chưa hề có ai đặt chân vào. Nó tranh tối tranh sáng như những hang động quanh co, người đi bên trong với ngọn nến chập chờn không biết mình giẫm chân lên đâu. Và tôi tiếp tục đọc đến đoạn Chloe nhìn Olivia cất cái lọ lên kệ và bảo Olivia đã đến giờ cô về nhà với các con. Đó là cảnh tượng chưa từng thấy bao giờ từ khi khai thiên lập địa, tôi thốt lên. Và tôi quan sát một cách vô cùng tò mò. Bởi tôi muốn thấy bằng cách nào Mary Carmichael đem chữ nghĩa ra chụp bắt những cử chỉ, những hành vi chưa ghi xuống mặt giấy bao giờ, những từ ngữ chưa bao giờ thốt ra hoặc chỉ thốt ra nửa vời, mà hình thể của chúng có lẽ không rõ rệt hơn hình bóng con bướm đêm đậu trên trần nhà, đó là lúc người đàn bà đối diện với chính mình, không ai kề bên, không bị luồng ánh sáng màu lúc tắt lúc sáng của kẻ khác phái chiếu lên mặt. Chị sẽ phải nín thở nếu chị làm, tôi nói trong lúc đọc tiếp; bởi với đàn bà bất kì quan tâm nào không kèm theo đằng sau vài ý đồ đều đáng nghi ngờ, họ quá quen với cảnh che đậy, nhần nhục và chỉ trong chớp mắt họ ngoan ngoãn cúi đầu quay sang hướng đi khác. Cách duy nhất chị có thể làm, tôi nghĩ trong lúc gật gù với chị như thể chị đang ngồi trước mặt, là nói về chuyện khác, nhìn chăm chú ra ngoài cửa sổ và ghi lại, không phải với cây bút chì và cuốn sổ tay mà bằng những kí hiệu nhanh hơn tốc kí, những từ ngữ chưa thành vần thành âm, chuyện gì xảy ra khi Olivia - những tế bào hữu cơ này nằm yên dưới đáy tảng đá cả triệu năm - cảm thấy luồng sáng phá xuống và đang đến với chị là món ăn lạ lùng - kiến thức, phiêu lưu, nghệ thuật. Chị đưa tay đón nhận nó, tôi nghĩ trong lúc nhướng đôi mắt nhìn vào trang sách, và phải nghĩ ra sự phối hợp hoàn toàn mới mẻ bao gồm những chất liệu chị dùng, chị phải khai

triển nó tối đa cho những mục tiêu khác để cái mới thâm thấu vào cái cũ mà không gây xáo trộn cho cái phức hợp vô hạn, cái thẳng bằng chi li của tổng thể.

Nhưng hồi ơi, tôi đã làm chuyện tôi chủ tâm không làm; tôi đã vô tâm đến nỗi buột miệng ca ngợi giới phái của chính tôi. “Khai triển tối đa” - “cái phức hợp vô hạn” - những cụm từ ca ngợi không chối cãi vào đâu được, và ca ngợi chính giới phái mình luôn luôn là điều đáng ngò, thông thường là xuân ngốc; hơn nữa, trong trường hợp này, làm sao lời biện giải của chính mình có thể bào chữa được? Người ta chẳng thể nào bước đến bức bản đồ và bảo rằng Columbus khám phá ra Mĩ châu và Columbus là đàn bà; hoặc cầm quả táo phát biểu Newton khám phá ra định luật vạn vật hấp dẫn và Newton là đàn bà; hoặc nhìn lên trời bảo phi cơ đang bay trên trời và phi cơ do đàn bà sáng chế. Trên tường không có nét vạch đo chiều cao chính xác của đàn bà. Không có thước đo chuẩn xác đến từng phân li cho người ta đem ra đo lường phẩm giá người mẹ hiền, sự tận tụy của cô con gái, lòng chung thủy của người chị hay khả năng bà quản gia. Thậm chí, tại các trường đại học ngày nay, ít có phụ nữ nào được cho điểm; những sự thử thách lớn của những ngành nghề chuyên môn, quân đội, thương mại, chính trị, ngoại giao rất hiếm dành chỗ đứng cho họ. Họ gần như không được xếp hạng. Nhưng chẳng hạn nếu cần biết tất cả những gì con người có thể biết về Sir Hawley Butts, tôi chỉ việc giở sách của Burke^[80] hay Debrett^[81] là có ngay mọi chi tiết về ông như ông đỗ bằng này bằng kia; làm chủ một tòa dinh thự; thừa kế một gia sản không nhỏ; từng làm thư kí của ủy ban; từng làm đại sứ Anh quốc ở Canada; tôi cũng biết rõ giấy khen thưởng, bằng tưởng lục và huân chương nào ghi nhớ muôn đời công trạng của ông. Chỉ có Thượng đế mới biết về Sir Hawley Butts nhiều hơn thế.

Bởi thế, khi tôi gán ghép những cụm từ “khai triển tối đa”, “cái phức tạp vô hạn” lên người phụ nữ, tôi chẳng thể nào kiểm chứng những điều đó trong sách của Whitaker^[82], Debrett hoặc Niên mục

đại học. Trong tình trạng khó xử này tôi phải làm gì? Và tôi lại nhìn lên kệ sách. Hết cuốn này sang cuốn kia tiểu sử của Johnson, Goethe, Carlyle, Sterne, Cowper^[83], Shelley^[84], Voltaire^[85], Browning và nhiều nhân tài khác. Đầu óc tôi lại nghĩ đến tất cả những vĩ nhân này, họ là người, và bởi những duyên do khác nhau, một hôm có người đàn bà hâm mộ tìm đến chung sống với họ, giao phó cả cuộc đời mình cho họ, làm tình với họ, viết về họ, đặt hết lòng tin vào họ; vậy mà những tình cảm sâu đậm như thế chỉ được miêu tả như là sự phụ thuộc qua lại nào đó. Tôi không khẳng định tất cả những quan hệ này là những mối tình tuyệt đối cao thượng, và Sir William Joynson Hicks^[86] có lẽ sẽ phản đối. Nhưng chúng ta sẽ hiểu sai các vĩ nhân này nhiều lắm nếu khẳng định bảo họ chẳng được gì từ những mối tình đó ngoài giây phút êm đềm, sự tự ái được vuốt ve bởi những lời tặng bốc hoặc khoái cảm thể xác. Hiển nhiên, kẻ cùng giới chẳng thể nào đem đến cho họ những điều này; và có lẽ chẳng có gì hấp tấp nếu chúng ta định nghĩa xa hơn nữa mà không cần trích dẫn những từ ngữ kêu như chuông đồng của thi sĩ, đó là, năng lực sáng tạo được kích thích và đổi mới hay không là do món quà tặng của người khác phái đem đến. Tôi hình dung ông mở cửa phòng khách hoặc nhà trẻ và bắt gặp nàng cùng bày con hay với tấm vải thêu trên đùi - và dù là gì chẳng nữa thì trọng tâm sự khác biệt giữa hai hệ đời sống, sự tương phản giữa thế giới này và thế giới của riêng ông, có thể là tòa án hay Thứ dân Nghị viện, ngay lập tức làm mới và tiếp thêm cái năng lực sáng tạo trong ông; tiếp theo đó, thậm chí chỉ cần trao đổi vài câu nói băng quơ, những quan điểm tự nhiên khác nhau như những ý tưởng khô hạn bỗng một lần nữa trở nên mỡ màu; và sự kiến tạo hình ảnh nàng trong môi trường khác, thôi thúc năng lực sáng tạo trong ông tiếp tục viết tiếp truyện dở dang, và đầu ông bỗng bật lên câu văn hay cảnh tượng ông không nghĩ ra lúc đội mũ vào thăm nàng. Mỗi ông Johnson đều có một nàng Thrale, ông không muốn mất nàng bởi những lí do này, rồi khi Thrale lập gia đình với thầy dạy nhạc người Ý, Johnson tức giận và chán chường đến cuồn cuộn điên, chẳng phải bởi ông tiếc nhớ những

buổi tối êm ả ở Streatham mà chỉ vì ngọn lửa đời sống của ông “tắt ngấm” mất rồi.

Tuy không phải là bậc kì tài như Johnson, Goethe, Carlyle, hay Voltaire, nhưng người ta vẫn có thể cảm thấy bản chất của tính phức tạp và năng lực sáng tạo phát triển đến mức cao độ ở phụ nữ, mặc dù so với các vĩ nhân kia nó khác xa. Người ta đặt chân vào căn phòng - vốn liếng tiếng Anh người ta phải kéo dài ra, những từ ngữ cần đòi cánh bất chấp mọi chương ngại vật bay vút lên, hiện hình trước khi người đàn bà có thể nói điều gì xảy ra khi chị bước vào căn phòng. Những căn phòng hoàn toàn khác nhau; căn này yên ắng, căn kia ồn ào; căn này nhìn ra biển cả bao la, căn kia nhìn vào khoảng sân nhà tù; căn này treo đầy quần áo, căn kia ngồn ngộn đá quý và lụa là; căn này cứng như bòm ngựa, căn kia mềm tựa lông chim - người ta chỉ cần bước vào bất cứ căn phòng nào, nằm trên bất cứ con phố nào là bắt gặp toàn bộ cái năng lực nữ phái cực kì phức tạp kia bay ra đập vào mặt. Có cách nào khác không? Bởi cả triệu năm nay, phụ nữ ngồi yên lặng giữa bốn bức tường, vì thế giờ đây, chính những bức tường này là nơi thâm thấu năng lực sáng tạo của họ, và quả thế, mỗi viên gạch, mỗi tắc vữa tường như căng cứng những khả năng cần thiết để liên kết ngôi bút với thế giới bên ngoài, kinh tế, chính trị. Nhưng năng lực sáng tạo này của đàn bà khác xa năng lực sáng tạo của đàn ông. Và người ta phải kết luận là thật ngàn lần đáng tiếc nếu năng lực này bị cản trở hoặc phí hoài, vì ngày nay người ta có nó là nhờ những cố gắng kiên tâm vượt bực trong nhiều thế kỷ và chẳng gì thay thế nó được. Cũng nghìn lần đáng tiếc nếu đàn bà viết như đàn ông, sống như đàn ông hay bộ dạng như đàn ông, bởi nếu hai giới phái đều có những khiếm khuyết thì làm thế nào chúng ta xoay xở trong cái thế giới bao la và muôn vẻ này chỉ với một giới phái? Phải chăng nền giáo dục nên đưa ra và vun đắp cái khác biệt thay vì cái giống nhau giữa hai giới phái? Vì chúng ta đã có quá nhiều điểm giống nhau, và nếu nhà thám hiểm quay về mang theo tiếng nói của giới phái kia nhìn từ cành cây khác trong

bầu trời khác thì ông ta quả đã làm được điều thật tốt đẹp cho nhân loại; và chúng ta cũng cảm thấy vô cùng hài lòng khi nhìn giáo sư X hấp tấp đi tìm bó thước đo của ông để chứng tỏ ông là “người vượt trội”.

Sẽ phải tách rời tác phẩm của Mary Carmichael ra khỏi chị, tôi nghĩ trong lúc vẫn lượn lờ ở khoảng cách khá xa trang sách, để chị chỉ có tư cách người quan sát mà thôi. Tôi e là chị nghe theo cảm dỗ, đi vào con đường trở thành tiểu thuyết gia kiêm nhà tự nhiên học, nhánh sáng tác mà tôi cho là kém thú vị hơn, chứ không phải nhà văn viết với suy nghiệm. Chị có quá nhiều sự kiện mới mẻ để quan sát. Chị sẽ không cần tự giam mình trong căn hộ khang trang của tầng lớp trên trung lưu. Không cần hạ cố, cũng chẳng việc gì phải tử tế, nhưng với tinh thần đồng cảm, chị sẽ thâm nhập vào những căn phòng chật hẹp, sắc mùi nước hoa, nơi cô gái giang hồ, cô gái điếm và người đàn bà với con chó ngồi chờ. Nơi đó, họ ngồi im lìm với áo quần thô lậu mà nhà văn nam khoác lên họ như một sự tất yếu. Nhưng Mary Carmichael sẽ lôi ra cái kéo của chị và sẽ cắt xén áo xống họ cho đến khi nào thật vừa vặn mới thôi. Cảnh tượng khi những người đàn bà này lột xác chắc là lạ lùng lắm, nhưng hãy khoan, bởi Mary Carmichael vẫn còn đang bị vướng víu với ý thức về bản thể, sự hiện hữu của “tội lỗi” bắt nguồn từ căn tính tàn bạo giữa giới phái với nhau. Chân chị vẫn tròng trong cái gông cùm xấu xí, hoen rỉ của giai tầng.

Tuy thế, đa phần đàn bà không là gái điếm; mà cũng chẳng mấy ai ngồi giữ chó bằng sợi vải nhung bụi bặm suốt buổi chiều hè. Nhưng nếu không thế thì họ làm gì đây? Dưới con mắt của trí tưởng tượng, tôi thấy họ bước trên con lộ dài chạy dọc phía nam bờ sông, nơi nhà cửa chen chúc san sát nhau, dân cư đông vô số kể. Với con mắt của trí tưởng tượng, tôi thấy bà cụ già đang băng qua đường trong vòng tay của người phụ nữ trung niên, có lẽ là con gái bà. Cả hai đều ăn mặc lịch sự, giày ống cao và áo choàng lông thú, bộ áo dài họ mặc chiều nay là trang phục cho buổi lễ nào đó, bộ áo suốt

mùa hè, năm này qua năm khác, năm yên trong tủ bên cạnh những tảng băng phiến. Họ băng qua đường khi đèn đường bắt đầu le lói (bởi lúc chập tối là thời khắc thú vị nhất với họ) như mọi lần khác, năm này qua năm nọ. Bà cụ dễ chùng đã gần tám mươi; nhưng nếu có người hỏi cuộc sống của cụ có ý nghĩa gì thì cụ sẽ trả lời là cụ nhớ hôm đèn đường rực sáng ghi dấu trận Balaclava, cụ cũng nhớ hôm tiếng súng từ công viên Hype nổ rền mừng ngày sinh vua Edward Đệ thất. Nhưng nếu có kẻ cắc có muốn phân định biến cố xảy ra vào ngày nào, mùa nào hỏi rằng thế ngày mừng năm tháng Tư năm 1868 hoặc mừng hai tháng Mười một năm 1875 cụ đang làm gì, thì cụ sẽ nhìn lên ngo ngác và bảo là cụ chẳng nhớ gì cả. Cụ nấu không biết bao nhiêu bữa ăn; rửa không biết bao nhiêu bát đĩa; con cái đi học rồi bước vào đời. Chẳng còn gì ở lại. Tất cả tan biến. Không sách tiểu sử hay lịch sử nào có một câu, một từ về chuyện đó. Và tiểu thuyết, dấu không chú ý, chỉ là mớ chữ xảo ngôn, lừa mị.

Tất cả những kiếp sống mờ tối này vẫn chưa có ai đem ra khai thác, tôi bảo Mary Carmichael như thế chị đang ngồi trước mặt, rồi tôi lại cho ý nghĩ mình đi xuyên qua đường phố London để cảm nhận trong tưởng tượng ra cái ẩn ức của sự câm nín, của những kiếp đời chất chồng tối tăm từ những người đàn bà ở nơi góc đường hai tay chống nạnh, ngón tay mập mập đeo nhẫn, khoa tay múa chân nói như giọng điệu bay bổng của câu văn Shakespeare; hoặc từ cô gái bán hoa, cô gái bán diêm, từ mụ già trụ dưới lối ra vào; từ cô gái qua lại trên đường mà sắc mặt cô, như lớp sóng dưới trời mây, là dấu hiệu có người đang đến và là ánh đèn chớp lóe từ ô cửa sổ cửa hàng. Chị sẽ phải khai thác tất cả những mẩu chuyện đó, trong lúc cầm chắc ngọn đuốc trong tay, tôi bảo Mary Carmichael như thế. Trên hết, chị phải thắp sáng tâm hồn mình với tất cả những bề thâm sâu cũng như nông cạn, tính khoa trương cũng như tính khiêm nhường của nó, và nói cho mọi người cùng nghe đối với chị cái đẹp, cái vô vị có ý nghĩa nào đáng kể và mối tương quan nào giữa chị và thế giới không ngừng biến thiên, quay cuồng ngoài kia, thế giới của

giày dép, găng tay và các đồ vật tạp nham đu đưa lên xuống lẫ trong mùi hóa chất nồng nặc bay lên từ mái vòm của những cửa hàng vải vóc, từ trên nền gạch giả đá hoa cương. Bởi trong lúc tưởng tượng, tôi đặt chân vào một cửa hàng như thế; sàn nhà lát gạch hai màu đen trắng, những dải băng đủ màu sắc trông thật đẹp mắt giăng khắp nơi. Mary Carmichael chắc phải trông thấy nó nếu chị tình cờ ngang qua, tôi đồ thế, và nó là cảnh sắc phù hợp tuyệt hảo với ngòi bút của chị, chẳng kém gì đỉnh tuyết hay gò đá của rặng núi Andes. Và sau quầy bán hàng cũng có một cô gái - chẳng mấy chốc tôi thấu được "bản lai diện mục" cô, cô là đời sống thứ một trăm năm mươi của Napoleon, cô là bài học thứ bảy mươi về Keats và là phép đảo nghịch thơ mà giáo sư Z cùng những đồng nghiệp đang làm. Thế rồi, tôi dè dặt tiếp lời, tôi nhón gót bước đi thật khẽ (tôi nhát nhúa lắm, tôi vẫn còn khiếp ngọn roi suýt nữa quất lên vai mình), để thì thầm rằng chị cũng nên học cách cười nữa, nhưng không phải nụ cười cay đắng lên cái tự cao tự đại - đúng hơn cái đặc dị, vì từ này ít xúc phạm hơn - của người khác phái. Bởi có cái bớt to bằng đồng xu nằm sau gáy người ta chẳng bao giờ tự nhìn thấy. Một trong những việc tốt giới phái này làm được cho giới phái kia là miêu tả cái bớt to bằng đồng xu nằm sau gáy đó. Hãy nghĩ, sẽ có biết bao điều lợi ích cho giới phụ nữ với những bình luận của Juvenal; hay phê bình của Strindberg. Hãy nghĩ, phải chi nhân loại và những nhà bác học uyên bác từ những kỉ nguyên xa xưa chỉ ra cho đàn bà thấy cái bớt đen to bằng đồng xu nằm sau gáy họ! Và nếu Mary là người can đảm và lương thiện, chị sẽ luôn ra sau lưng giới phái kia và kể lại cho chúng ta nghe chị trông thấy gì. Hình ảnh thật và trọn vẹn của người đàn ông sẽ chẳng bao giờ được khắc họa một cách hoàn chỉnh cho đến khi nào người đàn bà miêu tả cái bớt to bằng đồng xu nằm sau gáy họ. Ông Woodhouse, ông Casaubon đều là những cái bớt cỡ như thế. Dĩ nhiên, không ai là người có chút nhận thức lại khuyên chị đem chuyện đó ra miệt thị và biến mục tiêu của mình thành trò tào lao - văn học cho thấy sự vô bổ, chẳng đi đến đâu của những tác phẩm viết trên tinh thần đó. Hãy tôn trọng sự thật, có

lẽ người ta bảo thế, và kết quả sẽ bật ra vô cùng ngoạn mục. Hải kịch sẽ phong phú hơn nhiều. Sẽ khám phá ra nhiều sự kiện mới lạ.

Tuy nhiên, đã đến lúc tôi nên hạ cái nhìn xuống trang sách. Thay vì phỏng đoán những gì Mary Carmichael viết hoặc nên viết như thế nào trong sách của chị, tốt hơn là tôi nên ghé mắt vào đọc xem chị đã viết gì. Thế là, tôi tiếp tục đọc. Tôi nhớ tôi không bằng lòng lắm với một số điều trong văn phong chị. Chị phá vỡ cấu trúc câu văn của Jane Austen, và bởi thế chị không cho tôi cơ hội tự phô diễn thị hiếu hoàn hảo và lỗ tai khó tính của tôi. Thật vô ích nếu tôi bảo, “Vâng, vâng, chị viết hay lắm; nhưng Jane Austen viết hay hơn chị nhiều”, đến đây tôi phải thú nhận là giữa hai người không có điểm giống nhau nào. Rồi chị còn đi xa hơn thế, chị phá vỡ luôn cái trật tự cũ trong câu văn. Có lẽ, chị không chú ý làm như thế, mà chỉ đơn thuần cho nó cái tuần tự tự nhiên, viết như một phụ nữ viết, nếu quả thật chị viết như một phụ nữ. Nhưng hiệu ứng của nó, bởi nguyên do nào đó, khiến tôi chùng hững; người ta không thấy những đợt sóng xô nhau, không thấy những tai biến sắp đổ xuống ở góc ngoặt sắp tới. Bởi thế, tôi không tài nào tự phô diễn được chiều sâu của cảm xúc trong tôi và hiểu biết sâu sắc của tôi về trái tim con người. Lần nào cũng thế, hễ tôi sắp cảm thấy những sự vật thông thường ở những nơi chốn thông thường, về tình yêu, về cái chết, thì con quái thú khó ưa đó lại kéo phăng tôi ra chỗ khác như thể vẫn còn xa chút nữa mới đến trọng tâm. Và vì thế, chẳng có cách nào cho tôi thốt ra những lời lẽ kêu vang về “những cảm xúc cơ bản”, về “những phẩm chất chung của nhân loại”, về “chiều sâu của trái tim con người”, và tất cả những cụm từ khác hỗ trợ cho lòng tin của chúng ta, đó là, dấu trên tầng cao, chúng ta có thông minh, xuất chúng như thế nào chẳng nữa thì dưới tầng thấp, chúng ta vẫn nghiêm túc, sâu sắc và nhân bản. Ở đây, chị khiến tôi có cảm giác ngược lại, thay vì nghiêm túc, sâu sắc và nhân bản, người ta chỉ cảm thấy - và ý nghĩ này chẳng hấp dẫn chút nào - lười nhác trong suy nghĩ và sẵn sàng chấp nhận hòa giải.

Nhưng tôi đọc tiếp và ghi nhận được một số những dữ kiện khác. Hiên nhiên chị không là “thiên tài”. Chẳng hạn, chị không có tình yêu thiên nhiên; chị không có trí tưởng tượng bốc lửa, không có chất thơ hoang dại, không có mưu trí tài tình, không có cái minh triết ưu tư của những người đi trước như Lady Winchilsea, Charlotte Brontë, Emily Brontë, Jane Austen and George Eliot; chị cũng không có biệt tài viết với nhạc điệu và phẩm chất của Dorothy Osborne - quả vậy, chị chỉ là cô gái khéo léo và sách của chị chắc chắn sẽ bị các nhà xuất bản nghiền nát trong thời gian không quá mười năm. Nhưng dầu thế, chị có một số lợi thế mà những ngòi bút nữ có tài hơn chị nhiều, sống trước chị chưa đầy nửa thế kỷ không có. Với chị, đàn ông không còn là “phe cánh đối nghịch” nữa; chị không cần phí phạm thời gian chửi rủa họ; chị không cần phải trèo lên nóc nhà và khuấy động sự bình yên trong tâm trí mình với những khao khát đi đây đi đó, những khao khát nếm trải cuộc đời, hiểu biết về thế giới mà chị không bao giờ có. Sự khiếp hãi và lòng thù ghét gần như tan biến, hoặc giả dấu vết của nó chỉ thấy xuất hiện khi chị hơi cường điệu trong cung cách bộc lộ nỗi vui sướng được tự do, một khuynh hướng ứng xử với người khác phải có tính cách châm biếm sâu cay và nhạo báng nhiều hơn là lãng mạn. Và rồi, với tư cách tiểu thuyết gia, không có gì đáng ngờ là chị được hưởng nhiều lợi thế tự nhiên. Sự nhạy cảm của tâm hồn chị thật là sâu rộng, tha thiết và phóng khoáng. Chỉ cần một va chạm nhẹ, gần như vô hình, nó đã phản ứng lại rồi. Nó say mê, thích thú thường lãm đời sống như nhánh cây non đứng giữa trời nghe ngóng bất cứ hình ảnh, âm thanh nào dội đến. Nó cũng len lỏi một cách rất tinh tế và hiếu kì vào những sự vật gần như chưa ai biết đến hoặc ghi chép lại bao giờ; nó soi sáng lên những vật bé nhỏ và cho thấy chưa chắc chúng đã bé nhỏ. Nó đào bới lên những thứ bị chôn vùi và làm người ta phải băn khoăn tự hỏi cái gì đã khiến nó bị chôn vùi. Vụng về và không phải là người kế tục cái di sản quý báu của người đi trước, những người như Thackeray hoặc Lamb mà ngòi bút tạo cảm khoái cho người đọc, tuy thế, chị đã - và tôi bắt đầu nghĩ ngợi - học thuộc bài học lớn thứ nhất;

chị viết như phụ nữ, nhưng là một phụ nữ đã quên đi mình là phụ nữ, khiến những trang sách của chị tràn đầy những phẩm chất giới tính lạ lùng mà chỉ xuất hiện khi vấn đề giới tính nằm trong vô thức.

Tất cả những điều này đều hướng về sự tốt đẹp. Nhưng sẽ không nhiều cảm giác hoặc tri giác tinh tế, thâm thúy có giá trị, trừ phi với vốn liếng riêng, chị có thể xây dựng tòa nhà lâu bền, không bị sụp đổ qua thử thách. Tôi có nói là tôi chờ đến khi nào chị tự đối mặt với một “cảnh huống”. Nói như thế có nghĩa là chị phải chứng tỏ bằng cách tập hợp mọi trí năng để đào sâu bên trong của vấn đề chứ không chỉ chòn vòn qua quýt trên bề mặt. Lúc nào đó, chị sẽ nhủ với chính mình rằng bây giờ là thời điểm tôi có thể chỉ ra ý nghĩa của tất cả những điều này mà không cần dùng đến phương tiện mạnh bạo nào. Và chị bắt đầu - sự hăng hái đó hiển nhiên biết bao! - tập hợp mọi khả năng, biểu đạt mọi dấu hiệu, và nơi đó nó hiện lên trong trí tưởng, nửa nhớ nửa quên, và có thể nhân tiện gạt bỏ những điều khá tầm thường. Trong lúc có người đang khâu vá hoặc hút tẩu, chị cho chúng ta thấy sự có mặt của họ thật tự nhiên, càng tự nhiên càng hay, và người ta có cảm tưởng, trong lúc ngồi bút chị dàn trải ý tưởng trên mặt giấy, như thể mình đứng trên đỉnh đầu thế giới và thấy nó trải ra vô cùng uy nghi bên dưới.

Dù sao chẳng nữa, chị có nỗ lực. Và trong lúc quan sát chị duỗi dài người với cuộc thử nghiệm, tôi trông thấy, nhưng hi vọng chị không thấy, các ngài giám mục, trưởng khoa, các bác sĩ, giáo sư, các tộc trưởng và nhà mô phạm, tất cả đang gân cổ hét lên cảnh báo và chỉ bảo chị. Chị không được làm thế này, chị không được làm thế kia! Chỉ những học giả mới được phép đi trên bãi cỏ! Đàn bà không được phép vào nếu không có thư giới thiệu! Đây mới là phương hướng cho những nữ tiểu thuyết gia khả ái và có hoài bão! Họ hò hét bên cạnh chị như đám đông bên hàng rào trường đua ngựa, và đó là cuộc xét xử dành cho chị mà chị không được quyền nhìn phải, nhìn trái. Nếu chị ngưng nguyên rửa lúc này, chị sẽ là kẻ thua cuộc, tôi bảo chị như thế; nếu chị ngưng tiếng cười, chị cũng thua. Ngập

ngừng hay vấp ngã, chị sẽ bị đào thải ngay. Hãy nghĩ đến cú nhảy, chỉ có cách nhảy lên, tôi van nài chị như thể tôi đặt tất cả tiền bạc của tôi trên lưng chị; và chị bay bổng qua chướng ngại vật như loài chim. Nhưng xa chút nữa, có cái rào chắn và cái nữa cứ thế liên tiếp cản đường chị. Chị giữ mãi được năng lực cần thiết để tiếp tục con đường đó hay không, tôi không chắc lắm, bởi tiếng vỗ tay, tiếng hò hét như xoáy vào thần kinh. Nhưng chị cố gắng hết sức mình. Mary Carmichael không phải là thiên tài, chị chỉ là có gái vô danh bình thường viết cuốn tiểu thuyết đầu tay của mình trong phòng ngủ, trong lúc không có đầy đủ những điều thiết yếu như thời gian, tiền bạc và sự nhàn rỗi, tôi nghĩ là chị không đến nổi tệ.

Cho chị một trăm năm nữa, tôi kết luận trong lúc đọc nốt chương cuối cuốn sách - mũi và những bờ vai trần của con người hiện lên trần trụi dưới bầu trời sao, bởi có người giật mạnh tấm màn cửa trong phòng khách - hãy cho chị căn phòng riêng và năm trăm bảng mỗi năm, hãy để chị nói lên ý nghĩ trong đầu mình, gạt bỏ phân nửa những gì chị nói bây giờ, rồi ngày nào đó chị sẽ có tác phẩm hay hơn. Một trăm năm nữa chị sẽ là thi sĩ, tôi nghĩ thế trong lúc cầm lên cuốn *Cuộc phiêu lưu của sự sống* của Mary Carmichael, và trả nó về cuối kệ sách.

Chương sáu

Sáng hôm sau, nắng tháng Mười từ cửa sổ không treo rèm chiếu vào gian phòng bụi bặm, và tiếng xe cộ qua lại từ dưới đường phố vọng lên rì rầm. London đang vươn mình thức giấc; nhà máy rục rịch tiếp tục sản xuất, máy móc lại bắt đầu chuyển động. Sau khi đọc xong chùng đó sách vở, người ta có ý muốn nhìn ra ngoài cửa sổ xem London đang làm gì vào buổi sáng ngày 26 tháng 10 năm 1928 này. Và London đang làm gì? Dường như chẳng ai buồn đọc *Antony và Cleopatra*. Cả London vẫn thân nhiên với kịch của Shakespeare. Chẳng ai buồn quan tâm - và tôi không trách họ được - tương lai của văn học, cái chết của thi ca, sự phát triển của văn xuôi trong giới cầm bút phái nữ với phong cách biểu hiện hoàn toàn tự do. Nếu có kẻ lấy phần trắng viết những quan điểm này xuống hè đường phố thì cũng chẳng có ai ngừng lại cúi đầu đọc chúng. Những đôi chân vội vã và thò ơ sẽ xóa sạch những dòng chữ đó trong nửa tiếng đồng hồ. Đây cậu bé lang thang, kia người đàn bà dắt chó đi dạo. Đường phố London mê hoặc người ta ở chỗ không bao giờ có hai kẻ giống nhau; mỗi người vè như đặt hết tâm trí vào công việc riêng tư của mình. Người đi làm khoác cái túi nhỏ cạnh bên; kẻ vô công rồi nghề đi lẩn quẩn, tay cầm gậy gõ lạch cạch ở khu vực có rào cản; người nhả nhặn xem đường phố như phòng họp câu lạc bộ, lúc giờ tay vẫy chào người ngồi trên xe, lúc mở miệng nói những điều không ai hỏi, không ai cần biết. Rồi lại có những đám tang đi ngang qua, người đứng trên đường giờ mũ chào bởi họ đột nhiên nhớ ra thân xác mình cũng sẽ đến lúc tiêu tan. Rồi người đàn ông ăn mặc cực kì lịch sự chậm rãi bước ra cửa và chột khựng lại để tránh người đàn bà đang rầm rầm phóng tới, bằng cách nào đó, cái áo choàng lông thú vẫn khoác trên người và bó hoa tím trên tay bà. Ai nấy đều như chìm đắm trong thế giới riêng của mình, không màng gì đến sự việc xảy ra chung quanh, mà chỉ biết chú tâm vào chuyện riêng.

Vào thời điểm này, như vẫn thường xảy ra ở London, có giây phút mọi thứ bỗng nhiên lắng xuống và xe cộ như ngừng lại. Đường phố chột vẳng vẻ; không ai qua lại. Một chiếc lá từ cây tiêu huyền nơi cuối đường lìa cành rơi xuống giữa khoảnh khắc yên ắng, ngưng đọng. Bằng cách nào đó, nó như tín hiệu không biết từ đâu rơi xuống, một tín hiệu cho thấy sức mạnh trong sự vật mà người ta bỏ qua. Hình như nó chỉ dẫn về phía dòng sông, dòng sông chảy vô hình quanh khúc ngoặt, về phía cuối đường, và người ta bị nó cuốn trôi như dòng sông ở Oxbridge, nơi anh sinh viên chèo thuyền cùng đám lá vàng bập bênh trôi trên dòng nước. Nó đưa cô gái đi ủng da từ bên này đường băng chéo qua bên kia, rồi đến lượt chàng thanh niên mặc áo choàng màu hạt dẻ; nó cũng làm thế với chiếc tắc xi; nó đưa cả ba vật thể đó cùng đến điểm hẹn ngay dưới cửa sổ phòng tôi; chiếc tắc xi đỗ lại; cô gái cùng chàng thanh niên chui vào và chiếc xe lướt đi như thể bị dòng nước cuốn phăng.

Cảnh tượng thật bình thường; điều lạ lùng ở đây là cái tuân tự nhịp nhàng mà trí tưởng tượng của tôi đầu tư vào nó; sự kiện một cảnh tượng bình thường như hai con người chui vào xe tắc xi lại có khả năng truyền đạt cái gì như là sự mãn nguyện riêng tư của họ. Cảnh tượng hai người bước xuống phố và gặp nhau nơi góc đường có vẻ khiến thần kinh người ta trở nên thư giãn, bớt căng thẳng, tôi nghĩ thế trong lúc nhìn theo chiếc xe chở họ rẽ vào khúc quanh rồi biến mất. Có lẽ, tách bạch, đầu óc tôi lao đao với những ý tưởng này hai hôm nay, giới phái này ra khỏi giới phái kia là một nỗ lực lớn. Nó can thiệp vào sự thống nhất trong ý tưởng. Giờ đây, nỗ lực đó ngừng lại và sự thống nhất khôi phục nhờ thấy cảnh hai người, một đàn ông một đàn bà, gặp gỡ nhau và chui vào xe tắc xi. Đầu óc con người phải là một cơ quan vô cùng bí ẩn, tôi nghĩ trong lúc rứt đầu vào, chúng ta hoàn toàn phụ thuộc vào nó mặc dù chúng ta chẳng biết gì về nó. Tại sao tôi cảm thấy có sự chia cắt và đối nghịch bên trong tâm trí, như sự căng thẳng từ những nguyên có hiển nhiên của thân xác? “Sự thống nhất trong ý tưởng” nghĩa là gì? Bởi hiển nhiên,

trí óc có năng lực tập trung ở bất cứ thời điểm nào và năng lực này phi thường đến nỗi dường như nó chẳng bao giờ tồn tại ở trạng thái đơn độc. Thí dụ, từ cửa sổ trên cao nhìn xuống, nó có thể tự tách khỏi đám đông dưới mặt đường và nghĩ mình không phải là bộ phận của đám đông. Hoặc nó có thể nghĩ nó đang cùng đám đông chờ đợi nghe ngóng một thông tin nào đó. Qua cha mẹ sinh thành ra nó, nó có thể quay ngược về quá khứ, như tôi đã nói trong lúc viết, người đàn bà suy nghĩ qua mẹ của mình. Một lần nữa, nếu là đàn bà, người ta thường kinh ngạc bởi hiện tượng ý thức đột ngột tách đôi, thí dụ trong lúc thả bộ xuống phố Whitehall, bà cảm thấy mình là kẻ thừa kế tự nhiên của nền văn minh đó, nhưng cùng lúc bà thấy mình là kẻ đứng ngoài, xa lạ và khó có thể hòa đồng. Rõ ràng, trí óc luôn luôn tìm cách biến đổi điểm tập trung và mỗi lần thay đổi là một viễn cảnh khác của thế giới hiện ra. Nhưng giữa những trạng thái ý thức khác nhau, dường như có trạng thái gây khó chịu hơn, ngay cả nếu chúng chế ngự trí óc ta cùng lúc. Để tiếp tục duy trì những trạng thái ý thức đó, người ta phải cất giữ cái gì đó một cách vô thức, dần dà sự ức chế biến thành nỗ lực. Nhưng cũng có những trạng thái ý thức người ta không cần vận dụng nỗ lực để tiếp tục duy trì bởi không có điều gì phải giữ lại. Và có lẽ, đây là một trong những trạng thái ý thức đó, tôi nghĩ thế trong lúc từ cửa sổ đi vào trong nhà. Bởi chắc chắn, trong lúc nhìn đôi tình nhân chui vào xe tắc xi, trí óc tôi cảm thấy như thế, sau khi bị chia cắt, một lần nữa nó nhập lại trong trạng thái hợp nhất tự nhiên. Nó là sự kiện hiển nhiên bởi sự cộng sinh của hai giới phái là điều hoàn toàn tự nhiên. Bản năng thẩm sâu, nhưng cũng phi lí của con người là có thiện cảm với giả thuyết cho rằng sự hợp nhất của đàn ông và đàn bà là cái gì thỏa mãn nhất, đem đến hạnh phúc toàn vẹn nhất. Nhưng cảnh tượng đôi tình nhân chui vào xe tắc xi và sự mãn nguyện nó đem lại cho tôi buộc tôi phải đặt lại câu hỏi, phải chăng có hai giới tính trong trí tưởng tượng ứng với hai giới tính của phần thể xác, và phải chăng chúng cũng cần được hợp nhất để đem đến sự mãn nguyện và hạnh phúc toàn vẹn? Và, một cách tài tử, tôi tiến hành phác thảo đề án cho tâm hồn, đó là,

trong mỗi chúng ta có hai năng lực chỉ huy song hành, một nam, một nữ; và trong trí óc người đàn ông, đàn ông chiếm ưu thế hơn đàn bà, trong trí óc người đàn bà, đàn bà chiếm ưu thế hơn đàn ông. Khi cả hai chung sống với sự hòa đồng, trong tinh thần hợp tác, thì trạng thái của hiện hữu là trạng thái bình thường và thoải mái. Nếu là đàn ông thì phần đàn bà trong trí óc ông ta phải có hiệu ứng; và ngược lại, người đàn bà cũng phải giao hòa với phần đàn ông trong trí óc mình. Có lẽ, Coleridge^[87] muốn nói như thế khi ông nói khối óc vĩ đại là khối óc lưỡng tính. Đó là lúc sự hợp nhất xảy ra và trí óc trở nên phong phú, tận dụng tất cả khả năng của nó. Tôi nghĩ có lẽ trí óc thuần nam sẽ không đủ khả năng sáng tạo và trí óc thuần nữ cũng thế. Nhưng nam - nữ tính hoặc ngược lại nữ - nam tính nghĩa là gì? Hãy đem chúng ra kiểm nghiệm bằng cách ngưng lại và tìm đọc vài ba cuốn sách.

Khi phát biểu khối óc vĩ đại là khối óc lưỡng tính, Coleridge chắc chắn không ngụ ý đó là khối óc có thiên cảm với phái nữ; hoặc khối óc bênh vực cho nữ quyền; hoặc khối óc chuyên chú vào việc lí giải, xét đoán phụ nữ. Có lẽ, khối óc lưỡng tính không đủ điều kiện thực hiện những công việc phi phạm này so với khối óc đơn tính. Có thể, ông muốn nói khối óc lưỡng tính thì vang dội và dễ thâm thấu; nó dễ truyền đạt cảm xúc mà không gặp trở ngại nào; nó sẵn tính sáng tạo tự nhiên; nó sáng tỏ và không vẹn toàn. Thật vậy, người ta có thể quay lại Shakespeare để biết thế nào là khối óc lưỡng tính, khối óc nam - nữ tính, dù không ai biết ông nghĩ gì về đàn bà. Nếu quả thực là một trong những dấu hiệu cho biết khối óc nảy nở toàn vẹn là trong quá trình suy tưởng nó không đặc biệt ngả về giới phái nào thì bây giờ vẫn là lúc khó khăn hơn bao giờ hết cho người ta đạt đến tình trạng này. Chỗ này, tôi mở những trang sách viết bởi các tác giả đương thời, chỗ kia, tôi ngưng lại và phân vân tự hỏi phải chăng sự kiện này chính là căn nguyên khiến tôi điên đầu bấy lâu nay. Không thời đại nào vấn đề ý thức giới phái lại ồn ào như thời của chúng ta; hàng hà sa số sách vở nằm trên kệ trong Viện Bảo tàng Anh quốc của

đàn ông viết về đàn bà là bằng chứng. Và cuộc vận động Suffrage^[88] là thủ phạm chứ không ai khác. Nó kích động đàn ông và gieo vào họ khát vọng khác thường cho sự tự khẳng định; nó khiến họ đặt nặng trọng tâm lên phái nam và những tính cách đặc trưng của giới phái này, những điều họ có lẽ chẳng buồn quan tâm nếu họ không gặp sự chống đối. Khi có kẻ chống đối, cho dù chỉ là vài cô, vài bà đội mũ đen, họ trả đũa ngay tức khắc, và nếu trước đây chưa bao giờ bị chống đối, họ sẽ trả đũa một cách thậm tệ. Có lẽ, điều đó lí giải được vài tính cách đặc trưng mà tôi nhớ mình tìm thấy ở đây, tôi nghĩ như thế trong lúc cầm xuống cuốn tiểu thuyết mới xuất bản của ông A, một nhà văn đang ở thời kì sung mãn và hiển nhiên được các nhà điểm sách đặc biệt kính trọng. Mở cuốn sách, tôi thấy vui vui khi đọc lại một tác giả nam giới. Sau khi đọc một loạt sách của các bà, tôi thấy chữ nghĩa các ông dễ hiểu, không vòng vo. Nó hàm ngụ phong cách tự do trong suy nghĩ, tự do của con người và sự tự tin vào chính mình. Người ta có cảm giác đây là trạng thái an lạc của cơ thể với sự hiện hữu của khối óc tự do từ lâu vẫn được bồi dưỡng tốt, giáo dục tốt, một khối óc chưa bao giờ vấp phải sự chống đối hay trở ngại nào, nó hoàn toàn tự do từ lúc sinh ra để vươn dài trong bất kì cách thức nào nó muốn. Tất cả những điều này đều đáng khâm phục. Nhưng sau khi đọc một hai chương, hình như có cái bóng đen nằm ngang trang sách. Nó là cái vạch thẳng màu đen thẫm, cái bóng có hình dạng như chữ "I". Người ta bắt đầu xoay đầu này đầu kia để cố nhìn vào phong cảnh ẩn đằng sau nó. Đó là thân cây hay người đàn bà đang đi, tôi không rõ lắm. Xoay trở cách nào người ta cũng bị réo gọi về chữ "I". Người ta bắt đầu chán chữ "I". Không phải chữ "I" trang trọng, lương thiện và hợp lí; không phải chữ "I" cứng như vỏ hạt dẻ và được lau chùi bóng loáng hàng thế kỷ nhờ giáo dục và bồi bổ tốt. Tôi thật lòng kính phục, khâm phục chữ "I" đó lắm. Nhưng - đến đây, tôi lật một hai trang nữa, tìm kiếm cái gì đó - điều tệ nhất là bên dưới cái bóng của chữ "I", tất cả đều như sương mù, không hình thể. Đấy là thân cây ư? Không, đấy là người đàn bà. Nhưng... cô không có khúc xương nào trong cơ thể, tôi nghĩ

trong lúc quan sát Phoebe, bởi đó là tên cô, đi trên bờ biển. Thế rồi, Alan đứng dậy và cái bóng của Alan xóa mờ hình ảnh Phoebe ngay tức khắc. Bởi Alan có những quan điểm này nọ và Phoebe bị chìm dưới con lũ những quan điểm đó. Và rồi tôi nghĩ Alan có những tình cảm nồng nàn; chỗ này, tôi lật thật nhanh hết trang này sang trang khác, tôi có cảm tưởng sự khủng hoảng đang đến gần, và nó thật sự xảy ra. Nó xảy ra trên bờ biển, dưới ánh mặt trời. Ngòi bút không che đậy, giấu giếm điều gì. Ngòi bút viết về nó thật bạo liệt. Chẳng có gì có thể sỗ sàng, khiếm nhã hơn. Nhưng... tôi dùng chữ “nhưng” hơi nhiều. Người ta chẳng thể nào cứ nói “nhưng” mãi. Bằng cách nào đó, người ta phải viết xong câu văn chứ, tôi tự khiển trách mình như thế. Tôi có nên viết cho xong không? “Nhưng - tôi thấy chán!” Nhưng tại sao tôi lại chán? Một phần bởi sự bao trùm của chữ “I” và sự khô khan, vô vị như cây dẻ khổng lồ phủ trùm mọi thứ khác trong bóng đen của nó. Không thứ gì có thể mọc lên ở đó. Và phần khác bởi những lí do không hiển nhiên. Hình như trong đầu ông A có cái gì cản trở, không cho bầu năng lượng sáng tạo bùng lên, nó bị chặn bên trong những giới hạn hẹp hòi. Và nhớ lại bữa tiệc trưa tại Oxbridge, tàn thuốc lá và chú mèo cụt đuôi, Tennyson và Christina Rossetti, tất cả tụ lại, rất có thể điều ngăn trở nằm ở nơi đó. Bởi anh không còn thì thầm với cô câu *“Lăn xuống giọt nước mắt tuyệt mỹ, Từ công hoa nồng nàn”*, nên khi Phoebe bước xuống bờ biển, cô không đáp lại anh với câu nói *“Lòng tôi như con chim đang hát, Tổ nó trên máng nước”*; khi Alan đến gần, anh phải làm gì? vốn chân thật như ban ngày và hợp quy luật như mặt trời, anh chỉ có thể làm được một chuyện. Đó là chuyện anh làm, anh làm cho công lí của chính anh, và cứ thế (tôi vừa nói vừa lật trang sách) anh lặp đi lặp lại. Tôi nói thêm, nhận thức về bản chất đáng sợ của sự thú tội xem ra có phần tẻ nhạt. Cái khiếm nhã của Shakespeare bật lên cả nghìn thứ khác trong trí tưởng và nó chẳng tẻ nhạt tí nào. Nhưng Shakespeare làm thế chỉ để mua vui; trong khi ông A làm có mục đích. Mục đích của ông là phản đối. Ông đang chống đối sự bình đẳng nam nữ bằng cách khẳng định sự vượt trội của chính mình. Bởi thế, ông bị ngăn

trở, bị chặn đứng và ý thức về bản thân của ông chắc y như Shakespeare nếu Shakespeare cũng biết các cô Clough và Davies. Văn học thời Elizabeth chắc khác lạ lắm nếu phong trào nữ quyền khởi đi từ thế kỷ XVI thay vì XIX.

Và nếu giả thuyết khối óc hai mặt này đúng thì điều đó có nghĩa là cái nam tính mạnh mẽ kia giờ đây biến thành ý thức về bản thân mất rồi - tức là, đàn ông ngày nay viết văn chỉ với phần nam trong bộ óc họ mà thôi. Thật sai lầm nếu đàn bà đọc sách của phái nam, bởi tất nhiên chị sẽ chẳng bao giờ tìm thấy điều chị muốn tìm. Cái người ta tiếc nuối nhất là khả năng gợi mở, tôi nghĩ thế trong lúc cầm lên cuốn sách của nhà phê bình B, đọc nó với sự thận trọng và kính cẩn tối đa, đó là những lời bình phẩm của ông về nghệ thuật thi ca. Rất cao cấp, rất sắc bén và đầy trí tuệ; nhưng vấn đề là những cảm xúc của ông không còn khả năng truyền đạt nữa; trí óc ông hình như bị chia thành nhiều phần, mỗi phần trong một gian phòng; và không có sự truyền thanh từ phòng này sang phòng kia. Do đó, khi người ta cầm lên câu văn của ông B để đưa vào trí não mình, nó rơi đánh bịch xuống mặt đất - chết cứng; nhưng khi người ta cầm lên câu văn của Coleridge để cài vào trí não mình, nó bùng nổ và sản sinh không biết bao nhiêu ý tưởng khác, đó là thứ văn chương duy nhất người ta có thể bảo nó sở hữu bí ẩn của sự sống vĩnh cửu.

Nhưng đâu lí do là gì chẳng nữa, nó là sự kiện đáng buồn. Bởi điều đó có nghĩa là - đến đây tôi đến bên dãy sách của hai ông Galsworthy^[89] và Kipling^[90] - có những tác phẩm hay nhất viết bởi những nhà văn lớn nhất của chúng ta lại rơi vào khoảng chân không vô định. Với đàn bà, dù cố gắng cách nào chẳng nữa, chị vẫn không tìm ra suối nguồn của sự sống vĩnh cửu mà các nhà phê bình đảm bảo với chị nó có hiện hữu ở đấy. Chẳng phải bởi nó chỉ ngợi ca những mẫu mực đạo đức của phái nam, chẳng phải bởi nó bắt người ta tuân thủ giá trị của phái nam và miêu tả thế giới phái nam; mà chính cái cảm xúc những cuốn sách này tìm cách thâm thấu, với người đàn bà, là cái gì không hiểu nổi. Nó đang đến, đang tụ hội,

sắp sửa bùng nổ trong đầu người ta, và nó vội vàng nói ra quá sớm trước khi đến đoạn kết. Hình ảnh đó rơi xuống đầu ông già Jolyon; già sẽ chết vì sốc; lão thư kí già phát biểu đôi ba câu tang điệu chia buồn trên xác ông; tất cả thiên nga sống trên sông Thames đồng thanh cất tiếng hát vang. Nhưng trước khi chuyện đó xảy ra, người ta đã vội vàng chạy nấp sau bụi hoa phúc bồn tử mất rồi, bởi cái cảm xúc thật sâu, thật tinh tế, thật biểu trưng đối với đàn ông chỉ khiến đàn bà bần khoản nghĩ ngợi. Đó là những sĩ quan của Kipling, Lung họ đưa ra; những tay thợ Cây gieo Hạt Giống; những người Đàn Ông âm thầm Làm Lụng; và lá Cờ - người ta chắc đến đỏ mặt xấu hổ với tất cả những chữ viết hoa này thôi, như thể bị bắt gặp quả tang nhìn trộm đám đàn ông chè chén say sưa, dâm ô đồi bại. Sự thật là cả Galsworthy lẫn Kipling đều không có tí nào chất đàn bà trong trí óc. Do đó, tất cả những đặc tính của họ đối với đàn bà, nếu người ta có thể tổng quát hóa, đều có vẻ thô sơ và non yếu. Nó thiếu hẳn khả lực gợi mở. Và khi cuốn sách thiếu khả lực gợi mở thì cho dù nó đánh vào bề mặt trí óc mạnh bạo đến đâu chăng nữa, cũng sẽ chẳng bao giờ có khả năng thâm nhập vào bề sâu.

Và trong tâm trạng đứng ngồi không yên, lấy sách ra rồi lại cất vào mà chẳng buồn ghé mắt đọc, tôi bắt đầu hình dung ra thời đại trong đó phái nam độc chiếm và thao túng toàn diện, như văn chương các vị giáo sư (thí dụ Sir Walter Raleigh) báo trước, và nó quả đã trở thành hiện thực dưới sự lãnh đạo của các nhà cai trị Ý. Người ta không thể không rung động bởi bầu khí cuốn trong đó đàn ông giữ thế chủ động toàn diện ở Roma; và bất kì ích lợi nào do tình trạng này đem đến cho nhà nước, người ta vẫn có thể đặt ra nghi vấn về tác động của nó đến nghệ thuật thi ca. Dầu là gì chẳng nữa, theo tin tức đăng trên báo chí, có sự quan ngại về tương lai văn học Ý. Các nhà hàn lâm đã họp nhau lại với chủ đề "tìm ra đường lối phát triển tiểu thuyết Ý". "Các nhân sĩ tiếng tăm, hoặc sinh trưởng từ các gia đình quyền thế, hoặc trong giới tài chính, công kĩ nghệ, hoặc trong các tập đoàn Phátxít", hôm kia đã quy tụ lại trong buổi

họp và thảo luận vấn đề này; sau buổi họp, họ gửi công văn hỏa tốc lên nhà lãnh đạo đất nước bày tỏ hi vọng “kỉ nguyên Phátxít chẳng bao lâu nữa sẽ sản sinh những thi sĩ sáng giá, xứng tầm thời đại”. Tất cả chúng ta có thể cùng nhau chia sẻ niềm hi vọng thành kính đó, nhưng thơ ca từ cái lò ấp trứng chui ra ư, điều đó đáng ngờ lắm. Thơ phải có mẹ, có cha. Người ta sợ thơ Phátxít sẽ là cái quái thai kinh khiếp như người ta thấy nó nằm trong bình thủy tinh trong viện bảo tàng ở tỉnh lẻ. Người ta bảo những con quái vật như thế chẳng bao giờ sống lâu; chẳng ai thấy bao giờ thần đồng loại đó cất cỏ ngoài đồng ruộng. Một thân xác mà có đến hai cái đầu, nó sẽ chẳng đi đến đâu trong cuộc sống này.

Tuy thế, nếu người ta nóng lòng muốn đổ lỗi cho ai đấy thì lỗi lầm gây nên tất cả những cảnh huống này không thuộc về riêng giới phái nào. Tất cả những kẻ xu phụ và kẻ muốn cải cách đều chịu trách nhiệm như nhau: lỗi ở Lady Bessborough khi bà nói dối Lord Granville; ở cô Davies khi cô nói thật với ông Greg. Lỗi ở tất cả những ai đưa đến tình trạng tự ý thức về giới phái, và họ chính là lí do khiến tôi phải vận dụng mọi tinh lực đọc sách, và tìm hiểu trong thời đại vui sướng đó, thời đại trước khi các cô Davies và Clough ra đời, khi nào thì nhà văn sử dụng quân bình cả hai mặt nam - nữ trong trí óc mình. Người ta đành quay về với Shakespeare thôi bởi Shakespeare là kẻ lưỡng tính và Keats, Sterne, Cowper, Lamb và Coleridge cũng thế. Shelley có lẽ phi giới tính. Milton và Ben Jonson hơi nhiều chất nam tính. Wordsworth và Tolstoi cũng vậy. Ở thời chúng ta, Proust là người hoàn toàn lưỡng tính nếu không muốn nói hơi nhiều chất nữ tính. Nhưng khuyết điểm đó quả là hiếm hoi để người ta phải lên tiếng phàn nàn, bởi nếu không có sự pha trộn giữa nhiều tính cách khác nhau, trí tuệ về như có phần lẫn lộn và các năng lực tinh thần khác trở nên cứng nhắc, thui chột dần. Tuy nhiên, tôi tự an ủi mình với ý nghĩ đây có lẽ chỉ là giai đoạn chuyển tiếp; tôi cố giữ lời hứa của mình, đó là tôi sẽ chia sẻ với các bạn những ý nghĩ của tôi trong lúc này, tuy nhiên đa phần những gì tôi nói lại có vẻ

như đã cũ, không hợp thời; ánh lửa trong mắt tôi dường như chỉ là cái gì mù mờ tăm tối đối với các bạn trẻ chưa đến tuổi trưởng thành.

Ngay cả thế, câu văn đầu tiên tôi viết ra đây, tôi nói trong lúc bước sang bàn viết và cầm lên trang giấy có tiêu đề Phụ nữ và Văn học, là bất cứ ai cầm bút mà còn nghĩ đến giới tính của mình thì kẻ đó sẽ vấp phải sai lầm vô cùng tai hại. Tai hại nếu chỉ đơn thuần và giản dị là đàn ông hoặc đàn bà; người ta bắt buộc phải có nữ - nam tính hoặc nam - nữ tính trong cách nghĩ. Tai hại nếu người đàn bà chỉ thổ lộ nỗi khổ của mình bằng những lời trách cứ nhẹ nhàng; tai hại nếu bà biện hộ cho bất kì chính nghĩa nào ngay cả khi điều đó phù hợp với công lí; tai hại nếu ý thức khiến bà nói chuyện, bất kể bằng cung cách nào, như một người đàn bà. Và tai hại nếu không có hình tượng trong ngôn từ; bởi bất cứ thứ gì viết ra với sự thiên lệch có chủ ý đều sẽ chết ngúm. Nó ngưng thụ hình. Xuất chúng và có hiệu quả, mạnh mẽ và tài tình, nó có thể hiện hữu một hai hôm nhưng rồi lập tức héo tàn khi màn đêm buông xuống; nó không thể lớn lên bên trong trí não của người khác. Phải có sự hợp tác nào đó trong trí tưởng giữa đàn ông và đàn bà trước khi sự sáng tạo nghệ thuật có thể hoàn thành. Phải hoàn tất cuộc hôn phối giữa hai tác thể đối nghịch. Toàn bộ trí não phải rộng mở nếu chúng ta muốn có cảm giác nhà văn đang truyền đạt trọn vẹn tư tưởng và trải nghiệm của mình. Phải có tự do, phải có thanh bình. Bánh xe không được cọt kẹt, không cả ngọn đèn le lói. Màn cửa phải buông xuống. Nhà văn, sau khi hoàn tất tác phẩm, phải nằm ngả ra để đầu óc mình ăn mừng cuộc hôn phối trong bóng tối. Hắn không được ngắm nhìn hay hỏi han cái đang thành hình. Thay vào đó, hắn chỉ nên đi ngắt một cánh hoa hồng hoặc nhìn ngắm đàn thiên nga trôi bình thản dưới dòng sông. Và trước mắt tôi lại hiện ra hình ảnh cậu sinh viên chèo thuyền cùng đám lá vàng; và chiếc tắc xi chờ cặp tình nhân, tôi nghĩ thế trong lúc nhìn họ gặp nhau trên phố và con nước cuốn họ trôi đi, tiếng xe cộ dưới lòng đường phố London từ xa rền rĩ vọng lại, quện lẫn vào dòng chảy dữ dội đó.

Thế rồi, đến đây, Mary Beton ngừng nói. Chị bảo các bạn bằng cách nào chị đi đến kết luận - cái kết luận tầm thường - là nếu bạn muốn viết văn hoặc làm thơ bạn cần có năm trăm bảng mỗi năm và căn phòng riêng cánh cửa có khóa. Chị cố phơi bày mọi suy tưởng và ấn tượng dẫn chị đi đến ý nghĩ này. Chị kêu gọi các bạn đi theo bước chân của chị, bay vào vòng tay ông giám thị trường, ăn trưa nơi này, ăn tối chỗ kia, vẽ tranh ở Viện Bảo tàng Anh quốc, lấy sách trên kệ xuống đọc, nhìn ra ngoài cửa sổ. Trong lúc chị làm những việc này, hiển nhiên các bạn quan sát và nhìn ra những thất bại cùng nhược điểm của chị, các bạn phán xét tác động nào ảnh hưởng đến quan điểm của chị. Hẳn các bạn phải có những ý nghĩ tương phản với chị và các bạn tùy tiện thêm bớt chỗ này, chỗ kia những gì tốt cho các bạn. Đó là điều nên làm bởi từ câu hỏi như thế, chúng ta chỉ có thể tìm ra chân lí bằng cách gom lại nhiều sai lầm khác nhau. Và bây giờ, tôi sẽ kết thúc bằng cách đưa ra hai lời tiên đoán, đó là những gì hiển nhiên đến nỗi nếu các bạn đưa ra thì cũng không mấy khó khăn.

Các bạn có thể nói vẫn chưa thấy quan điểm nào được đưa ra để so sánh thực chất giữa hai giới phái cầm bút, nam và nữ. Đó là điều cố ý, bởi ngay cả đã đến lúc phải thực hiện việc đánh giá đó - nhưng vào lúc này, chuyện người đàn bà có bao nhiêu tiền, có phòng riêng hay không, quan trọng hơn nhiều so với chuyện đưa ra giả thuyết này nọ về khả năng của họ - tôi cũng không tin người ta có thể cân đong tài năng thiên phú, dù nó là trí tuệ hay tính cách, như cân túi đường hay miếng bơ, ngay cả Cambridge, nơi người ta rất thành thạo trong việc đưa người vào lớp học, đội mũ kết lên đầu và ghim bảng tên lên ngực, cũng không thể làm nổi. Tôi cũng không tin Bảng thứ bậc mà các bạn tìm thấy trong sách niên lịch của Whilaker là biểu trưng cho trật tự cuối cùng của bậc thang giá trị. Tất cả những xung đột giữa giới phái này với giới phái kia, giữa những giá trị của hai bên; tất cả những hành vi tự nhận mình là vượt trội còn kẻ kia thua kém, tất cả chẳng qua chỉ là cái gì thuộc về giai đoạn "Trường

tư” trong tiến trình hiện hữu của con người, giai đoạn những “phe phái” vẫn tồn tại và “phe” này cần phải dẹp tan “phe” kia, với họ điều tối quan trọng là bước lên sân khấu, giơ tay nhận cái cúp chạm tro hoa mĩ do chính tay ông hiệu trưởng trao tặng. Khi con người trưởng thành hơn, họ hết tin tưởng vào phe phái, vào ông hiệu trưởng hoặc cái cúp chạm tro hoa mĩ. Dù sao, khi nói đến sách vở, dán cái nhãn hiệu thực chất lên cuốn sách để cái nhãn không rơi ra là việc làm thật khó khăn. Phải chăng nền phê bình văn học đương đại là minh họa vô tận cho sự khó khăn này? “Cuốn sách này tuyệt hay”, “cuốn sách này thật vô bổ”, cùng cuốn sách có hai tên gọi khác nhau. Ca ngợi hoặc chê bai đều chẳng có ý nghĩa gì. Không, phê bình là trò tiêu khiển vui thích đấy, nhưng nó là cái nghề vô dụng nhất, và nhà phê bình là kẻ có sẵn thái độ và tư tưởng nô dịch, tôi đòi nhất. Điều quan trọng là khi cầm bút bạn viết điều bạn muốn viết, ngoài ra chẳng có gì khác; nó sẽ hệ trọng từ thời đại này sang thời đại khác hay chỉ trong vài giờ? Chẳng ai nói được. Nhưng hi sinh một sợi tóc, một mảng màu trong cái nhìn của bạn chỉ để tỏ lòng ngưỡng mộ ông hiệu trưởng nào đó với cái cúp bạc trên tay hoặc ông giáo sư với cái thước đo là hành vi phản bội hèn hạ và đáng khinh nhất. Người ta bảo tai họa lớn nhất có thể xảy ra với con người là sự hi sinh tiền của và lòng trinh bạch, nhưng nếu đem so với sự hi sinh trên của bạn thì nó chỉ là nốt muỗi đốt. Tiếp theo, tôi nghĩ các bạn có thể phản đối tôi đã chú trọng quá nhiều đến vật chất qua những biện luận của mình. Ngay cả nếu tôi dành ra sai sót đáng kể cho những biểu tượng, năm trăm bảng mỗi năm tượng trưng cho năng lực suy nghiệm, cái khóa cửa tượng trưng cho năng lực tự vận dụng trí óc, thì các bạn vẫn có thể bảo tôi rằng trí óc con người nên ở trên những điều vụn vặt, tầm thường đó; và các thi sĩ vĩ đại nhất thường là những người nghèo khó. Các bạn hãy cho tôi trích dẫn lời của chính giáo sư văn chương của chúng ta, người hiểu biết hơn tôi nhiều về cái gì làm nên nhà thơ. Sir Arthur Quiller-Couch^[91] viết như sau:

“Những thi sĩ lớn trên dưới một trăm năm qua là những ai? Coleridge, Wordsworth, Byron, Shelley, Landor, Keats, Tennyson, Browning, Arnold, Morris, Rossetti, Swinburne - chúng ta có thể ngưng ở đây. Tất cả những thi sĩ này, ngoại trừ Keats, Browning và Rossetti, còn lại đều là người của trường ốc; và trong số ba người không có giáo dục đại học này, Keats chết trẻ, sự nghiệp đứt đoạn khi đang ở đỉnh cao và là người duy nhất không giàu có. Nói ra điều này nghe có vẻ tàn ác, thậm chí buồn bã: giả thuyết cho rằng thiên tài thi ca nở rộ bất kì nơi nào nó muốn và có sự bình đẳng giữa người giàu kẻ nghèo, quả tình không đứng vững mấy. Sự thật là, trong số mười hai người kể trên thì chín người có trình độ đại học, nghĩa là bằng cách này hay cách khác, họ hưởng chế độ giáo dục tốt nhất mà nước Anh có thể cung cấp. Sự thật là, trong số ba người còn lại, chắc bạn biết Browning là người giàu có, và tôi thách bạn điều này, giả sử ông không có tiền của, chưa chắc ông đã viết nổi những tác phẩm như *Saul* hoặc *Chiếc nhẫn và quyển sách*, cũng như Ruskin chẳng thể nào viết nổi *Những họa sĩ hiện đại* nếu cha ông không buôn bán phát đạt. Rossetti có riêng nguồn thu nhập nhỏ; và, thêm nữa, ông vẽ tranh. Chỉ còn lại Keats, người bị Atropos giết chết khi còn trẻ, cũng như John Clare chết trong ngôi nhà điên, và James Thomson chết vì thuốc phiện. Đây là những sự kiện khiếp đảm, những chúng ta hãy đối diện với chúng. Có thể, nó làm nhục quốc thể, những điều chắc chắn là do sai lầm nào đó trong khối cộng đồng chung của chúng ta, một thi sĩ nghèo sống giữa thời đại này hay đến hai trăm năm nữa cũng chẳng bao giờ có cơ hội ngóc đầu lên nổi. Hãy đồng ý, tại sao bà quá coi trọng chuyện đàn bà viết sách, trong khi theo bà, nó đòi hỏi biết bao nỗ lực, suýt nữa gây án mạng giết bà dì, nửa buổi mới có mặt tại bữa tiệc trưa, và gây hấn trầm trọng với những nhân vật khả kính? Hãy cho tôi thú nhận một điều, nguyên có một phần bởi tôi vị kỉ. Như hầu hết những người đàn bà Anh không được giáo dục khác, tôi mê đọc sách - tôi đọc cả đồng sách. Gần đây, “thực đơn” ưa thích của tôi là những cuốn tầm phào buồn tẻ; sách lịch sử nói quá nhiều về chiến tranh; sách tiểu sử

toàn ca tụng các đấng mây râu; thi ca thì tôi nghĩ bộc lộ xu hướng cạn kiệt, và tiểu thuyết - nhưng tôi đã lộ chân tướng là kẻ không có khả năng phê bình tiểu thuyết hiện đại và tôi sẽ không nói gì thêm về nó. Vì thế, tôi yêu cầu các bạn cứ việc viết đủ loại sách, không ngại ngần trước bất cứ đề tài nào cho dù nó tầm thường hoặc rộng lớn đến đâu chẳng nữa. Không bằng cách này thì bằng cách khác, tôi hi vọng các bạn có tiền đi du lịch, không phải làm gì cả, chỉ ngồi suy ngẫm về tương lai hay quá khứ của thế giới này, mơ tưởng về sách vở, và thơ thần nơi góc đường, buông thả dòng tư tưởng chìm xuống thật sâu dưới dòng nước. Bởi, tôi không hề có ý muốn ép buộc các bạn phải đi vào con đường sáng tác văn chương. Tôi sẽ vui thích lắm - và có hàng nghìn người như tôi - nếu các bạn viết sách về du lịch hay truyện kí phiêu lưu, bạn cũng có thể viết sách chuyên đề hoặc khảo cứu, lịch sử, tiểu sử, phê bình, triết học, khoa học. Chắc chắn, các bạn sẽ góp phần vun xới làm tốt đẹp thêm cho nghệ thuật văn chương. Vì sách vở luôn tác động, hỗ trợ lẫn nhau. Tiểu thuyết sẽ tốt đẹp hơn nhiều nếu đứng kề vai sát cánh với thi ca và triết học. Hơn nữa, nếu nhìn lại bất kì tên tuổi lẫy lừng nào trong quá khứ, Sappho^[92], Lady Murasaki^[93], Emily Brontë, các bạn sẽ thấy một điều rằng họ vừa là người kể tục vừa là người khôi đầu, họ được nhìn nhận vì họ có thói quen viết tự nhiên; bởi thế, thậm chí chỉ là khúc dạo đầu cho thơ, những thao tác như thế của các bạn quả là vô giá.

Nhưng khi xem lại những ghi chép này và tự phê phán những suy nghiệm của chính mình, tôi thấy nguyên có không hẳn chỉ là sự vị kỉ của tôi. Từ những lời bình phẩm và suy luận này nảy sinh ra niềm tin tưởng - hay đó là bản năng? - là người ta vẫn ưa chuộng sách hay và nhà văn tốt lành, ngay cả nếu có phơi bày tất cả những sự đồi bại, trụy lạc của nhân loại thì họ vẫn là những con người tốt đẹp. Do đó, khi kêu gọi các bạn viết sách, tôi khuyến khích các bạn làm cái gì đó tốt đẹp cho chính bản thân và cho thế giới nói chung. Tôi không biết làm thế nào biện minh cho bản năng hoặc lòng tin

này, bởi nếu người ta không được giáo dục từ trường đại học, những thuật ngữ triết học dễ khiến người ta phạm phải sai lầm. Từ “hiện thực” có ý nghĩa gì? Nó là cái gì rất không đáng tin cậy, rất bấp bênh - lúc thấy nó trên con đường bụi bặm, lúc thấy nó trên mảnh báo ngoài đường phố, lúc nó lại nằm trên cây thủy tiên tắm ánh nắng mặt trời. Nó soi tỏ nhóm người trong gian phòng và đóng dấu lời nói ngẫu nhiên nào đó. Nó khiến người ta choáng ngợp trong lúc đi bộ về nhà dưới những vì sao, nó khiến thế giới của sự im lặng tồn tại thật hơn cả thế giới của tiếng nói - và rồi nó lại hiện ra là chiếc xe buýt gầm rú giữa quảng trường Pacadilly. Thi thoảng, nó trú ngụ dưới dạng thể thật xa vời khiến chúng ta không rõ bản chất của nó là gì. Nhưng va chạm vào cái gì, nó biến cái đó thành cố định, vĩnh viễn. Nó là cái còn lại khi người ta ném phần bì vỏ bên ngoài trong ngày qua bờ giậu; nó là cái gì còn lại của dĩ vãng, của tình yêu và lòng oán ghét. Tôi nghĩ nhà văn, hơn ai hết, là kẻ có cơ hội sống với hiện thực này. Công việc của hắn là đi tìm, nhặt nhạnh và truyền đạt nó đến tất cả chúng ta. Do đó, chí ít, tôi có thể có những suy luận riêng sau khi đọc *Lear*, *Emma* hoặc *Đi tìm thời gian đã mất*. Những tác phẩm này để lại trong tâm khảm người ta những cảm giác lạ lùng; người ta nhìn thấy sự vật mãnh liệt, dữ dội hơn sau khi đọc; cánh cửa thế giới dường như mở toang và cuộc sống trong đó như mãnh liệt thêm lên. Đó là những con người nhiều tị hiềm sống trong thù hằn, xa cách hiện thực; và đó là những con người đáng thương bị bỏ xuống đầu những điều họ không hay biết, mà cũng chẳng để tâm. Vì thế, khi tôi khuyên các bạn kiếm tiền và có căn phòng riêng, thật ra là tôi khuyên các bạn nên sống với hiện thực, một đời sống tràn đầy sinh lực, cho dù các bạn có thể chia sẻ nó với người khác hay không.

Đến đây tôi kết thúc bài nói chuyện, nhưng quy định như một cái lệ bắt buộc bài diễn văn nào cũng phải chấm dứt với phần kết luận. Và phần kết bài diễn văn với cử tọa toàn phụ nữ, các bạn sẽ đồng ý, phải đặc biệt có cái gì đó ngụ tình thần tán dương và khiến nó trở nên cao quý. Lẽ ra, tôi phải thành khẩn xin các bạn hãy nhớ lấy trách

nhiệm của mình, cao hơn thế là hãy nâng tinh thần lên; lẽ ra, tôi phải nhắc nhở các bạn là có rất nhiều điều đang phụ thuộc vào các bạn, và sự ảnh hưởng nào các bạn có thể đem đến cho tương lai. Thế nhưng, tất cả những lời nói đầy tinh thần khích lệ đó, tôi nghĩ có thể yên tâm để giới phái kia đưa ra, họ có tài hùng biện hơn tôi nhiều, và quả thật họ đã nói.

Trong khi lục lợi tâm trí, tìm kiếm đáp án cho câu hỏi các bạn đưa ra, tôi không thấy tình cảm cao quý nào về các ý niệm như trở nên bình đẳng, biến thành bạn đồng hành, hoặc tác động lên thế giới để đạt đến những kết cục tốt đẹp hơn. Tôi thấy mình phát biểu rất ngắn gọn và chẳng có gì văn vở, hay ho, rằng bạn hãy là chính mình, và điều này trọng đại hơn bất kì cái gì khác. Đừng bao giờ nghĩ đến chuyện chịu ảnh hưởng người khác, có thể tôi nói hay hơn thế nếu tôi biết cách cài vào nó âm điệu phấn khích. Hãy nghĩ đến chính bản thân sự vật mà thôi.

Và một lần nữa, tôi lại xin nhắc nhở các bạn bằng cách nhúng tay vào báo chí, tiểu thuyết, tiểu sử để thấy rằng khi đàn bà đối thoại với nhau, chỉ có thể có những ngôn từ khó nghe. Đàn bà với nhau thường gây khó dễ cho nhau. Đàn bà không ưa đàn bà. Đàn bà - các bạn chưa chán ngấy từ ngữ đó ư? Tôi quả quyết với các bạn là tôi chán nó lắm. Vì thế, chúng ta hãy đồng ý là bài nói chuyện đọc bởi người đàn bà trước một cử tọa đàn bà sẽ phải kết thúc với những quan điểm dị biệt, bất đồng.

Nhưng nó diễn tiến như thế nào? Tôi có thể nghĩ về điều gì? Sự thật là bình thường tôi thích đàn bà. Tôi thích cái bất quy tắc của họ. Tôi thích cái tinh tế của họ. Tôi thích cái nặc danh của họ. Tôi thích - nhưng tôi không được phép nói lan man như thế này. Cái tử đảng kia, - các bạn bảo nó chỉ đựng khăn bàn sạch; nhưng nếu Sir Archibald Bodkin^[94] núp trong đó thì sao? Hãy cho tôi nói với giọng điệu nghiêm chỉnh hơn. Có phải ở những phần trước tôi đã gửi đầy đủ đến các bạn những lời cảnh báo và bài xích kịch liệt của thế gian?

Tôi bảo các bạn ông Oscar Browning có quan điểm rất thấp kém về các bạn. Tôi cũng chỉ ra Napoleon thời trước nghĩ gì về các bạn và hiện nay Mussolini nghĩ gì. Thế rồi, với những ai trong các bạn có hoài bão đi vào con đường văn học, vì lợi ích của các bạn, tôi cũng chép ra lời khuyến cáo của nhà phê bình khăng định đàn bà thua kém đàn ông. Tôi trích lời giáo sư X và chỉ rõ câu nói của ông rằng về mặt trí tuệ, đạo đức và thể xác thì đàn bà đều thua kém đàn ông. Tôi không cần tra vấn, tìm kiếm những câu nói đó, chúng tự nhiên tìm đến rơi vào tay tôi, và đây là lời cảnh báo cuối cùng của ông John Langdon Davies^[95]. Ông John Langdon Davies tuyên bố là “một khi trẻ con không còn được yêu thích đón nhận nữa thì không cần thiết phải có đàn bà”. Tôi hi vọng các bạn ghi xuống và nhớ lấy điều này.

Làm cách nào tôi có thể khuyến khích các bạn dẫn thân vào đời sống hơn nữa? Hỡi những thiếu nữ, xin lắng nghe tôi nói, bởi đoạn kết mới là sự khởi đầu, theo quan điểm của tôi, các bạn là những kẻ ngu dốt, ngu dốt một cách nhục nhã. Các bạn chưa bao giờ khám phá ra cái gì trọng đại. Các bạn chưa bao giờ làm lay chuyển một đế quốc hoặc cầm quân trên mặt trận. Các bạn không viết những vở kịch của Shakespeare, và chưa bao giờ các bạn đem ánh sáng văn minh đến với những dân tộc mọi rợ. Các bạn bào chữa như thế nào cho điều này? Các bạn bảo chúng tôi bận rộn với biết bao công việc khác, các bạn nói như thế trong lúc giờ ngón trở chỉ ra đường phố, quảng trường, rừng trắng của quả địa cầu nhưng nhúc nhúc những cư dân da trắng, da đen, da nâu, tất cả đang hấp tấp chen lấn nhau qua lại, tất bật kiếm kế mưu sinh và hối hả làm tình. Nếu không có chúng tôi chu toàn những công việc đó thì sẽ không có người vượt đại dương đi chinh phục thế giới và những miền đất màu mỡ đó vẫn là hoang đảo. Theo con số thống kê, chúng tôi sinh ra, nuôi nấng, tắm rửa và dạy dỗ, có lẽ cho đến năm lên sáu lên bảy, một tỉ sáu trăm hai mươi ba triệu con người và điều đó dù được giúp đỡ, vẫn mất nhiều thời gian.

Điều các bạn nói có phần đúng đắn - tôi không hoàn toàn phủ nhận. Nhưng cùng lúc tôi mạn phép nhắc nhở các bạn là ở Anh quốc có ít nhất hai trường đại học dành riêng cho phụ nữ mở từ năm 1866; từ năm 1880 trở đi, người đàn bà có chồng được luật pháp cho phép làm chủ tài sản riêng; và năm 1919 - cách đây đúng chín năm - đàn bà được quyền bầu cử. Tôi cũng xin nhắc nhở các bạn là hầu hết những nghề nghiệp mở ra con đường mới cho các bạn đã xảy ra cách đây mười năm. Khi các bạn suy ngẫm về những đặc ân to tát này và khoảng thời gian các bạn có nó trong tay, thêm thực tế là giữa giờ phút này, có chí ít trên hai nghìn người đàn bà kiếm được trên năm trăm bảng mỗi năm, bằng cách này hay cách khác. Với những sự kiện đó, các bạn sẽ phải đồng ý là những lí do như không có cơ hội, không được đào tạo, không được khuyến khích, thiếu thốn tiền bạc, không có thời gian đều là những lí do không đứng vững. Thêm nữa, các nhà kinh tế học cũng cho chúng ta thông tin là bà Seton có quá nhiều con. Dĩ nhiên, các bạn sẽ phải sinh con, nhưng như họ nói, các bạn chỉ nên có chừng hai ba đứa thôi chứ đừng đẻ mười, mười hai đứa làm gì.

Vì vậy, với thời gian có trong tay và với kiến thức học được từ sách vở - các kiến thức khác chắc các bạn không thiếu, bởi lí do các bạn đến trường đại học là để được giáo dục - chắc chắn các bạn sẽ dẫn thân vào một chặng đường khác của sự nghiệp rất dài, rất khó nhọc và rất mờ mịt của mình. Cả nghìn ngòi bút đã gợi ý các bạn nên làm gì và vạch ra ảnh hưởng của nó sẽ như thế nào. Riêng tôi, tôi phải thú nhận là đề nghị của tôi có lẽ khá huyễn hoặc, rằng tôi rất muốn các bạn chọn con đường văn học.

Trong lúc trình bày bài nói chuyện này, tôi đã kể các bạn nghe câu chuyện Shakespeare có cô em gái; nhưng tôi không cất công đi tìm kiếm tên cô trong sách tiểu sử các nhà thơ do Sir Sidney Lee^[96] biên soạn làm gì. Cô chết trẻ lắm - thương thay, và cô chưa bao giờ viết một chữ nào. Mộ cô nằm nơi trạm xe buýt bây giờ, đối diện khu Elephant và Castle. Tôi tin là nhà nữ thi sĩ chưa bao giờ viết một chữ

nào và thân xác chôn nơi ngã tư đường cái đó vẫn còn sống. Cô sống trong tôi, trong các bạn, và trong nhiều phụ nữ khác không có mặt ở đây tối nay, bởi họ phải lo rửa bát đĩa và ru con ngủ. Nhưng cô vẫn sống; bởi những thi sĩ lớn không chết; họ tiếp tục hiện hữu mãi; chỉ cần có cơ hội là họ trở thành xương thịt đi đứng giữa chúng ta. Tôi nghĩ cơ hội này giờ đây đang đến trong tầm tay các bạn. Bởi tôi tin rằng nếu chúng ta sống thêm chừng thế kỷ nữa - tôi đang nói về cuộc đời chung, cuộc đời thật chứ không phải những cuộc đời bé nhỏ riêng lẻ mà chúng ta sống như những cá nhân - và có năm trăm bảng mỗi năm cộng thêm căn phòng riêng; nếu chúng ta có tự do và can đảm viết chính xác những gì chúng ta suy nghĩ; nếu chúng ta thoát khỏi căn phòng khách trong nhà và nhìn thấy nhân loại tiếp xúc với hiện thực, chứ không phải giữa họ với nhau; và bầu trời, cây cối hoặc bất kì thứ gì tươi đẹp; nếu chúng ta vất lại sau lưng con ngoáo ộp của Milton, bởi đã là con người thì không nên che mắt chịu cảnh mù loà; nếu chúng ta đối diện với thực tại, bởi nó là thực tại và không có cánh tay nào cho chúng ta bám víu, chúng ta phải một mình lên đường, quan hệ của chúng ta là quan hệ với thế giới của hiện thực chứ không phải thế giới của đàn ông và đàn bà. Chỉ như thế, cơ hội mới đến và nhà thơ nằm dưới mộ sâu, người em gái của Shakespeare, mới có thể sống dậy. Vẽ lại đời sống cô từ đời sống những người vô danh đi trước, như anh cô làm trước thời của cô, cô sẽ hồi sinh. Chúng ta đừng mong có chuyện cô sống lại và làm thơ nếu chúng ta không chuẩn bị, không có một phần nỗ lực và không có những quyết tâm từ phía chúng ta, bởi đó là điều không thể. Nhưng tôi quả quyết cô sẽ trở lại nếu chúng ta dồn mọi nỗ lực cho cô, và nếu được như thế thì dù trong nghèo khó và tối tăm, nó vẫn là điều đáng giá.

Niên biểu tóm tắt về cuộc đời và tác phẩm của Virginia Woolf

1882

Adeline Virginia Stephen ra đời ngày 25 tháng Một, tại London, con gái Leslie Stephen, một chính khách, nhà phê bình văn học và Julia Duckworth Stephen (Julia Jackson Duckworth, một trong những người tạo dựng nên Nhà xuất bản Duckworth). Cha của Virginia có một người con gái riêng mắc bệnh loạn trí và mẹ của Virginia có ba người con riêng. Họ cùng nhau có thêm bốn người con là: Vanessa, Julian Thoby, Virginia và Adrian. Virginia cùng các anh chị em được bố mẹ dạy tại nhà chứ không đến trường.

1895

Julia Stephen qua đời; Leslie Stephen để tang bà một thời gian dài; Virginia bị chấn động tâm lý dữ dội sau sự kiện này. Stella Duckworth, em gái Julia, thay chị điều hành công việc gia đình của chị, và trì hoãn hôn nhân của bản thân cho đến khi cô cháu gái Vanessa đủ khôn lớn để gánh vác việc nhà.

1897

Stella Duckworth kết hôn, mang bầu và qua đời.

1902

Leslie Stephen được phong tước hiệp sĩ.

1904-1905

Sir Leslie Stephen qua đời năm 1904. Virginia chịu thêm một cơn chấn động tâm lý, cố gắng tự sát bằng cách nhảy qua cửa sổ. Vanessa, Thoby, Virginia và Adrian chuyển tới Bloomsbury. Virginia

xuất bản những tiểu luận đầu tiên và sau đó trở thành người điếm sách thường xuyên cho tờ *Times Literary Supplement*. Bà cũng giảng dạy tại các lớp học buổi tối cho nam nữ công nhân.

1906

Bốn anh chị em Virginia đi du lịch đến Hy Lạp, tại đây Vanessa và Thoby bị ốm; Thoby qua đời ở tuổi 26 vì bệnh thương hàn.

1907

Vanessa Stephen kết hôn với nhà phê bình Clive Bell. Virginia và Adrian ở chung phòng gần gia đình Bell.

1910

Triển lãm hậu-Ấn tượng đầu tiên được một người bạn của Virginia, nhà phê bình và nghiên cứu lịch sử nghệ thuật Roger Fry tổ chức. Virginia sau này đã viết rằng “vào khoảng tháng 12 năm 1910, đặc tính của con người đã thay đổi”. “Nhóm Bloomsbury” được tập hợp dần dần với những thành viên như Lytton Strachey, Roger Fry, Duncan Grant, Desmond MacCarthy, John Maynard Keynes và E. M. Forster.

1912-1915

Virginia Stephen kết hôn với Leonard Woolf vào ngày 10 tháng 8 năm 1912. Bà trải qua cơn trấn động tâm lý thứ ba, kéo dài ba năm liền sau đó. Trong khoảng thời gian này, bà hoàn thành cuốn tiểu thuyết *The Voyage Out* (Chuyến du lịch xa, từng có tên ban đầu là *Melymbrosia*), nhưng việc xuất bản cuốn sách bị dừng lại vì chiến tranh bùng nổ vào ngày 4 tháng 8 năm 1914. Đến năm 1915, cuốn sách được xuất bản bởi người anh cùng mẹ khác cha của Virginia là Gerald Duckworth. Bà bắt đầu viết nhật ký.

1917

Vợ chồng Woolf mua lại một xưởng in và thành lập Nhà xuất bản Hogarth Press. Sau này, đây là nơi xuất bản các tác phẩm của T. S. Eliot, Katherine Mansfield, Freud, Gorky và toàn bộ các tác phẩm của Woolf.

1918

Chiến tranh kết thúc vào ngày 11 tháng 11.

1919

Xuất bản cuốn tiểu thuyết *Night and Day* (Đêm và Ngày), tại Nhà xuất bản của Gerald Duckworth; và tuyển tập các truyện ngắn tại Nhà xuất bản Hogarth Press.

1921

Xuất bản *Monday or Tuesday* (Thứ Hai hay thứ Ba), một truyện vừa, tại Nhà xuất bản Hogarth Press. Từ thời điểm này, tất cả các tác phẩm của bà đều do Nhà Hogarth Press ấn hành.

1922

Xuất bản *Jacob's Room* (Căn phòng của Jacob).

1925

Xuất bản *Mrs Dalloway* (Bà Dalloway) và *The Common Reader* (Người đọc phổ thông), tập các tiểu luận. Nhà xuất bản Hogarth Press chuyển từ Richmond đến London.

1927

Xuất bản *To the Lighthouse* (Về phía ngọn hải đăng).

1928

Xuất bản *Orlando*, một cuốn tiểu thuyết "tiểu sử" về một người bạn của Woolf, Vita Sackville-West.

1929

Xuất bản cuốn tiểu luận dài về nữ quyền, *A Room of One's Own* (Căn phòng riêng).

1931

Xuất bản *The Waves* (Những con sóng).

1932

Xuất bản *The Common Reader: Second Series* (Người đọc phổ thông: Loạt bài thứ hai).

1933

Xuất bản *Flush* (Con phấn khích đột ngột), “tiểu sử” của một người hâm mộ cho Elizabeth Barrett Browning (1806-1861, nữ nhà thơ thời Victoria).

1935

Sản xuất vở *Freshwater* (Nước ngọt), một vở hài kịch ba hồi cho bạn bè.

1937

Xuất bản *The Years* (Những năm tháng). Cháu trai Julian Bell chết trong Nội chiến Tây Ban Nha.

1938

Xuất bản cuốn tiểu luận về hoà bình và nữ quyền, *Three Guineas* (Ba đồng Guinea).

1939

Chiến tranh thế giới lại nổ ra vào ngày 3 tháng 9, vợ chồng Woolf dự định tự sát nếu nước Anh bị xâm chiếm.

1940

Xuất bản *Roger Fry: A Biography* (Roger Fry: Tiểu sử). Hoàn thiện kịch bản vở *Between the Acts* (Giữa những hồi kịch). Trong suốt thời

gian chiến tranh tại Anh, London bị bom đạn phá huỷ.

1941

Trong một cơn chấn động tâm lý, nỗi sợ hãi dâng đầy, Virginia Woolf đã bỏ dây đá vào túi và gieo mình xuống dòng River Ouse vào ngày 28 tháng 3, để lại thư tuyệt mệnh cho chồng và chị gái. Leonard xuất bản một số truyện ngắn, tiểu luận, thư từ cùng nhật ký còn lại của vợ, cùng một vài hồi ký về cuộc sống của hai người.

1960

Leonard Woolf qua đời.

TỦ SÁCH TINH HOA TRI THỨC THẾ GIỚI

Đã xuất bản:

Roland Barthes: *Những huyền thoại*

Gustave le Bon: *Tâm lý học đám đông*

John Dewey: *Dân chủ và giáo dục*

Denis Diderot: *Cháu ông Rameau*

Albert Einstein: *Thế giới như tôi thấy*

Carl Jung: *Thăm dò tiềm thức*

Immanuel Kant: *Phê phán năng lực phán đoán*

Immanuel Kant: *Phê phán lý tính thực hành*

Thomas Kuhn: *Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học*

John Locke: *Khảo luận thứ hai về chính quyền*

François Lyotard: *Hoàn cảnh hậu hiện đại*

John Stuart Mill: *Bàn về tự do*

John Stuart Mill: *Chính thể đại diện*

Plato-Xenophon: *Socrates tự biện*

Plutarque: *Những cuộc đời song hành (tập I)*

Alexis de Tocqueville: *Nền dân trị Mỹ (2 tập)*

Max Weber: *Nền đạo đức Tin lành và Tinh thần của chủ nghĩa tư bản*

Voltaire: *Candide - Chàng Ngây Thơ*

Virginia Woolf: *Căn phòng riêng*

Sắp xuất bản:

John Rawls: *Lý thuyết công bằng*

Claude Lévi - Strauss: *Nhiệt đới buồn*

P. Teilhard de Chardin: *Hiện tượng nhân sinh*

Aristotle: *Chính trị*

Chú thích

[1] Fanny Bumey (1752-1840), nhà văn nữ người Anh, tự học và viết từ sớm, gồm nhiều thể loại: tiểu thuyết, kịch, nhật kí, nội dung tác phẩm hướng đến một câu hỏi lớn là địa vị chính trị của người phụ nữ trong xã hội trọng nam khinh nữ.

[2] Jane Austen (1775-1817), nhà văn nữ người Anh, viết thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết..., nổi tiếng với các nhân vật phụ nữ được gọi là “anh hùng” với sự tự chủ, kiêu hãnh, dám chống đối xã hội phong kiến hà khắc. Tác phẩm nổi tiếng của bà là *Kiêu hãnh và định kiến*.

[3] Ba chị em nhà văn nữ người Anh Charlotte Brontë (1816-1855), Emily Brontë (1818-1848), Anne Brontë (1820-1848), là những phụ nữ dám chống đối định kiến của xã hội để viết văn và để lại những cuốn tiểu thuyết nổi tiếng cho nền văn học Anh như: *Đồi gió hú*, *Jane Eyre*...

[4] Nancy Mitford (1904-1973), nhà văn nữ người Anh, là một trong những gương mặt trẻ sáng chói của xã hội Anh những năm chiến tranh, nổi tiếng với loạt tiểu thuyết viết về giới thượng lưu Anh, Pháp và những cuốn tiểu sử được xuất bản từ sau năm 1945.

[5] Geogre Eliot (1819-1880), nhà văn nữ người Anh, là một trong những tiểu thuyết gia đầu đàn thời Victoria, dùng bút danh nam để chắc chắn tác phẩm của mình được đọc một cách nghiêm túc.

[6] Elizabeth Gaskell (1810-1865), nhà văn nữ người Anh thời Victoria, viết tiểu thuyết và truyện ngắn, là người viết tiểu sử của Charlotte Brontë.

[7] Oxbridge là cái tên hợp nhất của hai trường đại học lâu đời và danh tiếng nhất ở Anh là Oxford và Cambridge xuất phát từ đặc

điểm chung giữa hai trường.

[8] Charles Lamb (1773-1834), nhà văn, nhà phê bình người Anh viết tiểu thuyết cùng chị gái của mình là Mary Lamb (1764 - 1847).

[9] William Makepeace Thackeray (1811-1863), nhà văn Anh, nổi tiếng với những tác phẩm trào phúng, đặc biệt là cuốn *Hội chợ phù hoa*, một bức tranh điển hình về xã hội Anh thế kỷ XIX.

[10] Max Beerbohm (1872 -1936), nhà văn, nhà thơ trào phúng, nhà biếm họa người Anh. Tác phẩm nổi tiếng là những cuốn, *A Christmas Garland* (Vòng hoa Giáng Sinh), *Seven Men* (Bảy người đàn ông), và tiểu thuyết *Zuleika Dobson*.

[11] John Milton (1608-1674), nhà thơ thiên tài người Anh, được đánh giá chỉ đứng sau Shakespear, nổi tiếng với thể trường ca, tiêu biểu là tác phẩm *Thiên đường tìm thấy*.

[12] Tác phẩm của John Milton viết vào năm 1638.

[13] Tác phẩm *The History of Henry Esmond* (Lịch sử của Henry Esmond - 1852), cuốn tiểu thuyết viết theo phong cách thế kỷ XVIII của W. M. Thackeray.

[14] Alfred Tennyson (1809-1892), là một trong những nhà thơ nổi tiếng của Anh, từng được giải thưởng thơ của của Vương quốc Anh, viết thơ dựa trên cái nền của thần thoại cổ.

[15] Christina Rossetti (1830-1894), nhà thơ nữ người Anh, viết nhiều loại thơ khác nhau: thơ lãng mạn, thơ tôn giáo, thơ thiếu nhi.

[16] “Chúng tôi được cho hay là chỉ ít phải quyên 30.000 bảng... Đó không phải là khoản tiền lớn nếu biết tiền này được dùng cho ngôi trường có một không hai trên toàn thế Anh quốc, Ireland và các thuộc địa, và nếu biết quyên những khoản tiền cực lớn cho trường nam sinh viên là chuyện chẳng khó khăn tí nào. Nhưng nếu biết

chẳng mấy ai thật sự muốn đàn bà đi học thì đó là khoản tiền rất lớn.” - Trích Lady Stephen, *Cuộc đời của Emily Davies*.

[17] Đi nhật từng xu một để dành cho việc xây trường, còn các tiện nghi thì phải đợi thôi. - Trích R. Strachey, *Nguyên nhân*.

[18] Jane de La Bruyère (1645 - 1696), nhà luân lí học, phê bình văn học người Pháp.

[19] Samuel Johnson (1709-1784), một trong những nhân vật văn học được biết đến nhiều nhất ở Anh, là nhà phê bình, lí luận văn học, nhà thơ, người viết tiểu sử, biên soạn từ điển, có nhiều câu cách ngôn nổi tiếng.

[20] Samuel Butler (1835-1902), nhà văn Anh, nổi tiếng với tác phẩm thơ trào phúng *Erewhon* và một cuốn tiểu thuyết xuất bản sau khi ông qua đời *The way of all flesh*.

[21] Johann Wolfgang von Goethe (1749-1832), nhà văn Đức viết ở nhiều lĩnh vực: thơ, kịch, văn học, thần học, chủ nghĩa nhân văn, khoa học, kiệt tác của ông được ngợi ca là đỉnh cao của văn học nhân loại là kịch thơ *Faust*.

[22] Benito Mussolini (1883-1945), chính trị gia người Ý, lãnh tụ của chủ nghĩa phát xít trên toàn thế giới và được tín nhiệm là nhân vật mở ra con đường thống trị của chủ nghĩa phát xít.

[23] Sigmund Freud (1856-1939), nhà tâm lí học người Áo, sáng tạo ra bộ môn Phân tâm học, phát hiện về cái vô thức trong cấu trúc tâm lí con người.

[24] Austen Chamberlain (1863-1937), chính trị gia Anh, được trao tặng giải Nobel Hòa bình năm 1925.

[25] George Romney (1734-1802), họa sĩ người Anh, chuyên vẽ chân dung và phong cảnh lịch sử.

[26] Rebecca West (1892-1983), nhà văn nữ người Anh, viết tiểu thuyết, phê bình văn học và viết báo, là một phong cách văn xuôi lớn của Anh và là một trong số những trí thức theo chủ nghĩa nam nữ bình quyền thế kỷ XX.

[27] Napoleon Bonaparte (1769-1821), người lãnh đạo quân đội và nhà nước Pháp, nhân vật có sự tác động to lớn đến lịch sử châu Âu hiện đại.

[28] George Macaulay Trevelyan (1876-1962), sử gia người Anh.

[29] Geoffrey Chaucer (1343-1400), nhà văn, triết gia, nhà ngoại giao, nhà thơ của văn học cổ điển Anh, thường được xem là cha đẻ của văn học Anh.

[30] “Đây vẫn là sự kiện lạ lùng và gần như không giải thích nổi. Đô thị của Athena nơi phụ nữ bị hà hiếp phải sống kiếp tôi đòi như con ở lại có thể dựng những vở kịch trong đó các nhân vật nữ như Clytemnestra, Cassandra, Atossa, Antigone, Phèdre, Medea và nhiều bậc anh thư tiết liệt khác, từ vở này sang vở kia, hoàn toàn không chế Euripides, “kẻ ghét bỏ đàn bà.” Nhưng sự nghịch lí trong thế giới này - sự kiện người đàn bà tiết hạnh chẳng bao giờ dám chường mặt một mình ra đường nhưng trên sân khấu thì tỏ ra hơn hoặc chí ít bằng người đàn ông - chưa bao giờ được giải thích thoả đáng. Kịch hiện đại cũng tương tự như thế, nhân vật nữ vẫn là kẻ không chế. Dù sao chẳng nữa, chỉ cần duyệt sơ qua các tác phẩm của Shakespeare (tương tự như với Webster, chứ không phải Marlowe hoặc Jonson) là thấy ngay sự không chế này, tính cách tiên phong của phụ nữ, liên tục từ Rosalind đến Lady Macbeth. Tác phẩm của Racine cũng thế; sáu kịch bản trong số những trước tác của ông lấy nhan đề là tên các bậc anh thư trong kịch; và chúng ta biết lấy tên các nhân vật nam nào đây để đối đầu với Hermione, Andromaque, Berenice, Roxane, Phèdre, và Athalie? Kịch của Ibsen cũng thế, ai là người nam tương xứng với Solveig, Nora, Heda, Hilda Wangel, và Rebecca West đây?” - Trích F. L. Lucas, *Bi kịch*, trang 114-15.]

[31] Joanna Baillie (1762-1851), nữ thi sĩ kiêm kịch tác gia người Scotland.

[32] Edgar Allan Poe (1809-1849), thi hào Mỹ, cũng viết truyện ngắn, làm báo, viết phê bình, một trong những nhà văn nhà thơ gây dựng Chủ nghĩa Lãng mạn ở Mỹ.

[33] Ovid (43 trước CN - 17 sau CN), Virgil (70 trước CN - 19 trước CN) Horace (65 trước CN - 8 trước CN), là ba nhà thơ kinh điển của La Mã cổ đại.

[34] Robert Burns (1759-1796), nhà thơ trữ tình, thần tượng của dân tộc Scotland, viết bằng tiếng Anh và phương ngữ Scotland.

[35] Edward Marlborough Fitzgerald (1809-1883), nhà thơ, dịch giả người Anh.

[36] Bút danh của Charlotte Brontë.

[37] George Sand (1804-1876), nhà văn nữ người Pháp, viết tiểu thuyết, kịch và theo chủ nghĩa nam nữ bình quyền.

[38] Pericles (495-429 TCN) nhà triết gia, chính khách, nhà hùng biện xuất chúng, lỗi lạc và có tầm ảnh hưởng rất lớn của Hi Lạp.

[39] Jean - Jacques Rousseau (1712-1778), nhà triết học, nhà văn, nhà soạn nhạc người Pháp, nhân vật chính của chủ nghĩa Khai sáng thế kỷ XVIII, triết thuyết về chính trị của ông có ảnh hưởng lớn đến cuộc Cách mạng Pháp và sự phát triển của lí luận về tự do, về Chủ nghĩa Xã hội.

[40] Thomas Carlyle (1795-1881), nhà văn trào phúng, nhà phê bình, nhà sử học người Scotland, sự nghiệp có tầm ảnh hưởng rất lớn thời Victoria, viết 3 tập cuốn *The French Revolution, a History* (Cách mạng Pháp, một lịch sử - 1837).

[41] Gustave Flaubert (1821-1880), nhà văn Pháp, được coi là một trong những nhà văn lớn nhất của phương Tây, nổi tiếng với cuốn tiểu thuyết đầu tay *Bà Bovary* (1857) và phong cách tuyệt đối trung thành với hiện thực.

[42] John Keats (1795-1821), một trong những nhà thơ tiêu biểu của dòng văn học lãng mạn Anh.

[43] Lord Birkenhead (1872-1930), nhà chính khách và luật gia của phái bảo thủ đầu thế kỷ XX.

[44] William Ralph Inge (1860-1954), nhà văn Anh, linh mục thuộc giáo phái Anh, và là giáo sư khoa thần học Đại học Cambridge

[45] Oscar Browning (1837-1923), nhà văn, nhà sử học và nhà cải cách giáo dục người Anh.

[46] Germaine Tailleferre (1892-1983), nhà soạn nhạc người Pháp, thành viên nữ duy nhất của nhóm nhạc nổi tiếng Les Six.

[47] *Một cuộc thăm dò nền âm nhạc đương đại*, Cecil Gray, tr. 246.

[48] Lord Granville Leveson-Gower (1773-1846), chính khách của Đảng Tự do, nhà ngoại giao người Anh.

[49] Florence Nightingale (1820-1910), nữ y tá đầu tiên, nhà văn, nhà thống kê học người Anh.

[50] Xin đọc thêm *Cassandra* của Florence Nightingale, in trong quyển *Nguyên nhân* của R. Strachey.

[51] John Donne (1572-1631), nhà thuyết pháp, nhà thơ Anh thuộc phái Jacobin, đại diện tiêu biểu cho giai đoạn thơ trừu tượng.

[52] Benjamin Jonson (1572-1637), nhà nhà thơ, nhà viết kịch và diễn viên kịch người Anh thời Phục Hưng, cùng thời với Shakespeare.

[53] Anne Kingsmill Finch (1661-1715), một trong những nhà thơ nữ người Anh đầu tiên xuất bản thơ của mình. Thơ bà viết về những điều tai nghe mắt thấy và trải nghiệm của bản thân với một niềm tin trong sáng.

[54] Alexander Pope (1688-1744), nhà thơ lớn của Anh thế kỷ XVIII, viết thơ trào phúng, là một trong ba nhà thơ được trích dẫn nhiều nhất ở Anh (sau Shakespeare và Tennyson).

[55] John Gay (1685-1732), nhà thơ, nhà soạn kịch người Anh, kịch bản nổi tiếng nhất là vở *The Beggar's Opera* viết năm 1728, một vở kịch trào phúng.

[56] Sir Samuel Egerton Brydges (1762-1837), nhà sưu tầm thư mục, nhà phá hệ học người Anh.

[57] Margaret Cavendish (1623-1673), công nương quý tộc, nhà văn người Anh viết nhiều tác phẩm.

[58] Dorothy Osborne (1627-1695), nhà văn nữ người Anh, tác phẩm của bà là những bức thư tình.

[59] Aphra Behn (1640-1689), nhà viết kịch, nhà văn có bút lực dồi dào, là một trong những nhà văn nữ chuyên nghiệp đầu tiên của Anh, cuốn hút người đọc với thể loại tiểu thuyết tình yêu.

[60] Christopher Marlowe (1564-1593), nhà viết kịch, nhà thơ, dịch giả người Anh, là tác giả bi kịch lỗi lạc thời Elizabeth, trước Shakespeare.

[61] Elizabeth Carter (1717-1806), nhà văn, nhà thơ cổ điển, nhà biên dịch người Anh, là thành viên xuất chúng và uyên bác của phong trào Bluestocking - một phong trào xã hội và giáo dục của phụ nữ Anh thế kỷ XVIII.

[62] *Hồi kí của Jane Austen*, viết bởi cháu trai của bà, James Edward Austen-Leigh.

[63] Lev Nikolayevich Tolstoy (1828-1910), nhà văn Nga, được tôn vinh là một trong những tiểu thuyết gia lớn nhất thế giới với kiệt tác *Chiến tranh và hòa bình*.

[64] Sir Samuel Fgerton Brydges (1762-1837), nhà phá hệ học, nhà văn đa phong cách, nổi tiếng với thể thơ sonnet.

[65] “[Bà] có mục đích siêu hình, đó là nỗi ám ảnh nguy hiểm, nhất là với đàn bà, bởi ít khi nào đàn bà sở hữu lòng đam mê mạnh mẽ khoa hùng biện như đàn ông. Nó là khuyết điểm lạ lùng nơi phái nữ mà các đặc tính khác đều sơ đẳng hơn, vật chất hơn.” - Trích *Tiêu chuẩn mới*, tháng 6 năm 1928.

[66] “Nhu người phóng viên báo chí, nếu bạn tin nhà văn nữ chỉ nên mang hoài bão đạt đến chân thiện mỹ bằng cách can đảm công nhận sự yếu kém của giới phái mình (Jane Austen chứng tỏ cho thấy người ta vẫn có thể thực hiện hành vi này một cách thật cao nhã)...” - Trích *Đời sống và văn chương*, tháng 8 năm 1928.

[67] Thomas Browne (1605-1682), nhà văn người Anh, với những tác phẩm phê diễn kiến thức sâu rộng của ông về nhiều lĩnh vực khác nhau như: y học, tôn giáo, khoa học và những kiến thức bí truyền.

[68] William Makepeace Thackeray (1811-1863), tiểu thuyết gia của chủ nghĩa hiện thực phê phán Anh thế kỷ XIX, đặc biệt nổi tiếng với tác phẩm *Vanity Fair* (Hội chợ phù hoa) - bức tranh toàn cảnh xã hội Anh đương thời.

[69] John Henry Newman (1801-1890), người cải đạo từ giáo phái Anh, theo đạo Cơ đốc giáo La Mã cổ và sau này trở thành Hồng y giáo chủ, viết nhiều cuốn sách có ảnh hưởng lớn.

[70] Laurence Sterne (1713-1768), tiểu thuyết gia người Anh, giáo sĩ giáo phái Anh, nổi tiếng với những tiểu thuyết như: *The Life and Opinions of Tristram Shandy Gentleman...*

[71] Charles Dickens (1812-1870), tiểu thuyết gia hiện thực người Anh, cũng là người dẫn thân vào xã hội một cách mạnh mẽ.

[72] Thomas de Quincey (1785-1859), nhà văn, trí giả nổi tiếng người Anh.

[73] Honoré de Balzac (1799-1850), tiểu thuyết gia hiện thực, nhà viết kịch người Pháp, tác phẩm lớn của ông bao gồm chuỗi tiếp nối gần 100 tiểu thuyết và kịch.

[74] Edward Gibbon (1737-1794), sử gia người Anh.

[75] Jane Ellen Harrison (1850-1928), nhà khảo cổ học Anh, người theo thuyết nam nữ bình quyền.

[76] Vernon Lee (1856-1935), nhà văn nữ Anh, viết thơ, tiểu luận và đặc biệt là nổi tiếng với sáng tác có tính chất siêu nhiên, giả tưởng.

[77] Gertrude Bell (1868-1926), nhà văn Anh, nhà khảo cổ học, nhà phân tích và quản lý chính trị người Anh ở Ba Tư.

[78] Sir Chartres Biron: Thẩm phán người Anh, được nhắc đến ở đây vì đã ra phán quyết thu hồi và tiêu huỷ tác phẩm tiểu thuyết *The Well of Loneliness* của nhà văn nữ Radclyffe Hall (1880-1943) vì theo ông cuốn sách này có nội dung đồng tính luyến ái.

[79] Marcel Proust (1871-1922), nhà văn, nhà phê bình, lí luận văn học người Pháp, nổi tiếng với cuốn tiểu thuyết viết theo dòng ý thức *Đi tìm thời gian đã mất*.

[80] John Burke (1787-1848), nhà phá hệ học người Ireland, lập ra Burke's Peerage, cuốn danh sách quý tộc.

[81] John Debrett (1753-1822), ở đây "Debrett" nói đến nhà xuất bản của Debrett, xuất bản cuốn phá hệ danh sách quý tộc là đối thủ với cuốn của John Burke.

[82] Evelyn Whitaker (1857-1903), nữ tiểu thuyết gia người Anh, phong cách “rõ ràng, tự nhiên và chính xác”.

[83] William Cowper (1731-1800), nhà thơ Anh, người soạn thánh ca, một trong những nhà thơ nổi tiếng đương thời, thay đổi thơ giáo huấn thế kỷ XVIII bằng lối thơ tự nhiên viết về cuộc sống và phong cảnh làng quê nước Anh.

[84] Percy Bysshe Shelley (1792-1822), nhà thơ lãng mạn Anh.

[85] Voltaire (1694-1778) nhà văn, nhà lí luận, nhà thần học và triết gia của chủ nghĩa Khai sáng Pháp.

[86] Sir William Joynson Hicks (1865-1932): nhà quý tộc Anh, tử tước Brentford.

[87] Samuel Taylor Coleridge (1772-1834), nhà thơ, nhà phê bình, triết gia người Anh, một trong những người sáng lập trào lưu lãng mạn Anh.

[88] Phong trào Suffrage đòi hỏi quyền đầu phiếu cho phụ nữ gây sự phân hoá trầm trọng, nhất là ở Anh quốc.

[89] John Galsworthy (1867-1933), tiểu thuyết gia, kịch gia người Anh, đoạt giải Nobel văn chương năm 1932.

[90] Rudyard Kipling (1865-1936), nhà văn, nhà thơ nổi tiếng người Anh cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

[91] Trích *Nghệ thuật viết văn* của Sir Auther Thomas Quiller-Couch (1863-1944), nhà văn xứ Cornwall.

[92] Sappho (630 trước CN - 612 trước CN), nhà thơ nữ của Hi Lạp cổ đại.

[93] Murasaki Shikibu (973-1014 hoặc 1025), nữ nhà thơ, tiểu thuyết gia Nhật Bản.

[94] Sir Archibald Bodkin (1862-1957): Luật gia Anh, chủ tịch Công tố viện, nổi tiếng với những vụ nghiêm cấm sách báo mà ông cho là vi phạm thuần phong mỹ tục.

[95] *Quyển sử ngăn về đàn bà*, của John Langdon Davies (1897-1971), nhà văn, nhà báo người Anh.

[96] Sidney Lee (1859 - 1926), nhà phê bình, nhà viết tiểu sử người Anh.

Mục lục

[Chương một](#)

[Chương hai](#)

[Chương ba](#)

[Chương bốn](#)

[Chương năm](#)

[Chương sáu](#)

[Niên biểu tóm tắt về cuộc đời và tác phẩm của Virginia Woolf](#)